

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

TRẦN THỊ THU HÀ

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG MỞ RỘNG ĐƯỜNG LÁNG - HÒA LẠC**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

HÀ NỘI - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

TRẦN THỊ THU HÀ

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG MỞ RỘNG ĐƯỜNG LÁNG - HÒA LẠC**

Chuyên ngành : Kế toán

Mã số : 8340301

LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. BÙI THỊ NGỌC

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập thực sự của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, kết quả trong luận văn là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Trần Thị Thu Hà

LỜI CẢM ƠN

Sau thời gian nghiên cứu nghiêm túc, đến nay tôi đã hoàn thành bài luận văn đề bảo vệ tốt nghiệp tại trường Đại học Lao động - Xã hội.

Để đạt được kết quả này, trước hết tôi xin gửi lời cảm ơn đến tập thể các thầy giáo, cô giáo khoa Kế toán, Khoa Sau đại học trường Đại học Lao động - Xã hội đã tận tình truyền đạt kiến thức, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành tốt quá trình học tập cũng như nghiên cứu trong thời gian học tập tại trường.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô giáo hướng dẫn TS. Bùi Thị Ngọc trong thời gian qua đã hướng dẫn, giúp đỡ tận tình và đầy trách nhiệm để tôi hoàn thành bài luận văn.

Tôi cũng xin cảm ơn lời cảm ơn đến Giám đốc và cán bộ nhân viên phòng Tài chính - Tổng hợp đã tạo điều kiện, hỗ trợ tôi nghiên cứu và thu thập tài liệu phục vụ cho bài luận văn này.

Tôi xin cảm ơn các thầy cô giáo, các bạn đọc đã quan tâm đến bài luận văn này, rất mong nhận được những góp ý để luận văn không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa trong thực tiễn.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	V
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU	VI
CHƯƠNG 1 GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU	1
1.1. Tính cấp thiết của đề tài	1
1.2. Tổng quan nghiên cứu	2
1.3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu của đề tài	4
1.4. Phương pháp nghiên cứu	5
1.5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.....	6
1.6. Kết cấu của đề tài	6
CHƯƠNG 2 LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP	7
2.1. Những vấn đề về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp.	7
2.1.1. Đặc điểm của hoạt động xây lắp ảnh hưởng tới kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	7
2.1.2. Khái niệm, phân loại và nguyên tắc kế toán doanh thu	8
2.1.3. Khái niệm, phân loại và nguyên tắc kế toán chi phí	16
2.1.4. Khái niệm, phân loại và nguyên tắc kế toán kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp xây lắp chuẩn mực số 15 (VAS 15) chỉ ra cách xác định như sau:	23
2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán tài chính.....	25
2.2.1. Kế toán doanh thu	25
2.2.2. Kế toán chi phí xây lắp.....	31
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	36

2.3. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán quản trị	37
2.3.1. Kế toán quản trị doanh thu	38
2.3.2. Kế toán quản trị chi phí	44
2.3.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	52
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	55
CHƯƠNG 3 THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG ĐƯỜNG LÁNG - HÒA LẠC	56
3.1. Đặc điểm chung của ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc	56
3.1.1. Quá trình hình thành, phát triển và chức năng nhiệm vụ ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc	56
3.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban trong BQL:	58
3.1.3. Đặc điểm hoạt động tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc	60
3.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc	62
3.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán tài chính	67
3.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc	67
3.2.2. Kế toán chi phí tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán tài chính	75
3.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán tài chính	82

3.3. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán quản trị.....	85
3.3.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán quản trị	85
3.3.2. Kế toán chi phí tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán quản trị	86
3.3.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán quản trị.	87
3.4. Đánh giá thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại BQL dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc	88
3.4.1. Ưu điểm.....	89
3.4.2. Hạn chế	90
3.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế	92
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	93
CHƯƠNG 4 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG ĐƯỜNG LÁNG - HÒA LẠC....	94
4.1. Định hướng phát triển, yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện của ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc.....	94
4.1.1. Phải tuân thủ theo đúng chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành	96
4.1.2. Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh, hệ thống quản lý của ban quản lý	96
4.1.3. Phải đáp ứng việc cung cấp thông tin kịp thời, tin cậy.....	96
4.1.4. Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả	97

4.2. Nội dung và giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc	97
4.2.1. Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng Đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán tài chính.....	98
4.2.2. Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường láng - hòa lạc góc độ kế toán quản trị.....	100
4.3. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện	104
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4.....	106
KẾT LUẬN.....	107
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	108
PHỤ LỤC.....	111

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nghĩa tiếng việt
BCTC	Báo cáo tài chính
BQL	Ban quản lý
KTTC	Kế toán tài chính
KTQT	Kế toán quản trị
KQKD	Kết quả kinh doanh
IAS	Chuẩn mực kế toán quốc tế
TK	Tài khoản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
VAS	Chuẩn mực kế toán Việt Nam

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 2.1: Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Phụ lục 01)	30
Sơ đồ 2.2: Phương pháp hạch toán doanh thu từ hoạt động tài chính (Phụ lục 01).....	31
Sơ đồ 2.3: Phương pháp hạch toán các khoản thu nhập khác (Phụ lục 01) ...	31
Sơ đồ 3.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của BQL dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	58
Sơ đồ 3.2: Tổ chức bộ máy kế toán của BQL dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	62
Sơ đồ 3.3: Quy trình xử lý dữ liệu trong phần mềm	65

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây nền kinh tế nước ta có những chuyển biến to lớn. Trước xu thế hội nhập toàn cầu hóa đòi hỏi phải có cơ sở hạ tầng phát triển, đặc biệt là cơ sở hạ tầng về giao thông vận tải để đảm bảo lưu thông trong việc vận chuyển hàng hóa cũng như di chuyển của con người. Vì vậy mà vấn đề phát triển hạ tầng giao thông rất được chú trọng.

Tuy nhiên đây là một lĩnh vực rất phức tạp trong đời sống kinh tế - xã hội cần được quản lý một cách chặt chẽ dưới nhiều góc độ khác nhau nhằm đảm bảo chiến lược phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ nhất định.

Để thành công trong lĩnh vực kinh doanh, doanh nghiệp phải xác định đúng hướng đầu tư bao gồm ngành nghề sản xuất kinh doanh, quy mô và tốc độ đầu tư, chiến lược về mặt hàng, chất lượng, chi phí, giá bán, thị trường và rất nhiều vấn đề khác. Dù kinh doanh trong bất kỳ lĩnh vực nào thì doanh thu và chi phí luôn được cân, đong, đo, đếm và mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp vẫn là lợi nhuận. Vì vậy mà công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn được các nhà lãnh đạo quan tâm và dần hoàn thiện cho doanh nghiệp mình.

Đặc biệt là đối với Ban quản lý dự án thì câu hỏi đặt ra là làm sao để huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất nguồn vốn đầu tư, đảm bảo chất lượng và thời hạn xây dựng với chi phí hợp lý và phù hợp với các quy định của Nhà nước? Chính từ những đòi hỏi đó các Ban quản lý dự án thực hiện vai trò Tổng thầu muốn tồn tại và phát triển phải tổ chức tốt tất cả các công việc: từ nghiên cứu đánh giá dự án, lập dự thầu, xây dựng phương án cho từng lần giải ngân rút vốn đều phải có sự tính toán hết sức kỹ lưỡng, để đảm bảo tăng doanh thu và

giảm chi phí từ đó có kết quả hoạt động kinh doanh là tốt nhất.

Đứng trước thực tiễn đó, các biện pháp quản lý nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng cần phải thường xuyên theo dõi để xác định cho phù hợp với từng giai đoạn thi công. Và trong thực tế ta thấy rằng để làm được điều đó Ban quản lý dự án không chỉ phải quan tâm đến kế toán tài chính mà còn phải quan tâm đến kế toán quản trị.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở các Ban quản lý dự án thực hiện vai trò Tổng thầu nói chung và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc nói riêng đã được tổ chức hoàn thiện dần, tuy nhiên kế toán doanh thu chưa được ghi nhận kịp thời, cũng như kế toán chi phí chưa có tiêu thức phân bổ một cách hợp lý. Bởi vậy, cải tiến và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh nói riêng trong các Ban quản lý dự án luôn được đặt ra với mục đích nhằm tổ chức khoa học, hợp lý hơn nữa công tác kế toán này, làm cơ sở cho các thông tin kế toán cung cấp đảm bảo tính đúng đắn và đáng tin cậy.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, cũng như thực tiễn tại đơn vị công tác còn một số vấn đề bất cập trong việc xác định chi phí cũng như xác định doanh thu của đơn vị tôi đã chọn đề tài **“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc”** cho Luận văn Thạc sỹ của mình.

1.2. Tổng quan nghiên cứu

Chủ đề về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được rất nhiều nhà khoa học nghiên cứu đứng dưới những góc độ khác nhau, trong hoàn cảnh khác nhau tại các đơn vị, doanh nghiệp cụ thể bao gồm:

Đề tài: “Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh xăng dầu tại các công ty xăng dầu Miền Bắc thuộc Tổng công ty xăng

dầu Việt Nam - Petrolimex” của tác giả Nguyễn Quang Nghị năm 2010, tác giả đã hệ thống hóa những lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thương mại theo quy định của chế độ kế toán hiện hành. Đề tài đã chỉ ra được những ưu điểm và hạn chế của việc vận dụng lý luận vào hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở một số công ty xăng dầu thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam - Petrolimex. Từ đó tìm ra các nguyên nhân của những tồn tại và đề xuất được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các công ty xăng dầu Miền Bắc thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam - Petrolimex. Tuy nhiên hạn chế lớn nhất của đề tài những đề xuất, kiến nghị tác giả đưa ra chỉ dưới góc độ kế toán tài chính mà chưa đề cập đến kế toán quản trị.

Đề tài nghiên cứu của Vũ Quốc Dương năm 2015, “ Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh”. Luận văn thạc sĩ đã chỉ ra những tồn tại của mảng kế toán này trong thực tế tại Công ty như chưa tiến hành mã hóa cụ thể các tài khoản doanh thu, chưa xác định được kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng, từng siêu thị, chính sách kinh doanh còn chưa phù hợp liên quan đến hạch toán doanh thu, chi phí. cũng chỉ ra được nhiều bất cập liên quan đến phân loại chi phí cho từng đối tượng và đề ra các giải pháp hoàn thiện phần kế toán chi phí.

Đề tài nghiên cứu của Nguyễn Thanh Thủy năm 2015 “Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP kỹ thuật và xây dựng Minh Cường. Trong luận văn thạc sĩ này, nhìn chung các tác giả đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các khía cạnh: đặc điểm, nhiệm vụ, vai trò, nguyên tắc, nội dung kế toán từ đó đề xuất những phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Tuy nhiên luận văn còn mang tính chung chung chưa làm rõ nổi bật được tính khác biệt của doanh nghiệp xây dựng, cũng như chưa xem xét đến báo cáo quản trị của doanh nghiệp.

Nhìn chung những đề tài nói trên đã nêu lên những đặc điểm của doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh cũng như ý nghĩa đối với hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên các đề tài này chưa nghiên cứu một cách toàn diện, đồng bộ về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trên cả hai phương diện: Kế toán tài chính và kế toán quản trị, và đặc biệt là với các đơn vị là Ban quản lý dự án. Với đề tài nghiên cứu: “**Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc**” lần đầu tiên được thực hiện, với mục tiêu là qua quá trình nghiên cứu đặc điểm kinh doanh, tình hình quản lý tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc để làm rõ lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trên cả góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị qua đó đánh giá những ưu điểm, đưa ra những vấn đề tồn tại và nguyên nhân của các vấn đề đó.

1.3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Phạm vi nghiên cứu về không gian: Nghiên cứu điển hình tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc.

Phạm vi nghiên cứu về thời gian: Năm 2017

Phạm vi nghiên cứu về nội dung: Nghiên cứu về kế toán doanh thu và chi phí và kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Mục tiêu nghiên cứu: Nghiên cứu những vấn đề cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Vận dụng những lý thuyết để nghiên cứu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc.

Trên cơ sở khái quát lý luận và nghiên cứu thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại BQL, luận văn đưa ra các đánh giá, nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện luận văn, đã áp dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và áp dụng các phương pháp cụ thể:

Phương pháp điều tra, thu thập thông tin.

Trong phương pháp này, qua thời gian tìm hiểu thực tế cũng như trao đổi trực tiếp với những cán bộ nhân viên tại Ban quản lý, tiến hành thu thập cả dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp để phục vụ công trình nghiên cứu này. Cụ thể:

Dữ liệu sơ cấp: Trực tiếp điều tra, quan sát, thu thập thông tin từ các nhân viên kế toán và Giám đốc để hiểu rõ bản chất công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị.

Dữ liệu thứ cấp: Tác giả thu thập các nghiên cứu có liên quan đến chủ đề này để viết phần cơ sở lý luận và tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan; sau đó là thu thập BCTC, sổ sách, chứng từ kế toán có liên quan đến phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý.

Phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh:

Sau quá trình điều tra, thu thập thông tin cả sơ cấp và thứ cấp, tác giả tiến hành phân tích, tổng hợp, thống kê và đánh giá về vấn đề nghiên cứu.

Cũng trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng các bảng biểu, sơ đồ, trình tự hạch toán nhằm làm rõ hơn vấn đề nghiên cứu.

1.5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Về mặt lý luận: Luận văn góp phần làm rõ cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại các Ban quản lý dự án thực hiện vai trò Tổng thầu.

Về mặt thực tiễn: Qua khảo sát thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc, đề tài đã đưa ra phân tích ưu điểm, hạn chế của công tác kế toán tại Ban quản lý. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban quản lý thực hiện với vai trò Tổng thầu.

1.6. Kết cấu của đề tài

Nội dung chính của luận văn được trình bày theo 4 chương:

Chương 1: Giới thiệu về đề tài nghiên cứu.

Chương 2: Cơ sở lý luận kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp.

Chương 3: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc.

Chương 4: Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc.

CHƯƠNG 2

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

2.1. Những vấn đề về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp.

2.1.1. Đặc điểm của hoạt động xây lắp ảnh hưởng tới kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Như ta đã biết hoạt động sản xuất xây lắp là hoạt động xây dựng mới, mở rộng, khôi phục, cải tạo lại hay hiện đại hóa các công trình hiện có thuộc mọi lĩnh vực trong nền kinh tế quốc dân như công trình giao thông thủy lợi, các khu công nghiệp, các công trình quốc phòng, công trình dân dụng khác. Đây là ngành sản xuất mang tính công nghiệp nhằm tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, góp phần hoàn thiện cơ cấu kinh tế, tạo tiền đề để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Các đặc điểm của hoạt động xây lắp sẽ ảnh hưởng tới công tác kế toán doanh thu chi phí, kết quả kinh doanh:

Thứ nhất: Sản phẩm xây lắp là những công trình hoặc vật kiến trúc có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, mang tính đơn chiếc. Mỗi sản phẩm được xây lắp theo thiết kế kỹ thuật và giá dự toán riêng. Do đó, đòi hỏi mỗi sản phẩm trước khi tiến hành sản xuất phải lập dự toán về thiết kế thi công và trong quá trình sản xuất sản phẩm xây lắp phải tiến hành so sánh với dự toán, lấy dự toán làm thước đo.

Thứ hai: Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo giá trị dự toán hoặc giá thanh toán với đơn vị chủ thầu, giá này thường được xác định trước khi tiến hành sản xuất thông qua hợp đồng giao nhận thầu. Mặt khác sản phẩm xây lắp

không thuộc đối tượng lưu thông, nơi sản xuất đồng thời là nơi tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy sản phẩm xây lắp là loại hàng hoá có tính chất đặc biệt.

Thứ ba Thời gian sử dụng của sản phẩm xây lắp là lâu dài và giá trị của sản phẩm xây lắp rất lớn. Đặc điểm này đòi hỏi các doanh nghiệp xây lắp trong quá trình sản xuất phải kiểm tra chặt chẽ chất lượng công trình để đảm bảo cho công trình và tuổi thọ của công trình theo thiết kế.

Thêm vào đó Ban quản lý dự án cũng có những đặc điểm riêng khác với công ty xây lắp. Ta có thể hiểu Ban quản lý nói chung là mô hình trong đó Chủ đầu tư thành lập ra đơn vị chuyên trách mà thành viên của Ban quản lý dự án là các cán bộ từ các phòng ban chức năng làm việc kiêm nhiệm. Nhiệm vụ của Ban quản lý dự án là việc lên kế hoạch điều phối thời gian, nguồn lực và giám sát quá trình phát triển của dự án nhằm đảm bảo dự án hoàn thành đúng thời hạn trong phạm vi nguồn ngân sách đã được duyệt và đạt các yêu cầu đã định về kỹ thuật và chất lượng sản phẩm dịch vụ bằng những phương pháp và điều kiện tốt nhất cho phép.

Để phát huy đầy đủ vai trò là công cụ quản lý kinh tế, công tác kế toán trong hoạt động xây lắp của Ban quản lý phải được tổ chức phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm trong xây dựng cơ bản và thực hiện nghiêm túc các chế độ của kế toán do Nhà nước ban hành.

2.1.2. Khái niệm, phân loại và nguyên tắc kế toán doanh thu

2.1.2.1. Khái niệm doanh thu

Hiện nay có rất nhiều tài liệu trong nước và quốc tế đưa ra các khái niệm về doanh thu. Doanh thu là một trong những yếu tố quan trọng để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Khi được phản ánh theo lĩnh vực và khu vực kinh doanh, doanh thu giúp cho người tiếp nhận thông tin có thể hiểu được hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá được rủi ro, mức sinh lợi của doanh

nghiệp. Từ đó, người tiếp nhận thông tin có thêm cơ sở để thể nhận thức rõ ràng hơn, đưa ra các quyết định phù hợp và đúng đắn hơn.

Doanh thu được trình bày trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp để cung cấp thông tin cho việc đánh giá năng lực của doanh nghiệp trong việc tạo ra các nguồn tiền và các khoản tương đương tiền trong tương lai.

Tại Việt Nam, theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 (VAS 01) “Chuẩn mực chung” định nghĩa: “Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu [31. Tình hình kinh doanh VAS 01].

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14: “Doanh thu và thu nhập khác”, định nghĩa “Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu” (mục 03.VAS 14)

Theo Chuẩn mực kế toán quốc tế số 18 (IAS 18) định nghĩa: “ Doanh thu là dòng tiền đầu vào mà doanh nghiệp thu được trong quá trình hoạt động (dòng tiền dẫn đến sự gia tăng vốn chủ sở hữu hoặc ảnh hưởng đến sự đóng góp của vốn chủ sở hữu)”

Như vậy, có rất nhiều quan niệm về doanh thu khác nhau cả ở tầm quốc tế và trong nước. Tuy nhiên những quan niệm đều có sự tương đồng với nhau về bản chất. Ở đây, bản chất doanh thu là các khoản thu và lợi ích kinh tế phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường, là cơ sở tạo ra kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 (VAS 15): Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu

tổ không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Đối với hoạt động của Ban quản lý thì các đặc điểm của hoạt động xây lắp sẽ ảnh hưởng tới công tác kế toán.

Thứ nhất: Chúng ta phải nhắc đến khái niệm hợp đồng xây dựng để từ đó hiểu hơn về khái niệm doanh thu.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 (VAS 15) “Hợp đồng xây dựng: Là hợp đồng bằng văn bản về việc xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc các mục đích sử dụng cơ bản của chúng”

Hợp đồng xây dựng với giá cố định: Là hợp đồng xây dựng trong đó nhà thầu chấp thuận một mức giá cố định cho toàn bộ hợp đồng hoặc một đơn giá cố định trên một đơn vị sản phẩm hoàn thành. Trong một số trường hợp khi giá cả tăng lên, mức giá đó có thể thay đổi phụ thuộc vào các điều khoản ghi trong hợp đồng.

Hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm: Là hợp đồng xây dựng trong đó nhà thầu được hoàn lại các chi phí thực tế được phép thanh toán, cộng (+) thêm một khoản được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên những chi phí này hoặc được tính thêm một khoản phí cố định.

Thứ hai: Doanh thu của hợp đồng xây dựng.

Nếu hợp đồng xây dựng có thời hạn < 1 năm thì doanh thu ghi nhận của hoạt động xây lắp được áp dụng theo chuẩn mực kế toán doanh thu và thu nhập khác.

Nếu hợp đồng xây dựng có thời hạn > 1 năm doanh thu ghi nhận của hợp đồng xây dựng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Hợp đồng xây dựng.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

(a) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và

(b) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Thứ ba: Đặc điểm doanh thu hợp đồng xây dựng:

(a) Nhà thầu và khách hàng có thể đồng ý với nhau về các thay đổi và các yêu cầu làm tăng hoặc giảm doanh thu của hợp đồng trong kỳ tiếp theo so với hợp đồng được chấp thuận ban đầu;

(b) Doanh thu đã được thỏa thuận trong hợp đồng với giá cố định có thể tăng vì lý do giá cả tăng lên;

(c) Doanh thu theo hợp đồng có thể bị giảm do nhà thầu không thực hiện đúng tiến độ hoặc không đảm bảo chất lượng xây dựng theo thỏa thuận trong hợp đồng;

(d) Khi hợp đồng với giá cố định quy định mức giá cố định cho một đơn vị sản phẩm hoàn thành thì doanh thu theo hợp đồng sẽ tăng hoặc giảm khi khối lượng sản phẩm tăng hoặc giảm.

Thứ tư: Sự thay đổi theo yêu cầu của khách hàng về phạm vi công việc được thực hiện theo hợp đồng. Khi:

(a) Có khả năng chắc chắn khách hàng sẽ chấp thuận các thay đổi và doanh thu phát sinh từ các thay đổi đó; và

(b) Doanh thu có thể xác định được một cách tin cậy.

Khoản tiền thưởng là các khoản phụ thêm trả cho nhà thầu nếu họ thực hiện hợp đồng đạt hay vượt mức yêu cầu. Ví dụ, trong hợp đồng có dự kiến trả cho nhà thầu khoản tiền thưởng vì hoàn thành sớm hợp đồng. Khoản tiền thưởng được tính vào doanh thu của hợp đồng khi:

(a) Chắc chắn đạt hoặc vượt mức một số tiêu chuẩn cụ thể đã ghi trong hợp đồng; và

(b) Khoản tiền thưởng có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Một khoản thanh toán khác mà nhà thầu thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng. Ví dụ: Sự chậm trễ do khách hàng gây nên; sai sót trong các chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thiết kế và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng. Việc xác định doanh thu tăng thêm từ các khoản thanh toán trên còn tùy thuộc vào rất nhiều yếu tố không chắc chắn và thường phụ thuộc vào kết quả của nhiều cuộc đàm phán. Do đó, các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu của hợp đồng khi:

(a) Các thoả thuận đã đạt được kết quả là khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường;

(b) Khoản thanh toán khác được khách hàng chấp thuận và được xác định một cách đáng tin cậy.

2.1.2.2. Phân loại doanh thu

Dựa trên bản chất các lĩnh vực tạo ra doanh thu hay bản chất kinh tế của doanh thu, trong doanh nghiệp doanh thu bao gồm:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là tổng số tiền mà doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được từ các hoạt động kinh tế phát sinh như: bán hàng, sản phẩm, cung cấp dịch vụ, ...

Doanh thu từ hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.

Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm:

Cho các bên khác sử dụng tài sản của doanh nghiệp,

Tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính;

Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;

Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn và lợi nhuận được chia từ việc đầu tư ra ngoài doanh nghiệp (bao gồm cả phần lợi nhuận sau thuế sau khi để lại trích các Quỹ của doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên; lợi nhuận sau thuế được chia theo vốn nhà nước và lợi nhuận sau thuế trích lập Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập).

Thu nhập khác là các khoản thu nhập được tạo ra từ các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Thu nhập khác gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường các khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng và các khoản thu khác...

2.1.2.3. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện được ghi nhận cụ thể đối với từng loại doanh thu tại CMKT Việt Nam VAS số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”

Điều kiện ghi nhận doanh thu cụ thể như sau:

Đối với doanh thu bán hàng

Theo mục 10 CMKT Việt Nam VAS số 14, Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Theo CMKT Việt Nam VAS số 14, Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với doanh thu từ hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

(a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

(b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng chỉ được ghi nhận như sau:

a. Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo tiến độ kế hoạch

Trong trường hợp này, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi

nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

b. Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện

Trong trường hợp này, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

2.1.2.4. Các nguyên tắc kế toán chi phối đến doanh thu

Các nguyên tắc kế toán là tuyên bố chung như những chuẩn mực, mực thước và những hướng dẫn để phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính để đạt được những mục tiêu đầy đủ, dễ hiểu, đáng tin cậy và có thể so sánh được.

Trong đó, các nguyên tắc chi phối đến doanh thu như:

Nguyên tắc cơ sở dồn tích.

Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp liên quan doanh thu, phải được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền tương đương tiền. báo cáo tài chính lập trên cơ sở dồn tích phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Các khoản thu nhập phải thực hiện nguyên tắc hạch toán dồn tích gồm: Thu lãi tiền gửi, thu lãi cho vay đối với những khoản cho vay trong hạn (đủ tiêu chuẩn, lành mạnh), thu lãi đầu tư chứng khoán và các khoản thu khác nếu có đủ bằng chứng xác định thời điểm phát sinh khoản thu, đồng thời thời điểm phát sinh khoản thu và thời điểm thực tế thu là khác nhau.

Nguyên tắc nhất quán.

Nguyên tắc này được phát biểu như sau: các chính sách và phương pháp kế toán mà doanh nghiệp đã chọn phải được áp dụng thống nhất ít nhất trong

một kỳ kế toán năm. Trường hợp có thay đổi chính sách và phương pháp kế toán đã chọn thì phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

Nguyên tắc phù hợp

Nguyên tắc này yêu cầu việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Nguyên tắc thận trọng

Theo nguyên tắc thận trọng doanh thu và thu nhập được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế.

2.1.3. Khái niệm, phân loại và nguyên tắc kế toán chi phí

2.1.3.1. Nội dung chi phí hợp đồng xây dựng

Theo CMKT Việt Nam số 01 “ Chuẩn mực chung”(VAS 01): Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Theo chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 23 Chi phí là sự sụt giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức giảm tài sản hay tăng nợ phải trả làm giảm vốn chủ sở hữu, nhưng không bao gồm các khoản phân phối vốn cho các người tham gia góp vốn.

Đặc điểm chi phí hoạt động xây lắp:

- (a) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;
- (b) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể;

Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cũng bao gồm chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định trong Chuẩn mực "Chi phí đi vay".

(c) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

Chi phí của hợp đồng bao gồm chi phí liên quan đến hợp đồng trong suốt giai đoạn kể từ khi ký hợp đồng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Các chi phí liên quan trực tiếp đến hợp đồng phát sinh trong quá trình đàm phán hợp đồng cũng được coi là một phần chi phí của hợp đồng nếu chúng có thể xác định riêng rẽ, có thể ước tính một cách đáng tin cậy và có nhiều khả năng là hợp đồng sẽ được ký kết. Nếu chi phí phát sinh trong quá trình đàm phán hợp đồng đã được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi chúng phát sinh thì chúng không còn được coi là chi phí của hợp đồng xây dựng khi hợp đồng được ký kết vào thời kỳ tiếp sau.

2.1.3.2. Phân loại chi phí

• Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động

Chi phí phát sinh trong các doanh nghiệp sản xuất, xét theo từng hoạt động có chức năng khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh mà chúng phục vụ, được chia thành hai loại: Chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất.

* Chi phí sản xuất

Giai đoạn sản xuất là giai đoạn chế biến nguyên vật liệu thành thành phẩm bằng sức lao động của công nhân kết hợp với việc sử dụng máy móc thiết bị. Chi phí sản xuất bao gồm ba khoản mục: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp.

Chi phí sản xuất chung

- **Các tiêu thức phân loại chi phí khác**

Căn cứ vào mối quan hệ của chi phí với đối tượng chịu chi phí, chi phí chia thành: Chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp

Chi phí trực tiếp: là các khoản chi phí mà kế toán có thể tập hợp thẳng cho từng đối tượng chịu chi phí. Ví dụ: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp...

Chi phí gián tiếp: là các khoản chi phí mà kế toán không thể tập hợp thẳng cho từng đối tượng chịu chi phí mà phải phân bổ cho từng đối tượng chịu chi phí theo tiêu thức phân bổ phù hợp. Độ chính xác của chi phí gián tiếp cần phân bổ còn phụ thuộc vào tiêu thức phân bổ. Tiêu thức phân bổ phải lựa chọn phù hợp và thường dựa vào những căn cứ khoa học như: Có tính đại diện cao cho chi phí gián tiếp cần phân bổ, thuận tiện cho việc tính toán, thống nhất cả kỳ hạch toán...

2.1.3.3. Điều kiện ghi nhận chi phí

Theo chuẩn mực số 01 thì điều kiện ghi nhận chi phí:

Chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.

Các chi phí được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Khi lợi ích kinh tế dự kiến thu được trong nhiều kỳ kế toán có liên quan đến doanh thu và thu nhập khác được xác định một cách gián tiếp thì các chi phí liên quan được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

Một khoản chi phí được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

Đối với ngành xây lắp, do đặc thù về hoạt động nên điều kiện ghi nhận chi phí sẽ được xem xét theo 2 trường hợp sau:

a. Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo tiến độ kế hoạch

Trong trường hợp này, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

b. Trường hợp HĐXD quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện

Trong trường hợp này, khi kết quả thực hiện HĐXD được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

2.1.3.4. Các nguyên tắc kế toán chi phối đến chi phí

** Nguyên tắc kế toán cơ sở dồn tích*

- Các khoản chi phí được hạch toán vào các tài khoản chi phí thích hợp tại thời điểm khoản chi phí phát sinh mà không phụ thuộc vào thời điểm hạch toán, các khoản chi phí này đã được thanh toán hay chưa.

- Các khoản chi phí đã chi trước cho nhiều kỳ thì phải thực hiện phân bổ dần vào các kỳ kế toán tương ứng.

- Cơ sở để tính lãi phải thu, lãi phải trả dồn tích hoặc lãi phân bổ, chi phí phân bổ trong kỳ được cụ thể hoá cho từng loại nghiệp vụ thích hợp, đảm bảo nội dung kinh tế của nghiệp vụ, quán triệt nguyên tắc “cơ sở dồn tích” đồng thời với quán triệt các nguyên tắc thận trọng, phù hợp.

Các khoản chi phí phải thực hiện nguyên tắc hạch toán dồn tích gồm: Chi trả lãi tiền gửi, chi trả lãi đi vay, chi lãi tín phiếu, trái phiếu do NHNN phát hành, các khoản chi phí in, đúc tiền và các khoản chi khác nếu có đủ bằng chứng xác định thời điểm phát sinh khoản chi, đồng thời thời điểm phát sinh khoản chi và thời điểm thực tế chi là khác nhau.

Các khoản chi phí ngoài các khoản trên và một số khoản chi được quy định cụ thể theo chế độ hiện hành được hạch toán vào tài khoản chi phí thích hợp trên cơ sở chứng từ hợp pháp, hợp lệ đã được chấp nhận thanh toán thực chi.

Những nguyên tắc kế toán chi phối đến chi phí có thể kể đến đó là:

** Nguyên tắc thận trọng*

Thận trọng là việc phải xem xét, cân nhắc, có những phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn. Nguyên tắc thận trọng yêu cầu việc ghi tăng vốn chủ sở hữu chỉ được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn, còn việc ghi giảm vốn chủ sở hữu phải được ghi nhận từ khi có chứng cứ về khả năng có thể xảy ra.

Theo nguyên tắc thận trọng, kế toán chi phí cần:

- + Phải lập các khoản dự phòng nhưng không lập quá lớn;
- + Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập
- + Không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản nợ phải trả và chi phí.
- + Chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí. Tuân thủ nguyên tắc thận trọng sẽ giúp cho công ty bảo toàn nguồn vốn, hạn chế rủi ro và khả năng hoạt động liên tục.

*** Nguyên tắc phù hợp:** “Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng

với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.”

- Chi phí tương ứng với doanh thu bao gồm:

+ Chi phí của kỳ tạo ra doanh thu, đó là các chi phí đã phát sinh thực tế trong kỳ và liên quan đến việc tạo ra doanh thu của kỳ đó.

+ Chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Như vậy, chi phí được ghi nhận trong kỳ là toàn bộ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập của kỳ đó không phụ thuộc khoản chi phí đó được chi ra trong kỳ nào. Qua đó xác định và đánh giá đúng kết quả kinh doanh của từng thời kỳ kế toán giúp cho Giám đốc có những quyết định kinh doanh đúng đắn và có hiệu quả.

2.1.4. Khái niệm, phân loại và nguyên tắc kế toán kết quả kinh doanh

2.1.4.1. Khái niệm kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động xây lắp, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động xây lắp, dịch vụ,...). Trong từng loại hoạt động có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

Đối với hợp đồng xây dựng với giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Tổng doanh thu của hợp đồng tính toán được một cách đáng tin cậy;
- (b) Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
- (c) Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phân công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy;
- (d) Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán được một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách tin cậy khi đồng thời thỏa mãn hai điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
- (b) Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán được một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

2.1.4.2. Phân loại kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Trong đó kết quả kinh doanh thông thường gồm có kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ; kết quả từ hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

2.1.4.3. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Đối với doanh nghiệp xây lắp chuẩn mực số 15 (VAS 15) chỉ ra cách xác định như sau:

Doanh thu và chi phí được ghi nhận theo phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng được gọi là phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được xác định phù hợp với chi phí đã phát sinh của khối lượng công việc đã hoàn thành thể hiện trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) hoàn thành, doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là doanh thu và chi phí của phần công việc đã hoàn thành trong kỳ báo cáo.

Một nhà thầu có thể phải bỏ ra những chi phí liên quan tới việc hình thành hợp đồng. Những chi phí này được ghi nhận là các khoản ứng trước nếu chúng có thể được hoàn trả. Những chi phí này thể hiện một lượng tiền mà khách hàng phải trả và được phân loại như là công trình xây dựng dở dang.

Kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng chỉ có thể xác định được một cách đáng tin cậy khi doanh nghiệp có thể thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng. Trường hợp có sự nghi ngờ về khả năng không thu được một khoản nào đó đã được tính trong doanh thu của hợp đồng và đã được ghi trong báo cáo kết quả kinh doanh thì những khoản không có khả năng thu được đó phải được ghi nhận vào chi phí.

Từ khái niệm và phân loại các loại kết quả kinh doanh, phương pháp xác định kết quả kinh doanh như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả HĐKD} \\ \text{của BQL} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Kết quả của HĐKD} \\ \text{thông thường} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Kết quả HĐKD khác} \end{array}$$

Trong đó: Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của BQL dự án là doanh thu từ hoạt động cung cấp sản phẩm xây lắp

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả bán} \\ \text{hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{DT thuần hoạt} \\ \text{động về cung cấp} \\ \text{sản phẩm xây lắp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{hoạt động} \\ \text{xây lắp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí quản} \\ \text{lý doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả từ hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần từ} \\ \text{hoạt động tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí từ hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array}$$

Trong đó: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng trừ (-) đi Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng

Kết quả hoạt động khác được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động khác} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí khác} \end{array}$$

2.1.4.4. Nguyên tắc xác định kết quả kinh doanh

Đối với kế toán xác định kết quả kinh doanh, nguyên tắc kế toán quan trọng cần phải nhắc tới đó là nguyên tắc phù hợp:

Nguyên tắc phù hợp (Matching principle), theo VAS số 1 - Chuẩn mực chung, thể hiện qua việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả (trong tương lai) nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Vì cơ sở của nguyên tắc dựa vào kỳ kế toán nên hạch toán chi phí phải căn cứ vào thời gian đem lại lợi ích cho doanh nghiệp. Điều này là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp vì có liên quan trực tiếp đến lợi ích của họ.

Việc xác định các khoản chi phí hợp lý trong kỳ tương ứng với phần doanh thu sẽ giúp doanh nghiệp tính toán chính xác thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), làm căn cứ để tính thuế TNDN phải nộp cho nhà nước.

Việc đánh giá nguyên tắc này còn dựa vào phương pháp kế toán mà doanh nghiệp áp dụng. Hầu hết các doanh nghiệp đều sử dụng một trong hai phương pháp kế toán làm nền tảng cho hệ thống kế toán: Kế toán dồn tích (Accrual basis) và Kế toán dựa trên dòng tiền (Cash basis).

Chế độ kế toán Việt Nam quy định các doanh nghiệp phải hạch toán dựa trên phương pháp kế toán dồn tích nhằm đảm bảo tính phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

2.2. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán tài chính

Kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng trong các Ban quản lý cần tuân thủ theo các nguyên tắc được quy định trong các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành và công bố theo các Quyết định ban hành và công bố các chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.2.1. Kế toán doanh thu

2.2.1.1. Kế toán doanh thu của hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hoạt động xây lắp là phần giá trị khối lượng thanh toán được Chủ đầu tư chấp thuận. Đây là nguồn tài chính quan trọng giúp doanh nghiệp chi trả các khoản chi phí phát sinh trong hoạt động xây lắp và cũng là

nguồn tài chính quyết định hoạt động của Ban quản lý trong việc thuê các nhà thầu phụ.

Khi đơn vị thực hiện việc có doanh thu một cách thường xuyên sẽ làm tăng tốc độ lưu chuyển vốn, vòng quay vốn tăng. Tạo điều kiện sử dụng vốn một cách hiệu quả, giảm trừ chi phí tiền ứng với chủ đầu tư.

Là căn cứ quan trọng để xác định kết quả hoạt động trong kỳ, giúp Ban quản lý dễ dàng thực hiện quyết toán với chủ đầu tư.

a. Chứng từ kế toán

Hóa đơn bán hàng;

Hóa đơn GTGT;

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

Phiếu thu, phiếu chi tiền mặt

Giấy báo có ngân hàng, séc

Hợp đồng kinh tế

Chứng từ kế toán khác có liên quan

b. Tài khoản kế toán sử dụng, phương pháp hạch toán

Áp dụng hệ thống tài khoản theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành.

Để hạch toán, tính toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác liên quan như: Tài khoản 111, 112, 131...; Tài khoản 3387 - Doanh thu chưa thực hiện; Tài khoản 33331 - Thuế GTGT.

* Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phân công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (Ví dụ: Sự chậm trễ do khách hàng gây nên; sai sót trong các chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thiết kế và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần để XĐKQ

Nợ 511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có 911 - Xác định kết quả kinh doanh

* Trường hợp thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Tài khoản 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, để kế toán doanh thu và chi phí hợp đồng xây dựng trong trường hợp thanh toán theo tiến độ kế hoạch

Tài khoản 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, dùng để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch và số tiền phải thu theo doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác nhận của hợp đồng xây dựng dở dang.

Hạch toán Tài khoản 337 cần tôn trọng một số quy định sau:

Tài khoản 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, chỉ áp dụng đối với trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch. Tài khoản này không áp dụng đối với trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện được khách hàng xác nhận.

- Căn cứ để ghi vào bên Nợ TK 337 là chứng từ xác định doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự lập, không phải chờ khách hàng xác nhận.

- Căn cứ để ghi vào bên Có TK 337 là hóa đơn được lập trên cơ sở tiến độ thanh toán theo kế hoạch đã được quy định trong hợp đồng. Số tiền ghi trên hóa đơn là căn cứ để ghi nhận số tiền nhà thầu phải thu của khách hàng, không là căn cứ để ghi nhận doanh thu trong kỳ kế toán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 337 “Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng”

Bên Nợ:

Phản ánh số tiền phải thu theo doanh thu đã ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng xây dựng dở dang.

Bên Có:

Phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng xây dựng dở dang.

Số dư bên Nợ:

Phản ánh số tiền chênh lệch giữa doanh thu đã ghi nhận của hợp đồng lớn hơn số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng xây dựng dở dang.

Số dư bên Có:

Phản ánh số tiền chênh lệch giữa doanh thu đã ghi nhận của hợp đồng nhỏ hơn số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng xây dựng dở dang.

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hoá đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch HDXD

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

- Khi nhận được tiền do khách hàng trả, hoặc nhận tiền khách hàng ứng trước, ghi:

Nợ các TK 111, 112...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

Phương pháp hạch toán

Khi doanh nghiệp hoạt động, phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán hạch toán theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 2.1: Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng
và cung cấp dịch vụ (Phụ lục 01)**

2.2.1.2. *Kế toán doanh thu hoạt động tài chính*

a. Chứng từ kế toán

Để phản ánh được doanh thu từ hoạt động tài chính, kế toán cần có những chứng từ kế toán chủ yếu như:

Giấy báo lãi, giấy báo có của ngân hàng,...

Thông báo nhận cổ tức, các giấy tờ liên quan đến việc nhận cổ tức

Chứng từ kế toán khác có liên quan.

b. Tài khoản kế toán sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính để phản ánh các khoản doanh thu từ hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ;...

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

- Lãi tỷ giá hối đoái, gồm cả lãi do bán ngoại tệ;

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính không có số dư cuối kỳ và không có tài khoản cấp 2.

Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 2.2: Phương pháp hạch toán doanh thu
từ hoạt động tài chính (Phụ lục 01)**

2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

a. Chứng từ kế toán

Để phản ánh các khoản thu nhập khác, kế toán cần có các chứng từ sau:

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan đến thu nhập khác

b. Tài khoản kế toán sử dụng

Để phản ánh các khoản thu nhập khác, kế toán sử dụng tài khoản 711 - Thu nhập khác: Tài khoản dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài khoản không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 2.3: Phương pháp hạch toán các khoản
thu nhập khác (Phụ lục 01)**

2.2.2. Kế toán chi phí xây lắp

Trong quá trình hoạt động của Ban quản lý cần quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả các khoản chi phí. Muốn vậy, đơn vị phải xác định được các khoản chi phí chi ra để có thể phản ánh và ghi nhận trung thực nhất về các khoản chi phí của đơn vị.

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Kế toán sử dụng tài khoản 154 - CPSXKDDD (Đối với phương pháp kê

khai thường xuyên. Tài khoản này tổng hợp toàn bộ chi phí sản xuất trong kì, bao gồm cả chi phí nhà thầu phụ thực hiện được trong kì. Việc tổng hợp chi phí sản xuất xây lắp thường được tiến hành vào cuối kì, hoặc khi có công trình, hạng mục công trình, giai đoạn công việc hoàn thành, bàn giao.

Hay kế toán sử dụng tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán (Đối với phương pháp kiểm kê định kỳ) Nếu vào cuối kì kế toán mà công việc chưa hoàn thành hoặc doanh thu chưa được ghi nhận thì toàn bộ chi phí sản xuất liên quan đến HĐXD là sản phẩm dở dang của hợp đồng đó. Khi công việc hoàn thành thì toàn bộ chi phí sản xuất liên quan đến hợp đồng đó chính là giá thành sản phẩm xây lắp

+ Trường hợp Ban quản lý là nhà thầu chính, khi nhận bàn giao khối lượng xây lắp hoàn thành từ nhà thầu phụ.

Nợ TK 1541 - xây lắp

Nợ TK 632 - giá trị nhà thầu phụ bán giao (nếu đã giao cho bên A)

Nợ TK 133 - thuế GTGT được khấu trừ

Có 111,112,331 - tổng số tiền phải trả nhà thầu phụ

+ Tổng giá thành SP XL hoàn thành trong kỳ

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu đã bàn giao cho chủ đầu tư)

Nợ TK 155 - nếu chờ tiêu thụ

Có TK 1541 - giá thành SX SP XL hoàn thành.

2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Đây là khoản chi phí phát sinh có liên quan đến chung đến hoạt động của toàn doanh nghiệp không thể tách riêng ra được cho bất cứ hoạt động nào chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí sau:

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý

Chi phí đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Thuế và lệ phí

Chi phí dự phòng

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

a. Chứng từ kế toán

Các chứng từ kế toán được sử dụng khi hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tùy thuộc vào nội dung từng khoản mục chi phí phát sinh, gồm:

- Bảng thanh toán tiền lương, Bảng thanh toán BHXH, Bảng phân bổ tiền lương - BHXH: để phản ánh chi phí về nhân viên quản lý.

- Bảng phân bổ vật liệu - công cụ dụng cụ, Phiếu xuất kho...: để phản ánh chi phí về vật liệu, công cụ xuất dùng cho quản lý.

- Bảng tính trích khấu hao TSCĐ: để phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý.

- Thông báo thuế, Bảng kê nộp thuế, Biên lai thu thuế...: để phản ánh các khoản thuế, phí và lệ phí phải nộp.

- Các hoá đơn dịch vụ, Phiếu chi, giấy báo Nợ...: để phản ánh các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài hay chi khác bằng tiền...

Các chứng từ cần được kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ và phân loại trước khi ghi sổ kế toán.

b. Tài khoản kế toán sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp để tập hợp, xác định và kết chuyển chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh. Tài khoản không có số dư cuối kỳ và có 08 tài khoản cấp 2:

TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý

TK6422 - Chi phí vật liệu quản lý

TK6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng

TK6424 - Chi phí khấu hao tài sản cố định

TK6425 - Thuế, phí, lệ phí

TK6426 - Chi phí dự phòng

TK6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK6428 - Chi phí bằng tiền khác

2.2.2.3. *Kế toán chi phí bán hàng*

Chi phí bán hàng là khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hoá. Nó bao gồm các khoản chi phí sau:

Chi phí nhân viên bán hàng: là các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên...và các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định

Chi phí vật liệu bao bì

Chi phí dụng cụ đồ dùng

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí bảo hành sản phẩm hàng hoá

Chi phí dịch vụ mua ngoài...

a. Chứng từ kế toán

Tất cả các khoản chi phí phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng đều phải có chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lệ. Tùy thuộc vào nội dung của từng yếu tố chi phí phát sinh mà các chứng từ được lập và sử dụng có khác nhau.

Cụ thể:

- Đối với chi phí nhân viên bán hàng, căn cứ vào Bảng thanh toán lương
- Chi phí khấu hao tài sản cố định, căn cứ vào Bảng tính trích khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, căn cứ vào Hoá đơn GTGT, Hoá đơn đặc thù...

- Chi phí vật liệu, bao bì, căn cứ vào Phiếu xuất kho, Bảng phân bổ vật liệu, dụng cụ

- Chi phí bằng tiền, căn cứ vào Phiếu chi, Giấy báo Nợ của ngân hàng...

Các chứng từ kế toán bắt buộc phải lập kịp thời, đúng mẫu quy định và đầy đủ các yếu tố nhằm đảm bảo tính pháp lý khi ghi sổ kế toán. Việc luân chuyển chứng từ cần có kế hoạch cụ thể đảm bảo ghi chép kịp thời, đầy đủ.

b. Tài khoản kế toán sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 641- Chi phí bán hàng để tập hợp, xác định và kết chuyển chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh. Tài khoản không có số dư cuối kỳ và có 07 tài khoản cấp 2:

TK 6411 - Chi phí nhân viên

TK 6412 - Chi phí vật liệu

TK 6413 - Chi phí dụng cụ đồ dùng

TK 6414 - Chi phí khấu hao tài sản cố định

TK 6415 - Chi phí bảo hành

TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của đơn vị.

Có thể là:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;

- Các khoản chi phí khác.

a. Chứng từ kế toán

Các chứng từ kế toán sử dụng để làm căn cứ hạch toán chi phí khác như:

Phiếu chi, Giấy báo nợ ngân hàng

Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng

Các chứng từ khác có liên quan.

b. Tài khoản kế toán sử dụng

Để hạch toán chi phí khác trong doanh nghiệp kế toán sử dụng tài khoản 811 - Chi phí khác: Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Tài khoản không có số dư cuối kỳ và không có tài khoản cấp 2.

Chi phí tài chính

Chi phí khác

Chi phí thuế

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Công đoạn xác định kết quả kinh doanh được thực hiện cuối kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Trong quá trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh cần tôn trọng những yêu cầu kế toán sau:

Phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động.

Xác định KQKD phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, chi phí để xác định KQKD phải là chi phí tạo ra doanh thu dù phát sinh ở kỳ nào.

Phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết chuyển vào tài khoản này là doanh thu thuần và thu nhập thuần.

Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh dùng để xác định kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Tài khoản 421- Lợi nhuận trước thuế chưa phân phối dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Tài khoản 421 có 02 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 4211 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước: Phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc các năm trước. Tài khoản 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện.

Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4212 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay” sang TK 4211 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước”.

- Tài khoản 4212 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay: Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ của năm nay.

2.3. Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh dưới góc độ kế toán quản trị

Theo Luật kế toán Việt Nam 2015: “Kế toán quản trị là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán.”

Để đưa ra các quyết định có ý nghĩa cho sự phát triển của doanh nghiệp không chỉ trong hiện tại mà cả tương lai lâu dài, các nhà quản trị doanh nghiệp luôn cần các thông tin, số liệu một cách chi tiết cụ thể về doanh thu chi phí kết quả của từng loại hoạt động từng sản phẩm dịch vụ mà doanh nghiệp đưa ra thị trường. Kế toán quản trị doanh thu chi phí xác định kết quả kinh doanh là người giúp cho chủ đơn vị đưa ra quyết định nên thu hẹp hay mở

rộng quy mô kinh doanh, quyết định đầu tư vào sản xuất cái gì ưu tiên cái gì hay thu hẹp cái gì.

Trong nền kinh tế thị trường, mục tiêu chính của các chủ doanh nghiệp là tối đa hóa giá trị doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu của mình các nhà quản trị phải đưa ra rất nhiều quyết định. Quyết định kinh doanh là lựa chọn một phương án kinh doanh có hiệu quả, phù hợp với phương án hoạt động của đơn vị từ nhiều phương án khác.

Thông tin mà kế toán quản trị cần nắm bắt bao gồm cả thông tin tài chính và thông tin phi tài chính. Bản chất của thông tin trong kế toán quản trị là thông tin quản lý, không phải thông tin tài chính đơn thuần. Trước khi tập hợp thông tin kế toán quản trị phải biết rõ mục đích của thông tin đó.

Để quản lý một cách có hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, các doanh nghiệp đều phải phân chia thành các phòng ban, phân xưởng... Điều này sẽ phát sinh vấn đề đo lường và kiểm soát kết quả từng bộ phận. Kế toán quản trị vận dụng hệ thống kế toán trách nhiệm để phân loại các bộ phận của doanh nghiệp thành các trung tâm trách nhiệm, trên cơ sở đó đánh giá kết quả của từng bộ phận dựa trên những trách nhiệm được giao. Đối với vấn đề nghiên cứu, có 3 loại trung tâm trách nhiệm đó là trung tâm doanh thu, trung tâm chi phí và trung tâm lợi nhuận.

Kế toán quản trị doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ phục vụ cho công tác quản lý, ra quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp.

2.3.1. Kế toán quản trị doanh thu

2.3.1.1. Khái niệm, phân loại, điều kiện ghi nhận và xác định trung tâm doanh thu

a. Khái niệm

Doanh thu dưới góc độ kế toán quản trị khác với doanh thu dưới góc độ kế toán tài chính là việc xem xét doanh thu tính cho từng bộ phận từng sản

phẩm, từng loại hình hoạt động của doanh nghiệp và cuối cùng mới là của toàn công ty như ở kế toán tài chính.

Nên trung tâm doanh thu là trung tâm trách nhiệm mà người quản lý chỉ chịu trách nhiệm hoặc chỉ có quyền kiểm soát đối với doanh thu phát sinh, không có quyền hạn đối với chi phí sản phẩm.

b. Phân loại doanh thu

Phân loại doanh thu trong doanh nghiệp là nhằm mục đích phục vụ cho việc quản trị hoạt động xây lắp, do đó căn cứ vào mục đích, yêu cầu quản trị của doanh nghiệp trong từng thời kì, từng hoàn cảnh để từ đó lựa chọn tiêu thức phân loại phù hợp.

Phân loại doanh thu theo điểm hòa vốn, bao gồm:

- Doanh thu hòa vốn: là loại doanh thu mà tại đó chi phí cung cấp các hàng hóa dịch vụ cân bằng doanh thu của chính các hoạt động đó.

- Doanh thu an toàn: là mức doanh thu lớn hơn mức hòa vốn hay nói cách khác là doanh thu doanh nghiệp có được sau khi bù đắp chi phí

Phân loại doanh thu theo phương thức bán hàng:

- Doanh thu bán buôn: là các khoản thu từ hoạt động bán buôn với các đơn vị trong và ngoài nước

- Doanh thu bán lẻ: là các khoản thu từ hoạt động bán lẻ với các đơn vị trong và ngoài nước

- Doanh thu bán đại lý: là các khoản thu được thông qua bên thứ ba là trung gian phân phối hàng hóa cho khách hàng, và bên giao đại lý phải trả chi phí hoa hồng cho bên thứ ba.

Theo phương thức phân loại này doanh nghiệp xác định được mức lưu chuyển thành phẩm theo từng phương thức từ đó xác định được lượng dự trữ thành phẩm cần thiết.

c. Xác định trung tâm doanh thu

Trung tâm doanh thu là trung tâm trách nhiệm mà người quản lý chỉ chịu trách nhiệm hoặc chỉ có quyền kiểm soát đối với doanh thu ở trung tâm, không có quyền hạn đối với việc doanh thu từ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa hay đầu tư vốn.

Việc xác định trung tâm doanh thu thuộc vào quá trình sản xuất và quy mô hoạt động của từng doanh nghiệp. Các trung tâm doanh thu thường được phân loại là:

+ Trung tâm doanh thu tiêu chuẩn: là trung tâm doanh thu là xây dựng một hệ thống tự toán tổng thể, tổng hợp cá dự toán về toàn bộ quá trình hoạt động của tổ chức trong một thời kỳ nhất định trong sản xuất một đơn vị sản phẩm đều được xây dựng định mức cụ thể.

+ Trung tâm doanh thu dự toán: là trung tâm doanh thu mà yếu tố doanh thu được dự toán và đánh giá căn cứ trên nhiệm vụ được giao tính chung, không thể xác định cụ thể cho từng đơn vị sản phẩm hoặc cho từng công việc của trung tâm.

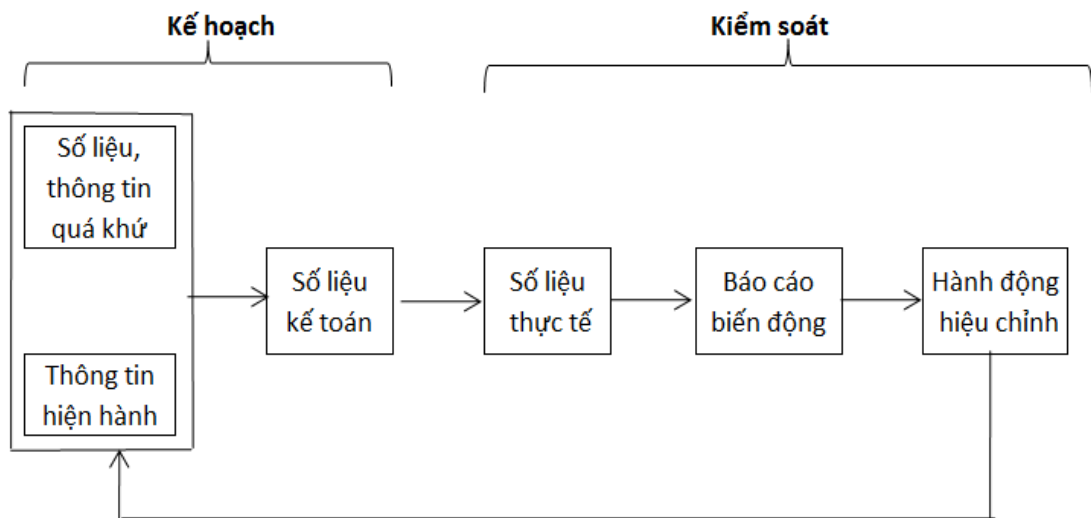
2.3.1.2. Xây dựng dự toán về doanh thu

Dự toán là một trong những công cụ được sử dụng rộng rãi bởi các nhà quản lý trong việc hoạch định và kiểm soát. Dự toán cung cấp cho doanh nghiệp thông tin về toàn bộ kế hoạch kinh doanh của DN một cách có hệ thống và đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Ngoài ra, việc lập dự toán còn có những tác dụng khác như sau: Xác định rõ các mục tiêu cụ thể để làm căn cứ đánh giá việc thực hiện sau này; Lường trước những khó khăn tiềm ẩn để có phương án xử lý kịp thời và đúng đắn; Liên kết toàn bộ các hoạt động của DN bằng cách hợp nhất các kế hoạch và mục tiêu của các bộ phận khác nhau.

Nó là một kế hoạch chi tiết nêu ra những khoản thu chi của doanh nghiệp trong một thời kỳ nào đó. Nó phản ánh một kế hoạch cho tương lai, được biểu hiện dưới dạng số lượng và giá trị.

Các dự toán khác nhau phục vụ những mục đích khác nhau. Dự toán về doanh thu là một hệ thống tự toán tổng thể, tổng hợp cả dự toán về toàn bộ quá trình hoạt động của tổ chức trong một thời kỳ nhất định. Dự toán doanh thu thường được lập cho thời kỳ một năm và phải trùng với năm tài chính, nhờ đó các số liệu dự toán có thể được so sánh với các kết quả thực tế.

Quá trình lập dự toán được thể hiện như sau:



Nhân viên kế toán quản trị sẽ được yêu cầu cung cấp thông tin của các kỳ trước. Các số liệu, thông tin trong quá khứ sẽ được kết hợp với thông tin hiện hành để lập dự toán. Khi các hoạt động được tiến hành, các số liệu thực tế được ghi nhận và sẽ được so sánh với số liệu dự toán. Các chênh lệch sẽ được nhân viên kế toán quản trị tính toán và ghi nhận. Các nỗ lực hiệu chỉnh sẽ được thực hiện nhằm hướng theo các mục tiêu của dự toán. Đồng thời, các chênh lệch này được sử dụng để xem lại và cập nhật hóa dự toán.

Dự toán về doanh thu phản ánh một cách toàn diện kế hoạch của nhà quản lý cho tương lai và biện pháp hoàn thành các kế hoạch đó. Dự toán về

doanh thu gồm các dự toán riêng biệt về các hoạt động của doanh nghiệp nhưng có mối quan hệ qua lại lẫn nhau.

Khi dự báo về khả năng tiêu thụ sản phẩm của thị trường, doanh nghiệp cần xem xét các yếu tố có ảnh hưởng chủ yếu như sau:

- Chính sách giá của thị trường
- Chính sách và chào giá của các đơn vị nhà thầu...

Dự toán doanh thu được tính theo công thức:

Dự toán doanh thu = Dự toán về khối lượng công trình hoàn thành x Dự toán đơn giá

Dự toán về khối lượng công việc hoàn thành phải xây dựng chi tiết cho từng hạng mục cụ thể

Dự toán về đơn giá cũng được xây dựng chi tiết cho từng sản phẩm, chi tiết cho từng trường hợp như: tại điểm hòa vốn, vượt điểm hòa vốn, chưa đạt điểm hòa vốn....

Việc lập dự toán doanh thu phải được thực hiện linh hoạt, khoa học, từ đó là cơ sở để xác định rõ các mục tiêu để làm các căn cứ để đánh giá hiệu quả sau này, lường trước những khó khăn tiềm ẩn để có phương án xử lý kịp thời và đúng đắn, liên kết toàn bộ các hoạt động của doanh nghiệp bằng cách hợp nhất các kế hoạch và mục tiêu của các cán bộ khác nhau. Chính vì vậy, dự toán đảm bảo các kế hoạch và mục tiêu của các bộ phận phù hợp với mục tiêu chung của doanh nghiệp.

2.3.1.3. Tổ chức thu thập thông tin về doanh thu

a, Yêu cầu của thông tin kế toán quản trị

Các thông tin kế toán cung cấp ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định của nhà quản trị, do đó để đảm bảo chất lượng thông tin kế toán mang lại hiệu quả tốt nhất thì cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Tính trung thực của thông tin kế toán: Các thông tin về mối quan hệ giữa khối lượng, CP và lợi nhuận luôn là những thông tin đòi hỏi tính trung thực rất cao. Nó đảm bảo quyết định quản trị không bị chệch hướng, giúp nhà quản trị có thể định giá sản phẩm, xác định chiến lược tiêu thụ sản phẩm, xác định trình độ sử dụng năng lực SX...

Tính phù hợp, hiệu quả, kịp thời của thông tin kế toán: Yêu cầu này đòi hỏi các thông tin mà kế toán quản trị thu thập và xử lý phải liên quan đến mục tiêu và kế hoạch mà DN đặt ra.

Tính hợp pháp và ít tốn kém trong thu thập thông tin kế toán: Có nhiều nguồn thông tin khác nhau cả ở ngoài DN và trong nội bộ DN kế toán quản trị phải cân nhắc khi lựa chọn thông tin để tổ chức xử lý thành công thông tin hữu ích cho quản lý với chi phí bỏ ra là thấp nhất hoặc có thể chấp nhận được. Nếu không có thể dẫn đến tình trạng thu thập được thông tin cần thiết nhưng CP bỏ ra quá lớn.

b, Tổ chức thu thập thông tin kế toán phục vụ cho việc ra quyết định

Những thông tin mà kế toán quản trị cần tổ chức và thu nhận là thông tin quá khứ và thông tin tương lai. Những thông tin đó có thể có thông tin được thu thập lần đầu cho một mục đích cụ thể nào đó hoặc là những thông tin đã có từ trước đó được sử dụng cho mục đích khác (thông tin thứ cấp).

2.3.1.4. Báo cáo quản trị về doanh thu

Báo cáo dự toán doanh thu tiêu thụ: Doanh thu dự toán được xác định dựa trên số lượng sản phẩm bán ra dự toán và đơn giá bán dự toán. Giá bán dự toán dựa trên giá bán lịch sử và chính sách khác ảnh hưởng đến giá bán của Công ty như chính sách khuyến mãi, chính sách giảm chi phí - giảm giá bán. Khối lượng tiêu thụ được xem xét trên cơ sở số liệu của kỳ trước, các đơn đặt hàng chưa thực hiện, các chiến lược tiếp thị để mở rộng thị trường, mức tăng

trường của nền kinh tế, vấn đề công ăn việc làm, thu nhập bình quân đầu người, sức mua của người dân...

2.3.2. Kế toán quản trị chi phí

Quản trị chi phí là phân tích các thông tin cần thiết cho công việc quản trị của một doanh nghiệp. Các thông tin này bao gồm các thông tin tài chính (chi phí và doanh thu) lẫn các thông tin phi tài chính (năng suất, chất lượng và các yếu tố khác của doanh nghiệp)

Vai trò của quản trị chi phí

- Quản trị chi phí giúp doanh nghiệp tập trung năng lực của mình vào các điểm mạnh, tìm ra các cơ hội hoặc các vấn đề quan trọng trong sản xuất kinh doanh.

- Quản trị chi phí giúp doanh nghiệp có thể cải thiện chất lượng sản phẩm hay dịch vụ của mình mà không làm thay đổi chi phí.

- Quản trị chi phí giúp người ra quyết định nhận diện được các nguồn lực có chi phí thấp nhất trong việc sản xuất và cung ứng hàng hóa hoặc dịch vụ.

Doanh nghiệp căn cứ vào đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý để tổ chức tập hợp chi phí theo từng trung tâm phát sinh chi phí, như: các tổ, đội, bộ phận hoặc cho từng công việc, từng hạng mục, từng giai đoạn xây lắp hoặc cho cả quá trình xây lắp và xác định các loại chi phí theo nội dung.

2.3.2.1. Khái niệm, phân loại, điều kiện ghi nhận và xác định trung tâm chi phí

Trong kế toán quản trị, chi phí là những hao phí bỏ ra trong kỳ (tiêu tốn nguồn lực của doanh nghiệp), chúng được biểu hiện bằng tiền và khi chi những chi phí đó để đạt được mục tiêu của đơn vị.

a, Khái niệm

Chi phí được định nghĩa như là giá trị tiền tệ của các khoản hao phí bỏ ra nhằm thu được các loại tài sản, hàng hóa hoặc các dịch vụ.

Như vậy, nội dung của chi phí rất đa dạng. Trong kế toán quản trị, chi phí được phân loại và sử dụng theo nhiều cách khác nhau nhằm cung cấp những thông tin phù hợp với nhu cầu đa dạng trong các thời điểm khác nhau của quản lý nội bộ doanh nghiệp.

b, Phân loại chi phí

Phân loại chi phí trong doanh nghiệp là nhằm mục đích phục vụ cho việc quản trị hoạt động xây lắp, do đó căn cứ vào mục đích, yêu cầu quản trị của doanh nghiệp trong từng thời kì, từng hoàn cảnh để từ đó lựa chọn tiêu thức phân loại phù hợp.

Xét theo cách ứng xử, chi phí của doanh nghiệp được chia thành 3 loại: Biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp.

Biến phí (Chi phí khả biến/chi phí biến đổi): Chi phí biến đổi là những chi phí xét về mặt tổng số sẽ thay đổi tỷ lệ thuận với mức độ hoạt động của doanh nghiệp trong phạm vi hoạt động. Mức độ hoạt động có thể là số lượng sản phẩm sản xuất, số lượng sản phẩm tiêu thụ, số giờ máy hoạt động, doanh thu bán hàng thực hiện....

Chi phí biến đổi thường có các đặc điểm sau:

- Biến phí đơn vị thường không thay đổi. Dựa vào đặc điểm này các nhà quản trị xây dựng định mức biến phí góp phần kiểm soát các khoản chi phí.
- Xét về tổng số biến phí thay đổi tỷ lệ thuận với mức độ hoạt động.
- Trong trường hợp đơn vị không hoạt động thì biến phí không phát sinh.
- Biến phí của doanh nghiệp gồm nhiều loại khác nhau, xét theo cách ứng xử của chi phí có thể chia biến phí thành 2 loại cơ bản: biến phí tỷ lệ và biến phí cấp bậc.

+ Biến phí tỷ lệ là các biến phí hoàn toàn tỉ lệ thuận với mức độ hoạt động.

+ **Biến phí cấp bậc** là các biến phí chỉ thay đổi khi thay đổi quy mô của phạm vi hoạt động. Các chi phí này chỉ biến đổi khi các hoạt động đã có sự biến đổi đạt đến một mức độ cụ thể nào đó.

Định phí: là những chi phí xét về mặt tổng số không thay đổi theo mức độ hoạt động trong phạm vi của quy mô hoạt động. Trong các doanh nghiệp các loại chi phí bất biến thường gặp là chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí tiền lương nhân viên quản lý, chi phí quảng cáo,....

Định phí thường có đặc điểm sau:

Trong giới hạn của quy mô hoạt động, xét về tổng chi phí thì định phí thường không thay đổi. Nếu xét định phí trên một đơn vị mức độ hoạt động thì thay đổi tỷ lệ nghịch với mức độ hoạt động. Doanh nghiệp có hoạt động hay không thì định phí vẫn tồn tại. Do vậy, các nhà quản trị muốn cho định phí đơn vị sản phẩm thấp cần khai thác tối đa công suất của các tài sản đã tạo ra các định phí đó.

Định phí trong doanh nghiệp cũng đa dạng và phong phú. Xét ở khía cạnh quản lý chi phí, định phí được chia thành 2 loại: định phí bắt buộc và định phí không bắt buộc.

Như vậy đối với loại chi phí này thì doanh nghiệp có hoạt động hay không thì luôn tồn tại định phí và ngược lại, khi doanh nghiệp tăng cường mức độ hoạt động thì định phí sẽ giảm dần.

Chi phí hỗn hợp: Chi phí hỗn hợp là loại chi phí mà bao gồm cả các yếu tố của định phí và biến phí. Ở một mức độ hoạt động cụ thể nào đó, chi phí hỗn hợp mang đặc điểm của chi phí bất biến, và khi mức độ hoạt động tăng lên, chi phí hỗn hợp sẽ biến đổi như đặc điểm của chi phí khả biến. Hiểu theo một cách khác, phần bất biến trong chi phí hỗn hợp thường là bộ phận chi phí cơ bản để duy trì các hoạt động ở mức độ tối thiểu, còn phần khả biến là bộ phận chi phí sẽ phát sinh tỉ lệ với mức độ hoạt động tăng thêm. Trong các doanh nghiệp sản

xuất, chi phí hỗn hợp cũng chiếm một tỉ lệ khá cao trong các loại chi phí, chẳng hạn như chi phí điện thoại, chi phí bảo trì máy móc thiết bị,...

Trong thực tế các nhà quản trị muốn kiểm soát các khoản chi phí hỗn hợp cần phải xác định quy mô hoạt động của doanh nghiệp và sử dụng các phương pháp phân tích chi phí hỗn hợp thành 2 bộ phận biến phí và định phí.

Việc phân tích này được thực hiện bằng một trong các phương pháp: phương pháp cực đại, cực tiểu; phương pháp đồ thị phân tán và phương pháp bình phương bé nhất và các phương pháp khác.

Căn cứ vào mối quan hệ của chi phí với mức độ kiểm soát của nhà quản trị, chi phí được chia thành: Chi phí kiểm soát được và chi phí không kiểm soát được.

- Chi phí kiểm soát được: là các khoản chi phí phát sinh trong phạm vi quyền của các nhà quản trị đối với các khoản chi phí đó.

- Chi phí không kiểm soát được: là các khoản chi phí phát sinh ngoài phạm vi kiểm soát của các cấp quản trị doanh nghiệp.

Căn cứ vào mối quan hệ của chi phí với các quyết định kinh doanh, chi phí chia thành: Chi phí cơ hội, chi phí chênh lệch, chi phí chìm.

- Chi phí cơ hội: là lợi ích tiềm tàng bị mất đi do chọn phương án (hoặc hành động) này thay vì chọn phương án (hoặc hành động) khác. Chi phí cơ hội không thể hiện trên bất cứ sổ sách kế toán nào nhưng lại là cơ sở rất cần thiết để lựa chọn phương án kinh doanh.

- Chi phí chênh lệch là những chi phí có ở phương án này nhưng chỉ có một phần hoặc không có ở phương án khác. Đây là một khái niệm rộng về chi phí dùng để nhận thức, so sánh chi phí lựa chọn các phương án kinh doanh.

Chi phí chìm: là loại chi phí mà doanh nghiệp sẽ phải gánh chịu, bất kể đã lựa chọn phương án hoặc hành động nào. Chi phí chìm được xem như là khoản chi phí không thể tránh được cho dù người quản lý quyết định lựa chọn

thực hiện theo phương án nào. Vì vậy, chi phí chìm là loại chi phí không thích hợp cho việc xem xét, ra quyết định của người quản lý

c, Xác định trung tâm chi phí

Trung tâm chi phí là trung tâm trách nhiệm mà người quản lý chỉ chịu trách nhiệm hoặc chỉ có quyền kiểm soát đối với chi phí phát sinh ở trung tâm, không có quyền hạn đối với việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa hay đầu tư vốn.

Việc xác định trung tâm chi phí thuộc vào quá trình sản xuất và quy mô hoạt động của từng doanh nghiệp. Các trung tâm chi phí thường được phân loại là:

+ Trung tâm chi phí tiêu chuẩn (hay trung tâm chi phí chính): là trung tâm chi phí mà yếu tố chi phí và các định mức tiêu hao về các nguồn lực sử dụng để sản xuất một đơn vị sản phẩm đều được xây dựng định mức cụ thể. Ví dụ như: trung tâm mua hàng, trung tâm sản xuất (các phân xưởng, bộ phận sản xuất)

+ Trung tâm chi phí dự toán (hay trung tâm chi phí phụ): là trung tâm chi phí mà yếu tố chi phí được dự toán và đánh giá căn cứ trên nhiệm vụ được giao tính chung, không thể xác định cụ thể cho từng đơn vị sản phẩm hoặc cho từng công việc của trung tâm. Ví dụ như: trung tâm hành chính, quản trị, trung tâm kế toán, tài chính,..

2.3.2.2. Xây dựng định mức và Công tác kiểm soát chi phí

Việc xác định trung tâm chi phí nhằm mục đích xây dựng các chỉ tiêu đánh giá trách nhiệm tại các trung tâm trách nhiệm.

Để có thể đánh giá những tiêu chí ấy không thể thiếu những chi phí định mức.

Chi phí định mức là gì?

Chi phí định mức là CP dự tính để sản xuất 1 sản phẩm hay thực hiện 1 dịch vụ cho khách hàng. Như vậy thì chi phí định mức sẽ được xác định trước

khi sản xuất, để có thể ước tính được chi phí cho 1 đơn đặt hàng hay 1 quy mô sản xuất.

Công dụng của chi phí định mức

Là cơ sở để doanh nghiệp lập dự toán hoạt động vì muốn lập dự toán chi phí nguyên vật liệu phải có định mức nguyên vật liệu, chi phí nhân công phải có định mức số giờ công.

Giúp cho các nhà quản lý kiểm soát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vì chi phí định mức là tiêu chuẩn, cơ sở để đánh giá.

Góp phần thông tin kịp thời cho các nhà quản lý ra quyết định hàng ngày như định giá bán sản phẩm, chấp nhận hay từ chối một đơn đặt hàng, phân tích khả năng sinh lời.

Gắn liền trách nhiệm của công nhân đối với việc sử dụng nguyên vật liệu sao cho tiết kiệm.

Nguyên tắc xây dựng định mức tiêu chuẩn:

Quá trình xây dựng định mức tiêu chuẩn là một công việc có tính nghệ thuật hơn là khoa học. Nó kết hợp giữa suy nghĩ với tài năng chuyên môn của tất cả những người có trách nhiệm với giá và chất lượng sản phẩm. Trước hết phải xem xét một cách nghiêm túc toàn bộ kết quả đã đạt được. Trên cơ sở đó kết hợp với những thay đổi về điều kiện kinh tế, về đặc điểm giữa cung và cầu, về kỹ thuật để điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp.

Phương pháp xác định chi phí định mức:

* Phương pháp kỹ thuật: Phương pháp này đòi hỏi sự kết hợp của các chuyên gia kỹ thuật để nghiên cứu thời gian thao tác công việc nhằm mục đích xác định lượng nguyên vật liệu và lao động hao phí cần thiết để sản xuất sản phẩm trong điều kiện về công nghệ, khả năng quản lý và nguồn nhân lực hiện có tại doanh nghiệp.

* Phương pháp phân tích số liệu lịch sử: Xem lại giá thành đạt được ở những kỳ trước như thế nào, tuy nhiên phải xem lại kỳ này có gì thay đổi và phải xem xét những chi phí phát sinh các kỳ trước đã phù hợp hay chưa, nếu không hợp lý, hợp lệ thì bỏ hay xây dựng lại.

* Phương pháp điều chỉnh: Điều chỉnh chi phí định mức cho phù hợp với điều kiện hoạt động trong tương lai của doanh nghiệp.

2.3.2.3. Tổ chức thu thập thông tin về chi phí

Tổ chức thu nhận thông tin chi phí là công việc khởi đầu của qui trình kế toán quản trị chi phí, để thực hiện tốt thu nhận thông tin chi phí đòi hỏi:

Tổ chức hệ thống tiêu thức nhận diện chi phí phù hợp

Để thực hiện tốt thu nhận chi phí, vấn đề đầu tiên là kế toán quản trị chi phí phải xây dựng hệ thống tiêu thức nhận diện chi phí áp dụng trong đơn vị phù hợp với yêu cầu quản trị chi phí của doanh nghiệp, trong đó lưu ý các tiêu thức phân loại đặc thù của kế toán quản trị: theo cách ứng xử của chi phí với mức độ hoạt động, theo định mức, theo khả năng kiểm soát chi phí,...

Do đặc thù của kế toán quản trị là cung cấp thông tin cho nhà quản trị để ra quyết định quản lý kịp thời, nên việc nhận diện và phân loại chi phí trong kế toán quản trị khác với kế toán tài chính. Trong kế toán quản trị thường phân loại chi phí theo mục đích sử dụng thông tin của nhà quản trị, tức là tách riêng các chi phí mà chúng sẽ biến động ở mức hoạt động khác nhau hoặc sắp xếp theo nhu cầu của một số nhà quản trị cá biệt có trách nhiệm về chi phí đó và khả năng có thể kiểm soát chúng,...

Như vậy, với kế toán quản trị, việc lựa chọn cách thức phân loại chi phí khác nhau, sẽ cung cấp cho nhà quản trị góc nhìn khác nhau về bản chất của chi phí. Việc phân loại đa dạng này giúp nhà quản trị có thể kiểm soát và nhận diện một cách chính xác và đầy đủ về chi phí.

2.3.2.4. Báo cáo quản trị về chi phí

Báo cáo kế toán quản trị là kết quả đầu ra của công tác kế toán quản trị chi phí, có tác dụng rất quan trọng đối với nhà quản trị các cấp trong nội bộ doanh nghiệp.

Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chi phí bao gồm

Báo cáo dự toán phục vụ cho chức năng lập kế hoạch: Báo cáo dự toán là rất cần thiết cho tất cả các doanh nghiệp. Báo cáo Dự toán là một kế hoạch hành động, nó lượng hoá các mục đích của tổ chức theo các mục tiêu về tài chính và hoạt động của doanh nghiệp. Cùng với chức năng hệ thống hoá việc lập kế hoạch, các thông tin trên báo cáo dự toán cũng đưa ra những tiêu chuẩn cho việc đánh giá kết quả hoạt động, hoàn thiện sự truyền tải thông tin và sự hợp tác trong nội bộ tổ chức. Các báo cáo dự toán còn hữu dụng với các nhà quản lý trong quá trình ra quyết định tài trợ và điều hành. Loại báo cáo này thường bao gồm: Báo cáo dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, báo cáo dự toán chi phí nhân công trực tiếp, báo cáo dự toán chi phí sản xuất chung, báo cáo Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp,....

Báo cáo chi phí sản xuất: Các báo cáo này được lập nhằm kiểm tra tình hình thực hiện chi phí, Dự toán chi phí, đánh giá kết quả thực hiện của từng đơn vị nội bộ trong doanh nghiệp. Báo cáo này có thể lập theo nhiều phương pháp khác nhau, cho nhiều đối tượng và phạm vi khác nhau, tùy theo yêu cầu quản lý cụ thể của từng doanh nghiệp mà xây dựng loại báo cáo này cho phù hợp.

Báo cáo giá thành sản xuất sản phẩm: Báo cáo giá thành sản xuất sản phẩm có thể được lập cho từng loại sản phẩm, công việc, dịch vụ hay cho từng bộ phận trong phân xưởng, cho từng phân xưởng sản xuất hoặc toàn bộ

doanh nghiệp. Tùy theo mục tiêu phân tích khác nhau, việc phân tích giá thành có thể được thiết kế theo các mẫu biểu khác nhau.

Báo cáo bộ phận: Báo cáo bộ phận là báo cáo kết quả kinh doanh được lập chi tiết cho các bộ phận. Báo cáo bộ phận được sử dụng trong nội bộ doanh nghiệp cung cấp thông tin giúp các nhà quản trị trong các quyết định ngắn hạn hoặc dài hạn trong điều hành doanh nghiệp.

2.3.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.3.3.1. Khái niệm, phân loại, xác định trung tâm lợi nhuận

Là loại trung tâm trách nhiệm mà nhà quản lý phải chịu trách nhiệm với kết quả sản xuất, tiêu thụ và lợi nhuận cuối cùng mà nó tạo ra. Trung tâm lợi nhuận có đặc điểm là cả đầu vào và đầu ra đều có thể lượng hóa được bằng đơn vị tiền tệ. Mục tiêu của Giám đốc trung tâm lợi nhuận là tối đa hóa thu nhập thuần của trung tâm. Trung tâm lợi nhuận là một bộ phận độc lập của doanh nghiệp, Giám đốc trung tâm lợi nhuận có quyền mua các yếu tố đầu vào tại mức giá hợp lý nhất và bán sản phẩm tại mức giá tối đa hóa doanh thu.

+ Nhà quản lý dựa vào hệ thống kế toán quản trị để đo lường hoạt động của trung tâm lợi nhuận. Hiệu quả của trung tâm được đánh giá dựa vào mức chênh lệch giữa lợi nhuận thực tế so với lợi nhuận dự toán. Đo lường lợi nhuận đơn giản nhưng xác định giá chuyển giao và phân bổ chi phí chung giữa các trung tâm là vấn đề tranh cãi của các nhà quản lý.

+ Trung tâm lợi nhuận thường gắn với bậc quản lý cấp trung đó là Giám đốc điều hành trong các Công ty, các đơn vị kinh doanh trong tổng công ty như các công ty phụ thuộc, các chi nhánh. Nếu nhà quản lý không có quyền quyết định mức độ đầu tư tại trung tâm của họ thì tiêu chí lợi nhuận được xem là tiêu chí thích hợp để đánh giá kết quả thực hiện của trung tâm này.

2.3.3.2. Công tác kiểm soát kết quả kinh doanh

Trung tâm lợi nhuận là một đơn vị trực thuộc Công ty và chịu trách nhiệm cả về doanh số và chi phí. Thông thường, một đơn vị thuộc công ty được xem là Trung tâm Lợi nhuận khi nó kiểm soát doanh thu, chi phí và lợi nhuận cuối cùng mà nó tạo ra.

2.3.3.3. Tổ chức thu thập thông tin về kết quả kinh doanh

Việc thu thập thông tin phân tích mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng - lợi nhuận có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp ra quyết định:

Xác định số lượng sản phẩm sản xuất, tiêu thụ, doanh thu tương ứng, thời gian tương ứng để đạt được mức hòa vốn. Điểm hòa vốn là điểm tại đó lợi nhuận bằng không, hay tại đó tổng doanh thu bằng tổng chi phí. Doanh nghiệp sẽ có lãi khi hoạt động vượt điểm hòa vốn và sẽ lỗ nếu hoạt động dưới điểm hòa vốn. Điểm hòa vốn không phải là mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp, nhưng phân tích điểm hòa vốn, xác định doanh thu, sản lượng và thời gian để hòa vốn có ý nghĩa quan trọng với doanh nghiệp. Bởi căn cứ vào điểm hòa vốn, doanh nghiệp biết sẽ tránh lỗ và cung cấp các thông tin hữu ích trong việc ứng xử chi phí tại các mức tiêu thụ khác nhau nhằm khai thác tối đa các yếu tố sản xuất doanh nghiệp, đồng thời giúp các nhà quản trị doanh nghiệp xây dựng kế hoạch kinh doanh cũng như đưa ra các quyết định hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn.

Mục tiêu lợi nhuận luôn được các nhà quản trị trong doanh nghiệp quan tâm hàng đầu, phân tích mối quan hệ (C-V-P) còn là cơ sở để doanh nghiệp xác định lợi nhuận kế hoạch hay lợi nhuận mong muốn. Hay nói cách khác các nhà quản trị doanh nghiệp cần phải xác định mức tiêu thụ sản phẩm với số lượng như thế nào, cơ cấu sản phẩm ra sao để đạt được lợi nhuận như mong muốn.

Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng và lợi nhuận C-V-P là căn cứ để nhà quản trị xác định giá bán phù hợp nhằm thỏa mãn nhu cầu của thị trường và thu nhập tối đa. Ngoài ra, phân tích mối quan hệ C-V-P còn là căn cứ giúp nhà quản trị đưa ra các quyết định ngắn hạn như có nên thay đổi giá bán, thay đổi biến phí, định phí hay thay đổi cơ cấu tiêu thụ sản phẩm, cơ cấu chi phí... Việc thay đổi các yếu tố trên có ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp ra sao

2.3.3.4. Báo cáo quản trị về kết quả kinh doanh

Báo cáo dự toán kết quả hoạt động kinh doanh của DN: Căn cứ vào dự toán doanh thu tiêu thụ và các dự toán chi phí để phản ánh các yếu tố trong báo cáo dự toán kết quả hoạt động kinh doanh. Báo cáo dự toán kết quả hoạt động kinh doanh có thể được lập bằng 2 phương pháp: Phương pháp toàn bộ và phương pháp số dư đảm phí. Sử dụng phương pháp số dư đảm phí giúp phân tích được mối quan hệ giữa sản lượng - chi phí - lợi nhuận và giúp nhà quản lý đưa ra có quyết định kịp thời và đúng đắn hơn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2, Luận văn đã làm rõ những vấn đề lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp xây lắp từ đó làm cơ sở cho việc nghiên cứu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Ban quản lý dự án

Với những vấn đề lý luận trên sẽ là cơ sở, nền tảng quan trọng để đối chiếu, đánh giá những quy định pháp lý về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Qua đó đánh giá thực tế kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc.

CHƯƠNG 3
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG ĐƯỜNG LÁNG - HÒA LẠC

3.1. Đặc điểm chung của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc

3.1.1. Quá trình hình thành, phát triển và chức năng nhiệm vụ Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc

1- Đặc điểm, tình hình:

Quá trình thành lập, địa điểm trụ sở chính:

Căn cứ vào Quyết định số 2013/QĐ-BGTVT ngày 11/7/2003 của Bộ Giao thông vận tải về việc giao Tổng công ty Vinaconex là Tổng thầu thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng và hoàn thiện đường Láng - Hòa Lạc, Tổng công ty CP Vinaconex đã ra Quyết định số 1762/QĐ/VC-TCLĐ ngày 02/12/2003 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Vinaconex về việc thành lập Ban quản lý Dự án ĐTXDMR đường Láng - Hòa Lạc trên cơ sở tách một bộ phận của Ban quản lý Dự án ĐTXDCCT trọng điểm Hòa Lạc.

Lúc đầu khi mới thành lập, Ban quản lý có trụ sở chính tại Văn phòng khu đô thị mới Trung Hòa Nhân chính, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Đến nay, Ban quản lý có trụ sở chính tại Tầng 1, tòa nhà làm việc Vinaconex, KĐT An Khánh, Splendor, xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội.

2- Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

Để thực hiện dự án, Chủ đầu tư của dự án là Bộ giao thông vận tải đã ủy quyền cho Ban quản lý dự án Thăng Long làm đại diện Chủ đầu tư trong công tác xây lắp tại dự án. Ngày 11.3.2008 Ban quản lý dự án Thăng Long đã ký hợp đồng tổng thầu 459/HĐ-XD với Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu

và xây dựng Việt Nam trong đó Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam là Tổng thầu xây lắp. Ban quản lý được Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam ủy quyền làm đại diện Tổng thầu, thay mặt Tổng công ty tổ chức, quản lý và thực hiện đầu tư, giám sát và điều hành thi công Dự án ĐTXDMR đường Láng - Hòa Lạc, chịu trách nhiệm trước Ban quản lý dự án Thăng Long từ giai đoạn khởi công đến giai đoạn hoàn thành, bàn giao đưa Dự án vào sử dụng.

3-Cơ cấu tổ chức bộ máy của BQL

Hiện tại Ban quản lý có 3 phòng chức năng:

- + Phòng Tài chính - Tổng hợp
- + Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật
- + Phòng Giải phóng mặt bằng

Cơ cấu nhân sự: Tổng số CBCNV đến thời điểm báo cáo là 18 người.

- + Giám đốc: 01
- + Phó Giám đốc: 02
- + Trưởng phòng chức năng: 01
- + Phó phòng chức năng: 02
- + Nhân viên: 12

Trong đó: CBCNV chính thức: 18

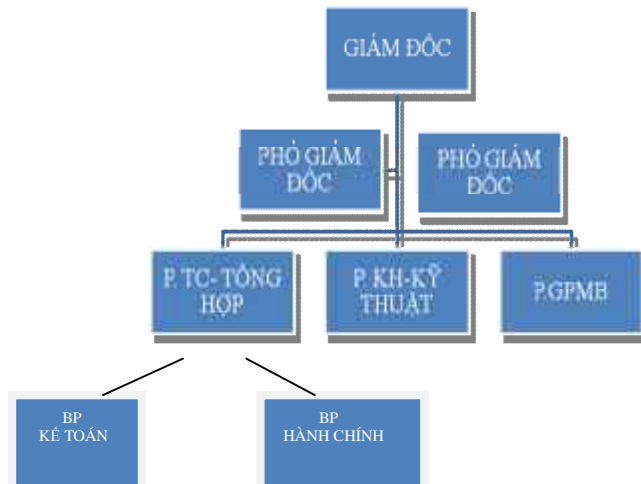
CBCNV hợp đồng thời vụ: 0

Trình độ CBCNV:

- + Trên đại học: 01
- + Đại học: 16
- + Lao động phổ thông: 01

- Cơ sở vật chất: được trang bị và phê duyệt trên cơ sở chi phí Tổng thầu xây lắp.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc được thể hiện qua sơ đồ như sau:



Sơ đồ 3.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của BQL dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc

(Nguồn: Phòng Tài chính - Tổng hợp)

3.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban trong BQL:

Giám đốc Ban quản lý dự án là người đại diện của Ban quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Tổng công ty xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam; quản lý điều hành hoạt động hàng ngày của BQL. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, tổ chức thực hiện kế hoạch mà Tổng công ty giao.

Phòng tài chính - tổng hợp:

a. Về công tác tổ chức - hành chính

Là bộ phận giúp việc Giám đốc BQL thực hiện các chức năng quản lý công tác tổ chức, công nghệ thông tin, công tác hành chính, quản lý sử dụng tài sản, lao động tiền lương, thực hiện tổng hợp tình hình công việc chung, dự kiến lịch công tác. Cụ thể:

Công tác tổ chức và công tác cán bộ.

Công tác đào tạo.

Công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật.

Công tác hành chính văn phòng.

Công tác lao động và tiền lương.

b. Về công tác tài chính - kế toán

Là bộ phận tham mưu giúp Giám đốc Ban tổ chức bộ máy Tài chính - Kế toán - Tín dụng trong Ban;

Chuẩn bị tạo lập các nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách, vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước phục vụ đầu tư dự án và các hoạt động của Ban.

Tổ chức thực hiện công tác tài chính của Dự án khi thành lập BQL đến khi quyết toán vốn đầu tư Dự án hoàn thành được các cấp có thẩm quyền phê duyệt

Tổ chức công tác hạch toán kế toán, thực hiện kiểm tra kiểm soát đối với mọi hoạt động Tài chính- Kế toán của BQL.

Lập các báo cáo tài chính- kế toán phục vụ cho công tác quản lý của Nhà nước và điều hành sản xuất của BQL

Phòng kế hoạch- kỹ thuật: là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong các lĩnh vực công tác quản lý chất lượng các nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như lập hồ sơ trình phê duyệt vật liệu đầu vào, chất lượng sản phẩm đầu ra. Thực hiện giám sát các nhà thầu thi công thực hiện đúng yêu cầu chỉ dẫn. thực hiện công tác nghiệm thu, thanh quyết toán công trình.

Phòng giải phóng mặt bằng: là bộ phận tham mưu giúp Giám đốc trong việc xin giao đất tổ chức công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các cá nhân gia đình, tổ chức bị thu hồi đất để thực hiện dự án.

3.1.3. Đặc điểm hoạt động tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc

Hiện tại, Ban quản lý là đơn vị hạch toán độc lập với Tổng công ty; các sản phẩm chính là các sản phẩm xây lắp và giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên doanh thu của hoạt động xây lắp chiếm tỷ trọng lớn nên bài luận vẫn chỉ nghiên cứu về hoạt động xây lắp của Ban quản lý.

Trong quá trình hoạt động xây lắp, Ban quản lý còn phải chịu sự quản lý, giám sát chặt chẽ của chủ đầu tư cũng như các Bộ, Ban, Ngành, UBND thành phố. Xuất phát từ đặc điểm này, các tổ chức cá nhân khi tiến hành sản xuất kinh doanh được phải luôn đặt mục tiêu chất lượng lên hàng đầu.

Thực hiện sự chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải; Ban QLDA Thăng Long; Lãnh đạo Tổng công ty Vinaconex, Ban QLDA ĐTXD mở rộng đường Láng - Hòa Lạc, được quyết định thành lập và phải thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư về quản lý thực hiện dự án từ khi dự án được phê duyệt đến khi bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

Ban quản lý dự án chuyên ngành có Giám đốc, các Phó Giám đốc và bộ máy quản lý điều hành độc lập.

- Hình thức chìa khóa trao tay: hình thức này được áp dụng khi Ban quản lý được phép tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu thực hiện tổng thầu toàn bộ dự án từ khảo sát, thiết kế, mua sắm vật tư thiết bị xây lắp cho đến khi bàn giao công trình đưa vào khai thác sử dụng. Ban quản lý phải tổ chức ký kết và thực hiện hợp đồng đã ký với nhà thầu; thực hiện giải phóng mặt bằng để bàn giao mặt bằng đúng tiến độ cho nhà thầu; đảm bảo vốn thanh toán theo kế hoạch và hợp đồng kinh tế. Nhà thầu chịu trách nhiệm trước Ban quản lý về tiến độ, chất lượng, giá cả và các yêu cầu khác của dự án theo đúng hợp đồng đã ký theo đúng hợp đồng cho đến khi bàn giao dự án cho Chủ đầu tư khai thác, vận hành dự án. Nhà thầu có thể giao thầu lại cho các nhà thầu phụ

và phải thực hiện đúng cam kết hợp đồng do tổng thầu đã ký với chủ đầu tư. Các nhà thầu của đơn vị có thể kể đến các đơn vị trong Tổng công ty như là: Công ty CP Vimeco, Công ty CP xây dựng số 9, số 12, số 11; hay các đơn vị ngoài Tổng công ty như Công ty CP Hà Thành, Công ty CP Bình An và các đơn vị trong Bộ giao thông như Tổng công ty công trình giao thông 1,2 và 8.

Nên ta có thể thấy Ban quản lý là đầu mối:

Trong công tác liên hệ với các cơ quan chức năng trong việc phê duyệt và tiếp nhận hồ sơ pháp lý của dự án.

Quan hệ với chủ đầu tư, tư vấn thiết kế trong công tác phê duyệt hạn mức cũng như hồ sơ pháp lý. Lập biện pháp thi công các hạng mục, quản lý tiến độ thi công chi tiết của nhà thầu, giám sát chất lượng công trình thi công, thực hiện công tác giải phóng mặt bằng:

Phối hợp với UBND Quận Nam Từ Liêm chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ tạm cư đối với các hộ dân bị thu hồi đất ở để đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện để đảm bảo không có trường hợp tái lấn chiếm mặt bằng.

Phối hợp với các đơn vị, UBND các quận huyện hoàn thiện hồ sơ quyết toán GPMB, sau đó trình Bộ GTVT để quyết toán giá trị GPMB.

Thực hiện bàn giao toàn bộ phần công trình xây lắp và ký xác nhận hết trách nhiệm bảo hành công trình với các công trình hoàn thành.

Tổng hợp trình Bộ GTVT phê duyệt giá trị quyết toán.

Thực hiện công tác quyết toán với thầu phụ.

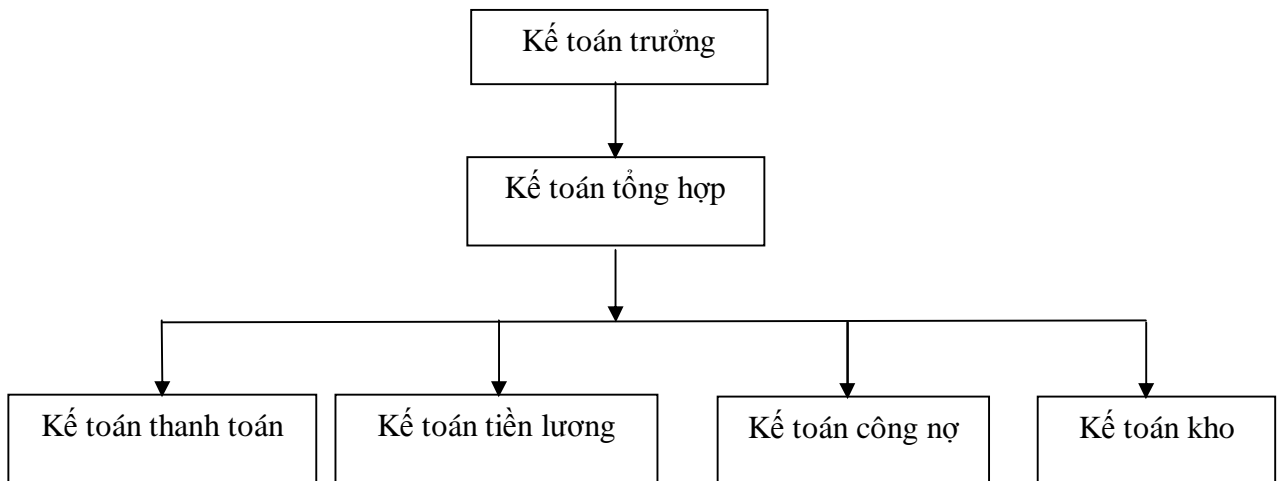
Sau khi được Bộ GTVT phê duyệt quyết toán xây lắp, Ban QLDA đôn đốc các nhà thầu thi công hoàn thiện hồ sơ quyết toán B-B'

Ban QLDA tiến hành lập biên bản thanh lý hợp đồng với các nhà thầu phụ khi hoàn thành trách nhiệm hợp đồng.

3.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc

3.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán của BQL được thực hiện qua sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 3.2: Tổ chức bộ máy kế toán của BQL dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc

(Nguồn: Phòng Tài chính- Tổng hợp)

Trong đó:

Kế toán trưởng: Là người giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính cho giám đốc điều hành. Với chức năng là tổ chức bộ máy kế toán trên cơ sở xác định đúng khối lượng công việc của công tác kế toán nhằm thực hiện hai chức năng cơ bản của kế toán là: thông tin và kiểm tra hoạt động kinh tế.

Kế toán tổng hợp: Là người giúp kế toán trưởng trong công tác quản lý và điều hành Phòng kế toán hoàn thành nhiệm vụ. Kiểm tra, đôn đốc nhân viên trong phòng hoàn thành nhiệm vụ của từng người. Luôn kiểm tra sổ chi tiết với

cân đối sổ tổng hợp đảm bảo tính phù hợp và tính chính xác. Lập BCTC của BQL theo định kỳ và các công việc khác theo ủy quyền của kế toán trưởng.

Kế toán tiền lương: Tính lương và các khoản trích theo lương theo quy định của BQL dựa trên bảng chấm công, hợp đồng lao động.

Kế toán công nợ: Theo dõi các khoản ứng trước cho các nhà thầu, phải trả cho các khoản tạm ứng của chủ đầu tư, đưa ra những kế hoạch thanh toán theo từng nhà cung cấp, thu hồi công nợ.

Kế toán kho: Theo dõi tình hình biến động nhập xuất của hàng hóa, kiểm kê và quản lý tài sản trong kho.

Kế toán thanh toán: Theo dõi, kiểm soát các hoạt động tăng giảm tiền và kiểm soát tiền tồn tại quỹ tiền mặt và ngân hàng. Lập báo cáo thu chi gửi Giám đốc BQL.

3.1.4.2. Hình thức kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Là hình thức kế toán trên máy vi tính, phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức nhật ký chung

Hiện nay, Tổng công ty đã triển khai, áp dụng công nghệ tin học trong công tác quản trị cũng được đồng bộ hóa những công nghệ thông tin đó để giảm thiểu và mang lại hiệu quả cao trong công việc.

Trong công tác kế toán, BQL đang sử dụng phần mềm kế toán E - ANA 7.0.

Quá trình xử lý số liệu trong E - ANA 7.0:

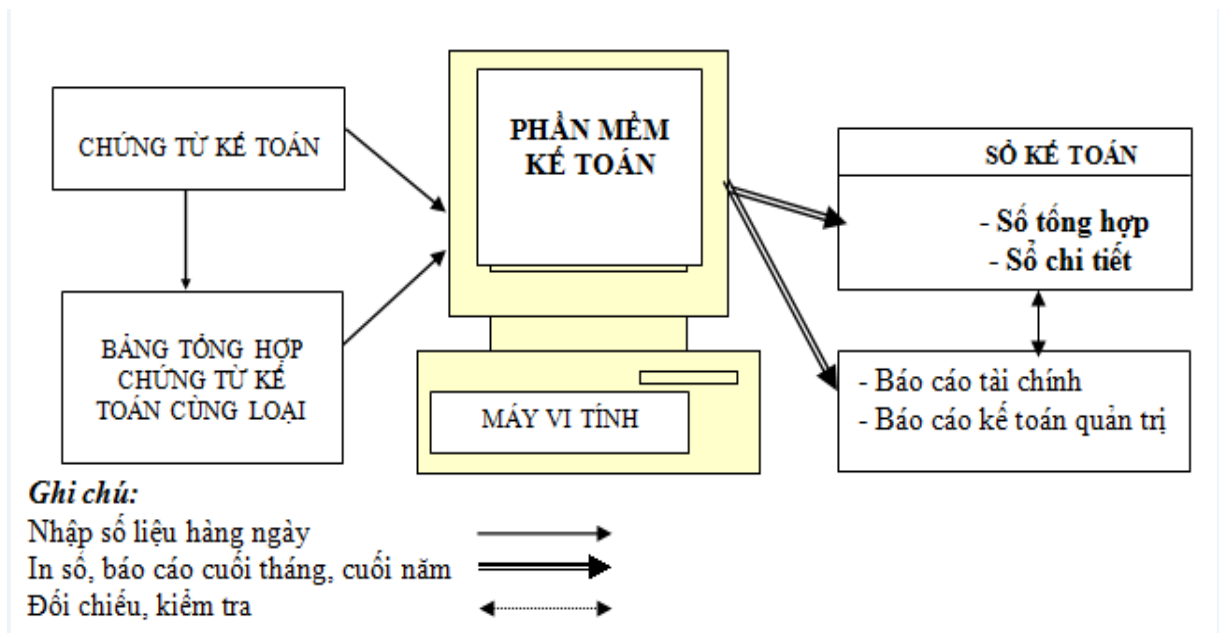
(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.



Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.



Sơ đồ 3.3: Quy trình xử lý dữ liệu trong phần mềm

(Nguồn: Phòng Tài chính- Tổng hợp)

3.1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng tại BQL

Chế độ kế toán áp dụng: Thực hiện cùng hệ thống với Tổng công ty Cổ phần Vinaconex và các Ban quản lý khác, Ban quản lý xây dựng và mở rộng đường Láng - Hòa Lạc áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 22/12/2014 thực hiện từ ngày 01/01/2015) và các chính sách, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung về chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp.

Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ trong ghi chép: Đồng Việt Nam (đ).

Phương pháp kế toán hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp tính khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí sau khi ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ cụ thể như sau

LOẠI TÀI SẢN	THỜI GIAN KHẤU HAO
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-10 năm
Máy móc, thiết bị	02-10 năm
Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn	05-10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03-05 năm
Tài sản cố định khác	05 năm

Kỳ xác định kết quả kinh doanh: 01 năm/ 1 lần

Ghi nhận doanh thu: Doanh thu được ghi nhận khi bàn giao toàn bộ phần công trình xây lắp và ký xác nhận hết trách nhiệm bảo hành công trình.

3.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán tài chính

3.2.1. Thực trạng kế toán doanh thu tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc

3.2.1.1. Kế toán doanh thu hoạt động xây lắp

BQL dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc với chức năng, nhiệm vụ chính là thay mặt Tổng công ty Vinaconex (Tổng thầu) tổ chức, quản lý và thực hiện đầu tư, giám sát và điều hành thi công Dự án đường Láng - Hòa Lạc từ giai đoạn khởi công đến giai đoạn hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng.

Doanh thu hoạt động xây dựng:

- Doanh thu chính của BQL được xác định căn cứ hồ sơ nghiệm thu khối lượng hoàn thành được Chủ đầu tư chấp thuận trong kỳ.

- Doanh thu từ hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán. Doanh thu từ hoạt động tài chính của Ban quản lý là từ lãi tiền gửi ngân hàng.

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập được tạo ra từ các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của BQL. Đó là những khoản thu từ hoạt động sửa chữa khác như: Doanh thu sửa chữa sau bảo hành xây lắp như doanh thu bù lún vượt lún dư, doanh thu bù lún...hay thí nghiệm kiểm tra chất lượng, từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường các khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt các nhà thầu phụ do vi phạm hợp đồng và các khoản thu khác...

Hiện nay Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp thi công.

Điều kiện ghi nhận doanh thu

Hồ sơ khối lượng hoàn thành là cơ sở để Ban quản lý ghi nhận doanh thu. Sau khi khối lượng thực hiện hoàn thành, Ban quản lý tập hợp hồ sơ và trình Chủ đầu tư phê duyệt chấp thuận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện thanh toán vốn đầu tư dự án theo qui định tại Thông tư số 64/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2005 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế và thông tư 241/2009/TT-BTC ngày 29/12/2009.

Đối với công tác vốn và doanh thu:

Thực hiện sự chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải; Ban QLDA Thăng Long; Lãnh đạo Tổng công ty Vinaconex, tập thể lãnh đạo Ban QLDA ĐTXD mở rộng đường Láng - Hòa Lạc, đã tập trung chỉ đạo các đơn vị hoàn thiện hồ sơ thanh toán các hạng mục đã thi công xong để giảm trừ tiền ứng với Chủ đầu tư (Ban QLDA Thăng Long), theo các nội dung sau:

- Tổng mức đầu tư dự án (TMĐT):

+ TMĐT ban đầu theo Quyết định số 2003/QĐ-BGTVT ngày 11/7/2003 của Bộ GTVT: 3.733,207 tỷ đồng. Nguồn vốn được huy động từ kinh phí thu được qua dự án bồi đắp lấy hạ tầng do Vinaconex thực hiện.

+ TMĐT hiệu chỉnh theo Quyết định số 3072/QĐ-BGTVT ngày 11/10/2007 của Bộ GTVT là 7.527,251 tỷ đồng. Cơ cấu nguồn vốn như sau:

Nguồn vốn ngân sách Trung ương 1.840,163 tỷ đồng (đã được bố trí và giải ngân hết năm 2010).

Nguồn vốn ngân sách TP Hà Nội: huy động theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất: 5.687,088 tỷ đồng. Đến nay, UBND thành phố Hà Nội đã huy động được 5.687.088 tỷ đồng. Như vậy nguồn vốn đã huy động đủ cho dự án.

- Tổng hợp giá trị thực hiện đến hết tháng 12/2017 như sau:

+ Giá trị khối lượng đã thi công hoàn thành : 5.714,806 tỷ đồng (1)

+ Giá trị khối lượng đã được Ban A nghiệm thu QT: 5.714,806 tỷ đồng (2)

+ Giá trị thanh toán đã được Kho bạc giải ngân : 5.654,691 tỷ đồng (3)

Trong đó:

+ Giá trị đã có hồ sơ quyết toán đang chờ thanh toán (2) - (3) là 60,115 tỷ đồng (4)

a, Chứng từ kế toán sử dụng:

Hóa đơn giá trị gia tăng; Hồ sơ khối lượng hoàn thành (Giấy đề nghị thanh toán, bảng giá trị đề nghị thanh toán, bảng xác định khối lượng hoàn thành theo hợp đồng....) (Phụ lục 2, biểu mẫu 2.1)

b, Tài khoản sử dụng:

Đề ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ, BQL sử dụng TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Nội dung, kết cấu của TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như sau:

Bên Nợ: Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 "Xác định KQKD".

Bên Có: Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán các thành phẩm xây lắp

- Tài khoản 5112 - Doanh thu khác

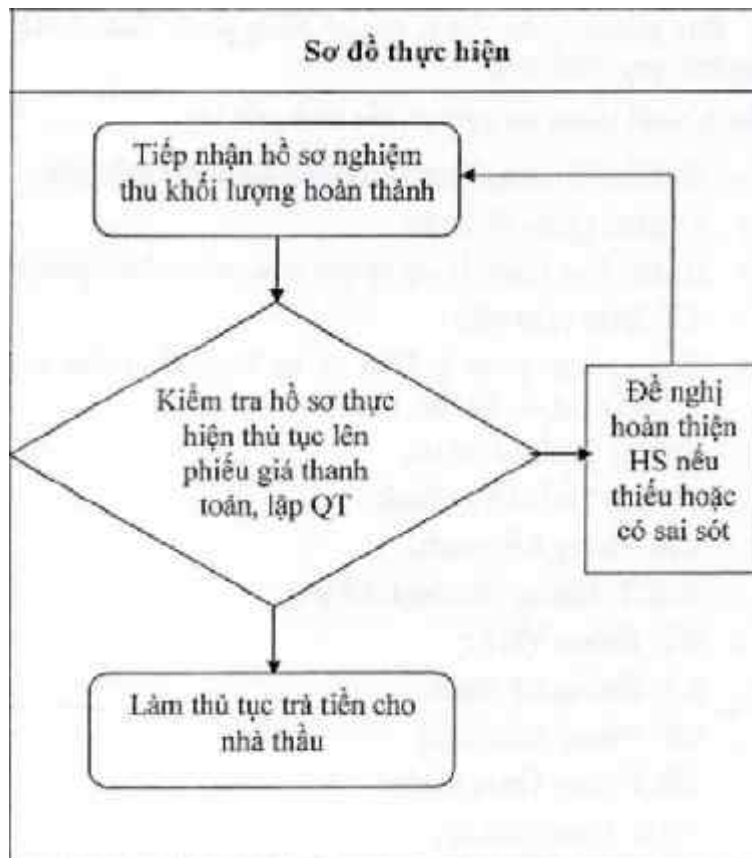
Các tài khoản doanh thu được quản lý theo số hiệu của các nhà thầu tương ứng ví dụ K0297 (Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hà Thành), K0361 (Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 703), K0419 (Công ty TNHH sản xuất và xây dựng Thi Sơn)...

Phương thức thanh toán: Trả tiền mặt hoặc thanh toán qua tài khoản.

Đối với hoạt động xây lắp, khi hồ sơ khối lượng hoàn thành được Chủ đầu tư chấp thuận, kho bạc nhà nước giải ngân, Ban quản lý ghi nhận: Số liệu đến ngày 31/12/2017

Nợ 112: 366,818,069,978 (đồng)

Có 131: 366,818,069,978 (đồng)



Đối với hoạt động giải phóng mặt bằng

Khi nhận tiền từ ngân sách chi trả đền bù giải phóng mặt bằng, căn cứ vào tình hình sử dụng dự toán chi đầu tư XD CB để ghi vào các TK có liên quan: ghi tăng tiền mặt trong quỹ cùng lúc với việc ghi tăng nguồn vốn đầu tư XD CB. Số liệu đến ngày 31/12/2017

Nợ 112: 26.469.248.100 (đồng)

Có 441: 26.469.248.100 (đồng)

+ Khi hoàn trả vốn đầu tư XDCCB cho ngân sách nhà nước, cho đơn vị cấp trên về số vốn không chi hết, kế toán sẽ ghi giảm nguồn vốn và giảm tài sản:

Nợ TK 441: Nguồn vốn đầu tư

Có TK 112: Tiền mặt

Kế toán quá trình đầu tư XDCCB và quyết toán vốn đầu tư XDCCB.

Quy trình thủ tục thanh, quyết toán hoạt động xây lắp của BQL thể hiện qua lưu đồ sau:

Sau khi Hợp đồng xây lắp của dự án được ký kết giữa BQL và các đơn vị thầu phụ. Phòng Kế hoạch- Kỹ thuật chuyển Hợp đồng cho phòng Tài chính - Tổng hợp để thực hiện trả tiền tạm ứng cho nhà thầu. Phòng TC-TH thông báo kết quả thực hiện cho phòng Kế hoạch- Kỹ thuật

Quá trình thanh, quyết toán:

- Tiếp nhận hồ sơ nghiệm thu

- Thời gian lập phiếu giá thanh toán tối đa 5 ngày sau khi nhận được hồ sơ nghiệm thu đủ điều kiện thanh toán và đề nghị thanh toán của nhà thầu.

- Trường hợp hồ sơ nghiệm thu thiếu, chưa phù hợp báo cáo Lãnh đạo Ban đề nghị phòng thực nghiệm nghiệm thu bổ sung, hiệu chỉnh.

-Lập thanh toán Hợp đồng

Căn cứ hồ sơ nghiệm thu thanh toán phần khối lượng thực hiện

Căn cứ các điều khoản, tiên lượng của Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng (nếu có)

Căn cứ hồ sơ thanh toán vật tư A cấp (với gói thầu xây lắp)

Căn cứ các qui định về định mức, chế độ chính sách theo qui định của nhà nước, địa phương, ngành.

Căn cứ bản đánh giá chất lượng, tiến độ, thực hiện các Hợp đồng, trách nhiệm của các bên nếu không đạt chất lượng và tiến độ

Phòng KH-KT phối hợp nhà thầu lập hồ sơ thanh toán các hợp đồng. Hồ sơ được cán bộ phụ trách thanh toán phối hợp nhà thầu lập, lãnh đạo phòng KH-KT kiểm tra ký và trình Phó Giám đốc phụ trách hoặc Giám đốc ký.

Thời gian lập thanh toán tối đa 15 ngày sau khi nhận được hồ sơ nghiệm thu đủ điều kiện thanh toán.

Với các Hợp đồng điều chỉnh giá khi nghiệm thu phải có bảng tổng hợp thời gian thi công từng hạng mục có điều chỉnh giá. Phòng thực hiện nghiệm thu và nhà thầu ký xác nhận vào bảng tổng hợp.

Sau đó phòng kế hoạch - kỹ thuật tập hợp theo gói hồ sơ trình Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ gồm:

a) Hợp đồng dự án, các phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có) và các văn bản pháp lý kèm theo hợp đồng dự án;

b) Hợp đồng giữa nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án với nhà thầu hoặc nhà cung cấp và các tài liệu kèm theo hợp đồng như: Phụ lục hợp đồng, Điều kiện riêng, Điều kiện chung liên quan đến việc thanh toán; văn bản giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng nội bộ đối với trường hợp nhà đầu tư tự thực hiện; Dự toán, quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình..

- Hồ sơ thanh toán để được thanh toán

Hồ sơ pháp lý gửi một lần tới đơn vị liên quan trong quy trình thanh toán.

Ban quản lý có trách nhiệm gửi Kho bạc nhà nước nơi mở tài khoản trước hoặc cùng thời Điểm đề nghị thanh toán vốn Nhà nước thực hiện dự án lần đầu hồ sơ pháp lý của dự án làm cơ sở để kiểm soát thanh toán, bao gồm:

Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư khối lượng hoàn thành của cơ quan được giao quản lý phần vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án

+ Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

- Đối với các công việc nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án tự thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng:

- + Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng công việc hoàn thành;
- + Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng công việc;
- + Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư khối lượng hoàn thành của cơ quan được giao quản lý phân vốn đầu tư của Nhà nước thực hiện dự án PPP
- + Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

3.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Tại BQL, doanh thu từ hoạt động tài chính là tiền lãi gửi tại Ngân hàng. Trong thời gian nghiên cứu, tháng 12/2017 Doanh thu hoạt động tài chính của Ban quản lý là 497,453,465.00 đồng các khoản tiền được rút vốn, Ban quản lý để tại tài khoản thanh toán ở ngân hàng.

Chứng từ sử dụng: Giấy báo có của Ngân hàng, Sổ phụ ngân hàng

Tài khoản sử dụng: Tài khoản số 515- Doanh thu từ hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng

Nội dung, kết cấu của tài khoản Doanh thu từ hoạt động tài chính như sau:

Bên Nợ:

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính không có tài khoản cấp 2

Quy trình lưu chuyển chứng từ ghi nhận doanh thu từ hoạt động tài chính như sau:

Khi thực hiện nhận thầu, Ban quản lý mở tài khoản ngân hàng với mục đích thực hiện các giao dịch với các nhà thầu và chủ đầu tư qua ngân hàng. Tại thời điểm này, cán bộ ngân hàng thực hiện theo dõi tài khoản, tất cả các giao dịch thu - chi qua tài khoản thông qua hệ thống của ngân hàng.

Hàng tháng, tại ngân hàng cung cấp sổ phụ cho BQL cho kế toán tổng hợp của BQL

Với sổ phụ ngân hàng, Giấy báo nợ, Giấy báo có do ngân hàng cung cấp, kế toán tổng hợp thu thập, sắp xếp chứng từ và tiến hành nhập liệu vào phần mềm kế toán.

Sau quá trình xử lý của phần mềm kế toán, doanh thu từ hoạt động tài chính được ghi nhận trên sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 515- Doanh thu từ hoạt động tài chính.

Kế toán lưu sổ phụ ngân hàng theo thời gian.

3.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

Đối với BQL, các khoản thu nhập khác mang tính chất không thường xuyên, bao gồm: Thu thanh lý nhượng bán tài sản, thu bán vật liệu, phế liệu, nhượng bán công cụ, dụng cụ và các khoản doanh thu khác... Doanh thu khác trong kỳ của BQL là 4,730,000 đồng thu từ bán lại các phế liệu trong quá trình xây lắp.

Chứng từ kế toán sử dụng: Hóa đơn GTGT liên quan đến nhượng bán, thanh lý tài sản, các biên bản thỏa thuận, hợp đồng kinh tế, các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 711 - Thu nhập khác

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 711 - Thu nhập khác như sau:

Bên Nợ:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 - Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 711 - Thu nhập khác không có tài khoản cấp 2.

3.2.2. Kế toán chi phí tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán tài chính

3.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Trong hoạt động xây lắp tại Ban quản lý, công tác ghi nhận chi phí rất được chú trọng. Tại Ban quản lý, chi phí được hiểu là những khoản chi phí phát sinh từ quá trình hoạt động xây lắp thông thường của đơn vị và các chi phí khác.

Chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và kinh doanh bình thường bao gồm giá thành công tác xây lắp, tiền lương, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khấu hao... và được theo dõi theo từng tài khoản cấp 2 chi tiết từ 64201 đến 64223.

Phân loại chi phí

Như đã trình bày trong những nội dung trên, BQL là đơn vị hạch toán độc lập, thực hiện hoạt động chính là hoạt động xây lắp nên chi phí tại BQL được tập trung phân loại thành:

Chi phí giá vốn hàng bán: trị giá gốc của hạng mục công trình đã xây lắp và các khoản được tính vào giá vốn để xác định kết quả hoạt động trong kỳ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: khoản chi phí phát sinh có liên quan đến chung đến hoạt động của Ban quản lý không thể tách riêng ra được cho bất cứ hoạt động nào.

Chi phí tài chính: khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính.

Điều kiện ghi nhận chi phí

Ban quản lý luôn áp dụng những điều kiện ghi nhận chi phí trong kỳ phát sinh như:

1. Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

2. Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Các nguyên tắc kế toán chi phối đến chi phí

Qua quá trình tìm hiểu thực tế tại Ban quản lý, kế toán tại Ban quản lý luôn cẩn trọng trong việc vận dụng các nguyên tắc kế toán khi chi phối đến chi phí phát sinh.

Trong quá trình tập hợp chi phí đầu tư XDCCB, kế toán phải tôn trọng những quy định sau:

1. Các chi phí xây lắp, thiết bị vẫn phải tính trực tiếp cho từng đối tượng tài sản.

2. Các chi phí quản lý dự án và chi phí khác thường chi chung nhưng khi công trình xây dựng cơ bản hoàn thành thì chủ đầu tư phải tính toán phân bổ các chi phí xây dựng này theo nguyên tắc:

a. Chi phí liên quan trực tiếp đến đối tượng tài sản nào thì tính trực tiếp cho đối tượng tài sản đó.

b. Các chi phí chung có liên quan đến hiệu đối tượng tài sản khác nhau thì phải phân bổ theo những tiêu thức thích hợp, có thể phân bổ theo tỷ lệ với vốn xây dựng hoặc tỷ lệ với vốn lắp đặt, vốn thiết bị.

3. Trường hợp công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng quyết toán dự án chưa được duyệt thì kế toán ghi tăng nguyên giá TSCĐ theo giá tạm tính, trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được TSCĐ, làm căn cứ trích khấu hao, nhưng sau đó phải điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tại BQL, kế toán ghi nhận giá vốn hoạt động xây lắp khi thực hiện công tác bàn giao cho khách hàng.

Trong thời gian nghiên cứu, tháng 12/2017 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc thực hiện xuất bán hàng hóa, ghi nhận giá thành hoạt động xây lắp.

Chứng từ sử dụng: hợp đồng giao khoán, kèm theo bảng kê khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao được duyệt.

Tài khoản sử dụng: Đề hạch toán giá thành xây lắp Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc sử dụng tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán.

Nội dung cụ thể như sau:

Bên Nợ:

- Đối với hoạt động xây lắp, phản ánh:
- + Trị giá vốn của sản phẩm đã xây lắp trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã hoàn thành trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;
- Khoản giảm trừ, phạt vi phạm do không đạt tiêu chuẩn sau khi bàn giao Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán không có số dư cuối kỳ.

Tuy nhiên, tại bước nhập liệu để phần mềm máy tính xử lý, kế toán tổng hợp thực hiện bước kết xuất ra sổ kế toán: Sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản giá vốn hàng bán 632. (phụ lục 2: Sổ sách kế toán: Sổ cái tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán). Cuối quý IV/2017, căn cứ chi phí giá vốn đã tập hợp và xác định, kế toán hạch toán giá vốn tại bút toán kết chuyển, cụ thể như sau:

Nợ TK 911:867.441.502 đồng

Có TK 6328: 867.441.502 đồng

3.2.2.2. *Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp*

Chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...). Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2017 của BQL là 4.296 triệu đồng.

Chứng từ kế toán sử dụng

Bảng tính lương và các khoản trích theo lương

Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho

Hóa đơn bán hàng, Hóa đơn GTGT

Bảng kê hóa đơn thanh toán dịch vụ mua ngoài

Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp. Nội dung, kết cấu tài khoản 642 như sau:

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;

Bên Có:

- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Số dư: Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp không có số dư cuối kỳ.

Quy trình lưu đồ luân chuyển chứng từ

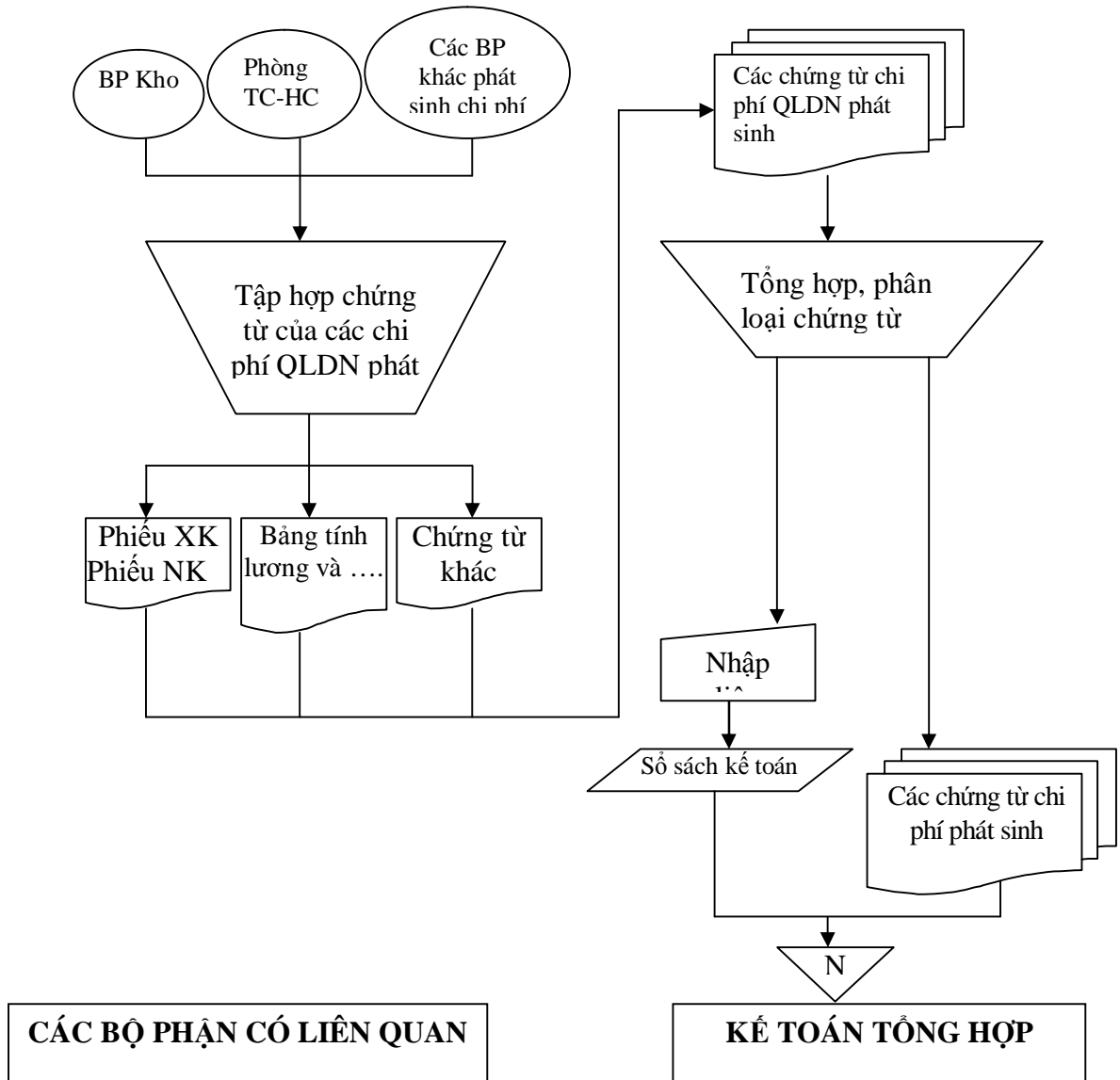
Khi chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh ở các bộ phận như: Phòng TCHC, các bộ phận khác thì tại các bộ phận này sẽ tập hợp các chứng từ kế toán phát sinh như hóa đơn GTGT, đề nghị ... cho bộ phận kế toán tổng hợp.

Sau khi tiếp nhận các chứng từ chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh kế toán tổng hợp tổng hợp và phân loại chứng từ để tiến hành thanh toán hoặc nhập liệu vào phần mềm kế toán.

Phần mềm kế toán sẽ tự động lên sổ kế toán: Sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 642... Với các chứng từ kế toán phát sinh, kế toán tổng hợp tiến hành lưu theo thời gian.

Sổ sách kế toán: Sổ cái tài khoản Chi phí quản lý doanh nghiệp

(Phụ lục 1 - Sơ đồ 2.5. Sổ cái tài khoản Chi phí quản lý doanh nghiệp)



3.2.2.3. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng

Hợp đồng kinh tế

Các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng tài khoản 811 - Chi phí khác để hạch toán các khoản chi phí khác phát sinh. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 811 - Chi phí khác như sau:

Bên Nợ: - Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có: - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 - Chi phí khác không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 811 - Chi phí khác không có tài khoản cấp 2.

Trong thời gian nghiên cứu, tháng 12/2017 tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc không phát sinh khoản chi phí khác nào nên trong phần thực trạng này tôi xin phép không được trình bày sâu kế toán chi phí khác.

3.2.2.4. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

BQL không phát sinh chi phí thuế này vì sau khi có kết quả kinh doanh hàng năm được đại hội cổ đông của TCT thông qua, BQL chuyển lãi lỗ lên TCT bù trừ qua tài khoản công nợ. Chính vì vậy tác giả không đi vào phân tích chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

3.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán tài chính

Những vấn đề về xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý

Công đoạn xác định kết quả kinh doanh được thực hiện Ban quản lý xác định khi được phê duyệt thanh toán.

Xác định KQKD phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, chi phí dùng để xác định KQKD phải là chi phí tạo ra doanh thu dù phát sinh ở kỳ nào.

Phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết chuyển vào tài khoản này là doanh thu thuần và thu nhập thuần.

Phân loại kết quả kinh doanh

Với hình thức hoạt động của Ban quản lý, kết quả kinh doanh của Ban quản lý bao gồm: kết quả kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Trong đó kết quả kinh doanh thông thường từ hoạt động xây lắp

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là Số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá thành công tác xây lắp và chi phí quản lý.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh tại BQL được tính như sau:

$$\begin{array}{rcc} \text{Kết quả HĐKD} & & \text{Kết quả của HĐKD} & & \text{Kết quả HĐKD} \\ \text{của BQL} & = & \text{thông thường} & + & \text{khác} \end{array}$$

Trong đó: Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của BQL từ hoạt động hoạt động xây lắp.

Nội dung nguyên tắc xác định kết quả kinh doanh

Đối với kế toán xác định kết quả kinh doanh, tại Ban quản lý rất chú trọng vào nguyên tắc phù hợp:

Nguyên tắc phù hợp (Matching principle), theo VAS số 1 - Chuẩn mực chung, thể hiện qua việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả (trong tương lai) nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Vì cơ sở của nguyên tắc dựa vào kỳ kế toán nên hạch toán chi phí phải căn cứ vào thời gian đem lại lợi ích cho doanh nghiệp. Điều này là hết sức cần thiết cho BQL vì có liên quan trực tiếp đến lợi ích của BQL.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Ban quản lý là chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh doanh của Ban quản lý trong kỳ.

Là đơn vị có chức năng hoạt động xây lắp là chủ yếu nên đến cuối kỳ tính kết quả chung cho toàn bộ hoạt động xây lắp.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định là số chênh lệch giữa tổng giá trị được quyết toán cộng với doanh thu của hoạt động tài chính và thu nhập khác với giá thành xây lắp, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác. Trong đó kết quả được xác định theo căn cứ vào hồ sơ thanh toán của các nhà thầu phụ được BQL chấp thuận, sau khi đề nghị Ban QLDA Thăng Long thanh toán cho BQL. Sau khi được chấp nhận thanh toán BQL đề nghị Ban QLDA Thăng Long chuyển tiền thanh toán trong đó 98% giá trị thực hiện hợp đồng sau thuế là khoản BQL sẽ thanh toán cho các nhà thầu phụ và chi phí tổng thầu 2% giá trị thực hiện hợp đồng sau thuế là nguồn thu để bù đắp chi phí BQL.

Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng tài khoản 911 để hạch toán kết quả kinh doanh. Nội dung, kết cấu tài khoản như sau:

Bên Nợ:

- Giá vốn của hạng mục công trình đã xây lắp
- Chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;

Bên Có:

- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác;

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh không có tài khoản cấp 2.

Quy trình kế toán:

Cuối tháng, kế toán kiểm tra tính chính xác số liệu trên các sổ Cái liên quan đến hoạt động bán hàng, hoạt động tài chính, hoạt động khác để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Sau khi kiểm tra xong, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển tự động để kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911- xác định kết quả kinh doanh. Sau khi kết chuyển xong, phần mềm kế toán tự động cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 911 và các sổ sách kế toán khác có liên quan.

Trong tháng 12/2017 kế toán tổng hợp số liệu kế toán như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
Doanh thu xây lắp	242.128.900.932
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.296.220.003
Doanh thu từ hoạt động tài chính	497.453.465
Chi phí tài chính	-
Thu nhập khác	4.730.000
Chi phí khác	-

Sổ sách kế toán: Sổ cái tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh (Biểu mẫu: 3.6 - Sổ cái Tài khoản 911)

3.3. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán quản trị

3.3.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán quản trị

Bản chất của thông tin trong kế toán quản trị là thông tin quản lý, không phải thông tin tài chính đơn thuần. Trước khi tập hợp thông tin kế toán quản trị phải biết rõ mục đích của thông tin đó.

Để quản lý một cách có hiệu quả hoạt động BQL tập hợp theo các nhà thầu, theo các hạng mục công trình hoàn thành, trên có sở đó đánh giá kết quả của từng bộ phận dựa trên những trách nhiệm được giao.

Xây dựng dự toán về doanh thu

Quá trình lập dự toán được thực hiện vào đầu năm được thể hiện như sau:

Hiện nay việc lập dự toán về doanh thu của BQL được phòng kế hoạch thực hiện còn chưa được cụ thể chủ yếu dựa trên phân tích tổng hợp.

Dự toán doanh thu được tính theo công thức:

Dự toán doanh thu = Dự toán về khối lượng công trình hoàn thành x Dự toán đơn giá

Dự toán về khối lượng công việc hoàn thành xây dựng chi tiết cho từng hạng mục cụ thể.

Tổ chức thu thập thông tin về doanh thu

Thông tin quá khứ (thông tin thực hiện) là thông tin về hiện tượng và sự kiện xảy ra, đã phát sinh. Thông tin quá khứ mà kế toán quản trị thu thập và cung cấp cho thấy tình hình hoạt động của DN trong thời kỳ đã qua. Điều đó giúp các nhà quản trị DN đánh giá được hiệu quả của việc thực hiện các quyết định, đánh

giá mức độ kiểm soát các hoạt động của DN của chính nhà quản trị, làm cơ sở tiền đề để hoạch định các chính sách trong thời kỳ tiếp theo.

Phương pháp thu thập thông tin:

Tổ chức hạch toán ban đầu: Đây là khâu đầu tiên khi thu thập thông tin quá khứ. Hạch toán ban đầu được thực hiện thông qua việc lập các chứng từ kế toán. Lập và ghi chép đầy đủ, chính xác các sự kiện kinh tế phát sinh sẽ giúp cho các khâu tiếp theo tiến hành thuận lợi, đảm bảo cung cấp thông tin được nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu phù hợp, hữu ích và kịp thời.

Lập báo cáo kế toán quản trị:

Trên cơ sở toàn bộ thông tin đã tập hợp, kế toán quản trị thiết lập hệ thống báo cáo bao gồm: các báo cáo thường xuyên, báo cáo định kỳ và báo cáo nhanh, báo cáo đột xuất... Hình thức kết cấu của báo cáo cần đa dạng, linh hoạt tùy thuộc vào tiêu chuẩn đánh giá thông tin trong mỗi báo cáo phục vụ cho từng tình huống cụ thể. Báo cáo cần được thiết kế dưới dạng so sánh được, phù hợp với những tình huống khác nhau.

3.3.2. Kế toán chi phí tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán quản trị

BQL căn cứ vào đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý để tổ chức tập hợp chi phí theo từng trung tâm phát sinh chi phí, như: các tổ, phòng, bộ phận hoặc cho từng công việc, từng hạng mục, từng giai đoạn xây lắp hoặc cho cả quá trình xây lắp và xác định các loại chi phí theo nội dung.

+ Xác định trung tâm chi phí tiêu chuẩn (hay trung tâm chi phí chính): là trung tâm chi phí mà yếu tố chi phí và các định mức tiêu hao về các nguồn lực sử dụng để hoàn thiện một hạng mục đều được xây dựng định mức cụ thể.

+ Xác định trung tâm chi phí dự toán (hay trung tâm chi phí phụ): là trung tâm chi phí mà yếu tố chi phí được dự toán và đánh giá căn cứ trên nhiệm vụ

được giao tính chung, không thể xác định cụ thể cho từng đơn vị sản phẩm hoặc cho từng công việc của trung tâm.

Xây dựng định mức và Công tác kiểm soát chi phí

Việc xác định trung tâm chi phí nhằm mục đích xây dựng các chỉ tiêu đánh giá trách nhiệm tại các trung tâm trách nhiệm dựa trên chi phí định mức.

Tổ chức thu thập thông tin về chi phí

Tổ chức thu nhận thông tin chi phí là công việc khởi đầu của qui trình kế toán quản trị chi phí, để thực hiện tốt thu nhận thông tin chi phí BQL dựa trên báo cáo kỳ trước, dự toán được phê duyệt và chi phí kỳ trước:

3.3.3. Kế toán xác định kết quả hoạt động tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán quản trị.

Tổ chức thu thập thông tin về kết quả kinh doanh

Báo cáo quản trị về kết quả kinh doanh

Báo cáo dự toán kết quả hoạt động kinh doanh của BQL: Căn cứ vào dự toán doanh thu tiêu thụ và các dự toán chi phí để phản ánh các yếu tố trong báo cáo dự toán kết quả hoạt động kinh doanh. Báo cáo dự toán kết quả hoạt động kinh doanh có thể được lập bằng 2 phương pháp: Phương pháp toàn bộ và phương pháp số dư đảm phí. Sử dụng phương pháp số dư đảm phí giúp phân tích được mối quan hệ giữa sản lượng - chi phí - lợi nhuận và giúp nhà quản lý đưa ra có quyết định kịp thời và đúng đắn hơn.

Hiện nay các báo cáo quản trị chi phí ở Ban quản lý còn chưa được chú trọng.

Báo cáo tổng hợp chi phí sản xuất của các công trình: Nội dung của báo cáo này cho nhà quản trị biết chi phí sản xuất của công trình, hạng mục công trình đến thời điểm hiện tại là bao nhiêu. Báo cáo này do kế toán lập định kỳ hàng tháng và đột xuất khi có yêu cầu của Giám đốc

Báo cáo giá thành sản xuất sản phẩm: Báo cáo giá thành sản xuất sản phẩm có thể được lập cho từng loại sản phẩm, công việc, dịch vụ hay cho từng bộ phận trong phân xưởng, cho từng phân xưởng sản xuất hoặc toàn bộ doanh nghiệp. Tùy theo mục tiêu phân tích khác nhau, việc phân tích giá thành có thể được thiết kế theo các mẫu biểu khác nhau.

Báo cáo bộ phận: Hiện nay tại Ban quản lý chưa lập báo cáo bộ phận - một trong những báo cáo cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh theo các trung tâm trách nhiệm trong doanh nghiệp để báo cáo các hoạt động và đánh giá trách nhiệm của nhà quản lý các cấp. Báo cáo bộ phận thường lập theo cách ứng xử của chi phí và thường lập ở nhiều mức độ, nhiều phạm vi khác nhau phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng thông tin và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể của từng cấp.

3.4. Đánh giá thực trạng về Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại BQL dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc

BQL dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc có bộ máy kế toán được tổ chức tập trung, phân chia thành các thành phần hành kế toán như kế toán thanh toán, kế toán kho,... Đặc biệt với quy mô của BQL là nhỏ nên hiện tại sự hiện hữu của kế toán quản trị là không đáng kể

Qua quá trình hoạt động, BQL dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc đã không ngừng phát triển, cơ sở vật chất được nâng cao, cũng như trình độ quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng ngày càng hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu quản lý. Công tác kế toán tại Ban quản lý, cụ thể là công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại BQL dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc sau khi nghiên cứu có thể rút ra một số nhận xét như sau:

3.4.1. Ưu điểm

Về tổ chức công tác kế toán

BQL áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, mô hình này giúp Ban quản lý có được sự chỉ đạo kịp thời trong công tác kế toán, bộ máy kế toán khá gọn nhẹ, thống nhất từ trên xuống dưới, phù hợp với quy mô hoạt động của BQL và đáp ứng được nhu cầu của công việc kế toán chủ yếu.

Đội ngũ kế toán đảm bảo trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc tại BQL, thường xuyên cập nhập các văn bản luật mới được ban hành và áp dụng chúng vào thực tiễn BQL. Mỗi nhân viên trong Bộ phận kế toán được phân công bố trí công tác phù hợp với trình độ và khả năng.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng kế toán máy vào công tác hạch toán đã tiết kiệm đáng kể thời gian và công sức mà vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kế toán kịp thời.

Ngoài việc cập nhật và sử dụng phần mềm kế toán, BQL cũng có 01 máy chủ, phòng kế toán BQL đã tận dụng kết nối mạng LAN để sử dụng máy chủ để lưu giữ, cập nhật những báo cáo, bảng thống kê số liệu kế toán mang tính sử dụng chung, chia sẻ thông tin liên quan đến các nhân viên kế toán trong công tác kế toán của BQL cũng như việc khai thác số liệu của các phòng ban liên quan.

Về tổ chức hệ thống chứng từ, ghi chép ban đầu và sổ kế toán sử dụng.

BQL áp dụng hệ thống tài khoản theo quy định của Bộ Tài Chính, đồng thời cũng vận dụng linh hoạt, mở các tài khoản cấp 2 tùy theo yêu cầu, tính chất thông tin kế toán tại BQL, nhằm phục vụ việc theo dõi và cung cấp thông tin được chính xác và nhanh nhất. BQL áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung phù hợp với quy mô, loại hình, đặc điểm của Ban quản lý.

Kế toán tuân thủ theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành về việc kiểm tra và lập chứng từ kế toán. Việc lưu trữ chứng từ được quy định khá rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, tra cứu.

Về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Việc hạch toán cơ bản là theo đúng nguyên tắc và chế độ kế toán hiện hành. Doanh thu và chi phí được hạch toán đầy đủ. BQL cũng đã xác định đúng nội dung chi phí, tổ chức phân loại, tập hợp chi phí theo đúng quy định của chế độ kế toán. Từ đó, đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí, tăng cường công tác quản lý chi phí của BQL.

Hệ thống tài khoản sử dụng tập hợp doanh thu, chi phí, phương pháp kế toán doanh thu, chi phí là tương đối phù hợp. Đối tượng tập hợp doanh thu, chi phí phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý.

Ngoài ra, hệ thống báo cáo của BQL được lập đầy đủ theo các quy định hiện hành của nhà nước và theo hệ thống của Tổng công ty, đáp ứng được nhu cầu cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng.

3.4.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại BQL vẫn còn tồn tại một số vấn đề sau:

Trong công tác kế toán tài chính:

Một số trường hợp ở BQL chỉ ghi nhận doanh thu khi công trình của HĐXD hoàn thành, bàn giao. Trong trường hợp này, với những HĐXD được thực hiện kéo dài qua nhiều năm thì doanh thu của kì này nhưng lại được ghi nhận vào kì sau, do đó không phản ánh chính xác doanh thu HĐXD trong kì báo cáo.

Việc xác định nội dung chi phí của HĐXD ở BQL còn chưa đầy đủ, có những khoản chi phí theo quy định được tính vào chi phí HĐXD nhưng kế toán lại không tính vào như: chi phí lãi vay đủ điều kiện vốn hóa.

Việc xác định chi phí của phần công việc hoàn thành trong kỳ ở BQL hiện nay là chủ quan theo mục đích lợi nhuận của nhà quản lý, chưa áp dụng một phương pháp cụ thể nào.

Báo cáo tài chính hiện nay của BQL chưa trình bày các thông tin sau: phương pháp xác định doanh thu ghi nhận trong kỳ, phương pháp xác định phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng, tổng doanh thu lũy kế của HĐXD được ghi nhận cho tới thời điểm báo cáo.

Trong công tác kế toán quản trị:

Hiện nay, tại BQL sự xuất hiện của kế toán quản trị chưa được thực hiện một cách đầy đủ mà chỉ thiên về kế toán tài chính. Trong khi hiện nay, việc khai thác được kế toán quản trị áp dụng vào quản lý sẽ giúp ích cho nhà quản trị rất nhiều trong hoạt động. Do sự hiện diện của kế toán quản trị chưa thực sự được coi trọng nên việc lập các dự toán doanh thu, định mức chi phí, dự toán chi phí được thực hiện chưa một cách cụ thể, khoa học mới chỉ dựa trên báo cáo được thực hiện bởi phòng kế toán tổng hợp chưa có sự tham gia của các bộ phận xây dựng, kỹ thuật nên còn nhiều hạn chế, cụ thể là định mức đưa ra chưa được sát với thực tế khi hoàn thành, gây nên việc hoàn thành bị chậm trễ vì thiếu vốn, hay phải trình lại cấp thêm vốn.

Cùng với đó, việc tổ chức hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo tài chính đang được kết hợp với cùng một hệ thống của kế toán tài chính. Tuy nhiên chứng từ sử dụng còn nghèo nàn, chưa có các tài khoản chi tiết cụ thể theo từng gói, hạng mục cũng như từng nhà thầu.

Việc tổ chức thu thập thông tin tương lai của BQL có nhiều hạn chế, đòi hỏi phải được hoàn thiện thêm để đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin thích hợp cho nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra quyết định tối ưu.

Hiện bộ phận kế toán của BQL mới chỉ cung cấp cho Ban giám đốc báo cáo nội bộ dưới dạng tổng quát với các chỉ tiêu chung về doanh thu, chi phí và

kết quả kinh doanh ở mức độ so sánh. BQL chưa xây dựng được bộ phận kế toán quản trị riêng để phân tích và lập báo cáo quản trị, cung cấp các thông tin cho nhà quản trị, đặc biệt là thông tin doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho nhà quản trị doanh nghiệp điều hành có hiệu quả.

3.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Hệ thống kế toán tại BQL dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc còn những tồn tại nói trên do nhiều nguyên nhân bao gồm cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

Nguyên nhân khách quan

Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam xây dựng trên hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế nên còn nhiều quy định chưa phù hợp với kế toán Việt Nam, bên cạnh đó còn nhiều quy định cần có lại chưa có văn bản nào hướng dẫn thi hành.

Hệ thống chứng từ kế toán nhiều quy định chưa thật sự chặt chẽ, vẫn có thể gian lận trong chế độ hóa đơn, chứng từ.

Hệ thống kế toán Việt Nam chưa hoàn thiện và chưa mang tính ổn định, thường có những thay đổi, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc thi hành các chính sách của nhà nước.

Nguyên nhân chủ quan

Công tác kế toán quản trị chưa được chú trọng ở BQL nên việc lập, phân tích các số liệu về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh để tham mưu cho Ban giám đốc trong việc ra quyết định còn thiếu hiệu quả. Việc lập dự toán doanh thu, chi phí còn rất sơ sài, chưa được phân theo bộ phận và chưa đánh giá được theo từng phân cấp quản lý.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ kế toán chưa được chú trọng để thực hiện những phần hành kế toán quản trị mà giúp ích cho BQL trong việc hoạch định và đưa ra quyết định kinh doanh hiệu quả.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp đã trình bày ở chương 2, chương 3 của luận văn đã đi sâu phân tích thực trạng công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại BQL dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc

Luận văn đã khái quát được đặc điểm tổ chức, quản lý bộ máy tài chính liên quan đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Luận văn cũng đã tập trung phân tích làm rõ những kết quả đạt được trong quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Qua đó cho thấy những thiếu sót, hạn chế trong công tác kế toán này. Luận văn đã xác định được những nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế nhằm làm cơ sở nghiên cứu, đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở chương tiếp theo.

CHƯƠNG 4

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG ĐƯỜNG LÁNG - HÒA LẠC

4.1. Định hướng phát triển, yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc

Trong thời đại phát triển như hiện nay, Việt Nam ngày càng gia nhập sâu và rộng vào nền kinh tế cũng như các hoạt động của thế giới. Để đáp ứng yêu cầu của sự hội nhập, Việt Nam đã và đang từng bước tích cực chủ động đổi mới cơ chế quản lý, các công cụ quản lý kinh tế trong đó có công tác kế toán cũng được kiện toàn cho phù hợp với thông lệ của các nước trên thế giới và các chuẩn mực kế toán quốc tế nhằm thu hẹp những khác biệt về nội dung và phương pháp kế toán ở các nước.

Hệ thống kế toán Việt Nam đang được hoàn thiện để phù hợp với cơ chế thị trường, thông lệ và chuẩn mực kế toán quốc tế. Kế toán không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin có tính lịch sử mà đòi hỏi thông tin phải đầy đủ, kịp thời, chính xác nhằm thỏa mãn nhu cầu của các nhà quản trị trong việc ra quyết định điều hành sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp.

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc phải chủ động tự cải cách, đổi mới để tồn tại và phát triển được trong cơ chế thị trường. Xác định công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cực kỳ quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp. Muốn vậy, các nhà quản lý phải nắm bắt và sử dụng đồng thời nhiều công cụ quản lý khác nhau sao cho hợp lý nhất.

Vì vậy tìm được những phương pháp để quản lý và kiểm soát khâu này có ý nghĩa rất đặc biệt. Nhìn chung, tại Ban quản lý đang chỉ tập trung giải

quyết những nội dung của kế toán tài chính mà chưa chú trọng đến việc cung cấp thông tin kế toán quản trị phục vụ cho việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chính vì vậy yêu cầu hoàn thiện nhiều hơn nữa kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc để đáp ứng kịp thời, đầy đủ chính xác yêu cầu của kế toán tài chính, đồng thời cung cấp thông tin cho nhà quản trị trong việc ra quyết định là việc làm hết sức cần thiết hiện nay.

Kế toán là một công cụ quản lý kinh tế, tài chính, nó không chỉ đơn thuần là công việc ghi chép, tính toán về vốn và sự vận động của vốn trong quá trình kinh doanh của đơn vị mà còn là bộ phận chủ yếu trong hệ thống thông tin kinh tế xã hội, là công cụ thiết yếu để quản lý tài chính, giúp cho các nhà quản lý có thể phân tích, nắm bắt được các hoạt động kinh tế đưa ra các quyết định đúng đắn kịp thời, có hiệu quả. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một công cụ không thể thiếu trong hệ thống công cụ quản lý kinh tế của một doanh nghiệp, đặc biệt là đối với hoạt động chính của BQL dự án. Nó là bộ phận cung cấp thông tin về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả, giúp nhà quản lý đánh giá được các điểm mạnh trong hoạt động kinh doanh. Vì vậy, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả không những là việc nâng cao hiệu quả công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả mà nó còn giúp hiệu quả của công tác kế toán nói chung của BQL được nâng cao. Để đảm bảo tính chính xác, tính khoa học, việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

4.1.1. Phải tuân thủ theo đúng chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành

Hoạt động trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp phải chịu sự quản lý, điều hành, kiểm soát của Nhà nước bằng pháp luật, các biện pháp hành chính và các công cụ quản lý kinh tế. Vì vậy, các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán phải dựa trên chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán hiện hành. Việc tuân thủ chế độ kế toán hiện hành thể hiện từ việc tuân thủ các tài khoản sử dụng, chuẩn mực, phương pháp và trình tự kế toán đến việc sử dụng hệ thống sổ sách kế toán hay lập báo cáo.

4.1.2. Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh, hệ thống quản lý của Ban quản lý

Một doanh nghiệp thuộc một loại hình cụ thể, mang những đặc điểm hoạt động quản lý, tổ chức kinh tế riêng và có những yêu cầu quản lý riêng nên khi vận dụng chế độ kế toán phải đảm bảo sao cho phù hợp với chế độ kế toán hiện hành đồng thời cũng phải phù hợp với chính bản thân doanh nghiệp. Các quy định chính sách của Nhà nước là hướng dẫn chung cho tất cả các doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp phải biết vận dụng một cách phù hợp với đặc điểm cụ thể của đơn vị về các mặt như: tổ chức quản lý sản xuất, quản lý kinh doanh và đặc điểm của tổ chức bộ máy kế toán, cơ sở trình độ của đội ngũ kế toán viên hiện có,... Việc vận dụng phù hợp cũng cần phải đảm bảo sự thống nhất về phương pháp đánh giá, về việc sử dụng chứng từ, tài khoản cũng như hệ thống sổ sách kế toán, báo cáo.

4.1.3. Phải đáp ứng việc cung cấp thông tin kịp thời, tin cậy

Công tác kế toán thực tế có nhiệm vụ cơ bản là cung cấp các thông tin kinh tế cho các nhà lãnh đạo để từ đó có thể ra các quyết định cho sự hoạt động và phát triển của DN. Chính vì vậy, thông tin cung cấp không những phải hợp lý, rõ ràng, dễ hiểu, đảm bảo luân chuyển số liệu giữa các phần hành của kế toán có sự liên kết, dễ dàng, tiện lợi cho việc kiểm tra mà còn đòi hỏi

phải có trình độ chính xác cao, có tính cập nhật, nhanh chóng, kịp thời phục vụ tốt cho mục đích quản lý công tác kế toán trong BQL. Đặc biệt là trong điều kiện hiện nay khi nền kinh tế với sự bùng nổ thông tin và sự cạnh tranh gay gắt thì yêu cầu này ngày càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

4.1.4. Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả

Việc cung cấp thông tin một cách hữu ích nhất với thời gian và tiết kiệm chi phí nhất, giảm thiểu các phần việc phức tạp, rườm rà, không cần thiết gây ảnh hưởng đến công tác hạch toán.

Nhìn chung, muốn nâng cao hiệu quả hoạt động của mình thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả cần đánh giá đúng đắn tình hình thực tế của doanh nghiệp, phát huy những mặt mạnh, khắc phục những mặt chưa được tốt, đồng thời phải đảm bảo tính khoa học, chính xác, kịp thời, từ đó có những đóng góp có ích cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ hơn.

4.2. Nội dung và giải pháp hoàn thiện Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc

Xuất phát từ cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc như đã nói ở trên đó là: Hiện tại giá vốn được BQL xác định từ giá trị hóa đơn Nhà thầu phụ cấp tương đương 98% giá trị hồ sơ khối lượng hoàn thành. Sau khi được chấp nhận thanh toán, BQL sẽ đề nghị Ban QLDA Thăng Long chuyển tiền thanh toán bao gồm (98% giá trị thực hiện hợp đồng sau thuế) và chi phí tổng thầu (2% giá trị thực hiện hợp đồng sau thuế) vào tài khoản vào BQL. Điều này làm cho các nhà thầu phụ không được xuất hóa

đơn cho phần 2% chi phí tổng thầu. Do đó để có thể đáp ứng được yêu cầu phản ánh và tính toán một cách trung thực, thống nhất và chính xác về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại BQL phải hoàn thiện hơn nữa kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bằng cách ghi nhận giá vốn (hóa đơn do thầu phụ cấp) bằng 100% giá bán với Chủ đầu tư còn phí tổng thầu viết hóa đơn và ghi nhận doanh thu riêng cho BQL. Từ đó nhà thầu có hóa đơn để hạch toán vào chi phí và BQL cũng ghi nhận doanh thu rõ ràng hơn.

4.2.1. Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc dưới góc độ kế toán tài chính

Hoàn thiện về thời điểm ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Theo tác giả, đối với tất cả các HĐXD có thời gian thực hiện kéo dài trên 1 năm, BQL cần xác định điểm dừng kỹ thuật cho từng giai đoạn thi công, tiến hành thủ tục và thực hiện nghiệm thu phần công việc hoàn thành. Dựa trên Biên bản nghiệm thu giữa BQL và Chủ đầu tư, Hồ sơ thanh toán có xác nhận của Chủ đầu tư và Hóa đơn, kế toán phải ghi nhận doanh thu cho phần công việc hoàn thành.

Đối với từng hạng mục nhỏ trong HĐXD có thời gian thực hiện trong vòng một kỳ kế toán năm như tại các gói hồ sơ số 10 thì không cần nghiệm thu để ghi nhận doanh thu cho từng phần mà thực hiện nghiệm thu khi công trình hoàn thành. Lúc này cũng dựa vào Biên bản nghiệm thu giữa BQL và Chủ đầu tư, Hồ sơ thanh toán có xác nhận của Chủ đầu tư và Hóa đơn, kế toán ghi nhận doanh thu của HĐXD,

Hoàn thiện việc xác định phần công việc hoàn thành và giá trị doanh thu hợp đồng xây dựng ghi nhận trong kỳ.

Để xác định phân công việc hoàn thành một cách hợp lí và đúng đắn thì BQL nên sử dụng phương pháp tỉ lệ % giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của HĐXD.

Hoàn thiện việc xác định chi phí cho phần công việc hoàn thành trong kỳ (giá vốn hàng bán) của hợp đồng xây dựng.

Đối với các HĐXD nghiệm thu từng phần khi có khối lượng xây lắp hoàn thành, để xác định đúng đắn chi phí cho phần công việc hoàn thành trong kỳ của HĐXD, BQL cần tính toán được chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kì theo Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí dự toán.

Từ chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kì, ta xác định được chi phí cho phần công việc hoàn thành của HĐXD (giá vốn) theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Chi phí cho} & & \text{Chi phí thực} & & & & \text{Chi phí thực} \\
 \text{phần công} & & \text{tế của khối} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{tế của khối} \\
 \text{việc} & & \text{lượng xây} & & \text{của khối} & & \text{lượng xây lắp} \\
 \text{hoàn thành} & = & \text{lắp} & + & \text{lượng xây lắp} & - & \text{dở dang cuối} \\
 \text{trong kỳ của} & & \text{dở dang đầu} & & \text{phát trong kì} & & \text{kì} \\
 \text{HĐXD} & & \text{kì} & & & &
 \end{array}$$

Tổ chức tài khoản kế toán: Việc tổ chức tài khoản kế toán để thu thập thông tin quá khứ phục vụ cho việc ra quyết định cần được tiến hành một cách có hệ thống và khoa học vừa đảm bảo cung cấp thông tin chi tiết theo yêu cầu quản trị, vừa đảm bảo khả năng đối chiếu giữa thông tin chi tiết với thông tin

tổng hợp liên quan của các đối tượng kế toán cụ thể. Để đáp ứng mục tiêu trên cần căn cứ vào hệ thống tài khoản của Nhà nước ban hành, trên cơ sở mục đích và yêu cầu của quản lý chi tiết đối với từng đối tượng để mở các tài khoản chi tiết theo dõi từng đối tượng như hạng mục xây lắp thi công của từng nhà thầu, bên cạnh đó còn có các hạng mục thi công cho từng đoạn, từng công trình, bao gồm bao nhiêu nhà thầu thực hiện.

4.2.2. Hoàn thiện Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc góc độ kế toán quản trị

Việc xây dựng dự toán chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh phải được thực hiện đồng bộ và phải có sự tham gia, phối hợp của các bộ phận trong BQL. Trên cơ sở lập dự toán căn cứ vào tình hình thực hiện các chỉ tiêu của năm trước, kế hoạch, định mức và dự báo của năm sau.

4.2.2.1. Xác định các trung tâm chi phí, trung tâm doanh thu và trung tâm lợi nhuận

BQL phải xác định được trung tâm doanh thu, trung tâm chi phí và trung tâm lợi nhuận. Việc xác định được các trung tâm này sẽ giúp BQL quản lý và điều hành một cách có hiệu quả hoạt động kinh doanh. Xác định các trung tâm doanh thu, chi phí, lợi nhuận đều phải phân chia thành các phòng, ban. Cụ thể trung tâm chi phí sẽ là bộ phận kế toán, phòng TCHC..., trung tâm doanh thu là phòng kinh doanh, trung tâm lợi nhuận là Ban giám đốc của BQL. Điều này phát sinh vấn đề đo lường và kiểm soát kết quả của bộ phận kinh doanh. Kế toán quản trị vận dụng hệ thống kế toán trách nhiệm để phân loại các bộ phận thành các trung tâm trách nhiệm từ đó đánh giá kết quả của từng bộ phận dựa trên trách nhiệm được giao của bộ phận.

4.2.2.2. Lập dự toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Sau khi xác định được các trung tâm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán quản trị phải xây dựng hệ thống các dự toán về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh để đánh giá hiệu quả của trung tâm trách nhiệm này.

Báo cáo nhằm đánh giá trách nhiệm và thành quả hoạt động, dựa trên báo cáo thực hiện doanh thu thực tế so với doanh thu dự toán. Thành quả quản lý của các trung tâm doanh thu thường được đánh giá bằng việc so sánh doanh thu có thể kiểm soát giữa thực tế so với dự toán và phân tích các chênh lệch phát sinh do ảnh hưởng của các nhân tố. Đơn vị có thể lập bảng sau:

Báo cáo kiểm soát doanh thu

Doanh thu có thể kiểm soát được	Thực tế			Dự toán linh hoạt			Chênh lệch dự toán linh hoạt			Dự toán tĩnh			Chênh lệch		
	SL	GB	DT	SL	GB	DT	SL	GB	DT	SL	GB	DT	SL	GB	DT
Đơn vị A															
Đơn vị B															
Tổng															

Theo thực tế quy trình đầu tư phải xong thiết kế bản vẽ thi công mới có dự toán. Vì tiến độ nên khi có thiết kế nhà thầu đã tiến hành thi công ngay và thanh toán theo Quyết định tạm phê duyệt dự toán do đó giá trị thực tế phải thi công cao hơn nhiều so với giá trị được duyệt. Tổng công ty phải ứng vốn thi công, đến nay chưa được thanh toán phần chênh lệch. Chính vì vậy việc xác định trung tâm chi phí một cách chính xác sẽ góp phần làm cho giá trị phê duyệt được chính xác gần với giá thực tế hơn. Đơn vị có thể lập bảng sau:

	DỰ TOÁN	THỰC HIỆN	CHÊNH LỆCH
Chi phí sản xuất đơn vị thầu A			
Chi phí sản xuất đơn vị thầu B			
Tổng cộng			

Phương pháp xác định chi phí định mức:

* Phương pháp kỹ thuật: Phương pháp này đòi hỏi sự kết hợp của các chuyên gia kỹ thuật để nghiên cứu thời gian thao tác công việc nhằm mục đích xác định lượng nguyên vật liệu và lao động hao phí cần thiết để sản xuất sản phẩm trong điều kiện về công nghệ, khả năng quản lý và nguồn nhân lực hiện có tại doanh nghiệp.

* Phương pháp phân tích số liệu lịch sử: Xem lại giá thành đạt được ở những kỳ trước như thế nào, tuy nhiên phải xem lại kỳ này có gì thay đổi và phải xem xét những chi phí phát sinh các kỳ trước đã phù hợp hay chưa, nếu không hợp lý, hợp lệ thì bỏ hay xây dựng lại.

* Phương pháp điều chỉnh: Điều chỉnh chi phí định mức cho phù hợp với điều kiện hoạt động trong tương lai của doanh nghiệp.

4.2.2.3. Tổ chức thu thập và cung cấp thông tin

Dựa vào hệ thống chỉ tiêu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh đã xây dựng dự toán theo từng trung tâm trách nhiệm, kế toán quản trị tổ chức thu thập thông tin theo các chỉ tiêu đó. Để thu nhận thông tin thực hiện kế toán quản trị cần bổ sung thêm các chỉ tiêu và hệ thống chứng từ đã sử dụng cho kế toán tài chính hoặc thiết kế theo các mẫu chứng từ nhằm thu thập các thông tin về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh chi tiết theo từng hoạt động, bộ phận, từng trung tâm trách nhiệm.

Các bộ phận kế toán có chức năng thu thập và cung cấp thông tin kế toán vừa tổng hợp vừa chi tiết, đồng thời lập dự toán tổng hợp và chi tiết theo yêu cầu quản lý, việc ghi chép, phản ánh, xử lý và truyền đạt thông tin được tính đến cả mục đích của KTTC và KTQT nhằm thỏa mãn nhu cầu thông tin kế toán cho cả đối tượng bên trong và bên ngoài BQL. Kế toán quản trị chi phí sử dụng báo cáo bộ phận để cung cấp thông tin cho nội bộ BQL. Đơn vị có thể lập bảng sau:

Báo cáo đánh giá kết quả của trung tâm lợi nhuận

Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Biến động TH/KH	
			Mức	Tỷ lệ
Doanh thu có thể kiểm soát				
Biến phí có thể kiểm soát				
Số dư đảm phí có thể kiểm soát				
Định phí có thể kiểm soát				
Lợi nhuận hoạt động có thể kiểm soát				

Ngoài ra, kế toán quản trị cần phải thiết kế thêm hệ thống thu nhận thông tin phục vụ riêng cho kế toán quản trị, phục vụ cho việc phân tích các nhân tố mang tính định tính như hệ thống thu nhận thông tin qua Email, internet, các phương tiện khác...

Sau khi thu nhập thông tin, kế toán tiến hành phân tích thông tin để cung cấp cho nhà quản trị:

Đối với thông tin quá khứ: dựa trên cơ sở số liệu doanh thu, chi phí, kế toán tiến hành lập báo cáo phân tích chi phí thành biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp. Sau đó kế toán lập báo cáo hoạt động kinh doanh theo cách ứng xử

của chi phí. Từ đó tiến hành phân tích điểm hòa vốn, xây dựng công thức dự toán chi phí.

Đối với thông tin tương lai: Từ các thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, kế toán quản trị đưa ra các phương án kinh doanh cho kỳ tới, và tiến hành phân tích, lập kết quả phân tích, tư vấn cho nhà quản trị doanh nghiệp ra quyết định kinh doanh. Nhà quản trị cần cung cấp nhiều thông tin tương lai, nhưng quan trọng và chỉ yếu là những thông tin liên quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà qua đó có thể kiểm soát được quá trình hoạt động của BQL cũng như có thể đánh giá được quá trình đó.

Bên cạnh việc tổ chức thu thập và cung cấp thông tin nói trên, công tác tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán và báo cáo kế toán cũng cần được xem xét kỹ lưỡng.

Căn cứ vào mô hình tổ chức kinh doanh của BQL hiện nay, BQL nên lựa chọn xây dựng mô hình kế toán kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị. Theo mô hình này, BQL sẽ tiết kiệm được chi phí, phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm chung về toàn bộ công tác kế toán trong BQL từ việc định khoản, hệ thống báo cáo, chứng từ... nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị. Kế toán quản trị đặt trọng tâm vào việc xây dựng kiểm tra, xác định và hoạch định các chi phí trong hoạt động kinh doanh. Kế toán quản trị không tách rời với kế toán tài chính mà kết hợp chung với nhau.

4.3. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, tại BQL cần nhận thức và phát huy nâng cao hơn nữa tầm quan trọng cũng như hiệu quả của việc thực hiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Bên cạnh đó, BQL nên chú trọng một số việc cơ bản như:

Tạo điều kiện nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ kế toán tài chính của mình, trang thiết bị vật chất để giúp kế toán nâng cao khả năng thu thập, xử lý, kiểm soát và cung cấp thông tin kế toán một cách chính xác, kịp thời nhất.

Phải thường xuyên tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, nhân viên kế toán nhằm đảm bảo không có yếu kém. Hơn nữa, luôn luôn chú trọng đến việc rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm, tư tưởng và bản lĩnh trong làm việc.

Cần tổ chức, sắp xếp lại bộ máy kế toán của công ty theo hướng kết hợp KTTC và KTQT đảm bảo kết quả hoạt động có hiệu quả.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Tóm lại, dựa trên nền tảng cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp, kết quả phân tích những nội dung tồn tại về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc, luận văn đã đề xuất những nội dung cơ bản để khắc phục những tồn tại về kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ đánh giá được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó, những nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian nghiên cứu nghiên cứu lý luận về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, cùng với việc tìm hiểu thực trạng tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc
Luận văn cơ bản giải quyết một số vấn đề sau:

- Trình bày những lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị.

- Trình bày khái quát thực trạng doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc

- Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tế tác giả đưa ra phương hướng hoàn thiện góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Ban quản lý.

Do nội dung của đề tài nghiên cứu khá rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn. Với trình độ bản thân có hạn, thời gian nghiên cứu không dài, luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô và các bạn để luận văn đầy đủ và hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn đến cô giáo TS. Bùi Thị Ngọc đã trực tiếp hướng dẫn, cùng các thầy cô trong khoa Kế toán, khoa Sau Đại học và toàn thể ban lãnh đạo cùng các cán bộ, nhân viên bộ phận kế toán tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng - Hòa Lạc đã giúp tôi hoàn thành bài khóa luận này.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban quản lý dự án đầu tư (2017), *Báo cáo hoạt động của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng năm 2015-2017*.
2. Ban quản lý dự án đầu tư (2017), *Báo cáo tài chính của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường Láng năm 2015-2017*
3. Ban quản lý dự án đầu tư (2008), *Hợp đồng tổng thầu 459/HĐ-XD* giữa Ban quản lý dự án Thăng với Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam.
4. Bộ Tài chính (2006), *Hệ thống chuẩn mực kế toán*.
5. Bộ Tài Chính, *Thông tư 45/2013/TT-BTC* ngày 25/4/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ
6. Bộ Tài chính (2006), *Thông tư 53/2006/TT-BTC* của Bộ trưởng Bộ tài chính, *hướng dẫn kế toán quản trị doanh nghiệp*.
7. Bộ Tài chính (2006), *Thông tư số 20/2006/TT-BTC* về việc hướng dẫn kế toán thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ- BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
8. Bộ Tài Chính ,*Thông tư số 147/2016/TT-BTC* ngày 13/10/2016 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ
9. Bộ Tài chính (2007), *Thông tư số 161/2007/TT-BTC* về việc hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
10. Bộ Tài chính (2009), *Thông tư số 241/2009/TT-BTC* hướng dẫn việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư dự án mở rộng và hoàn thiện đường Láng - Hòa Lạc.

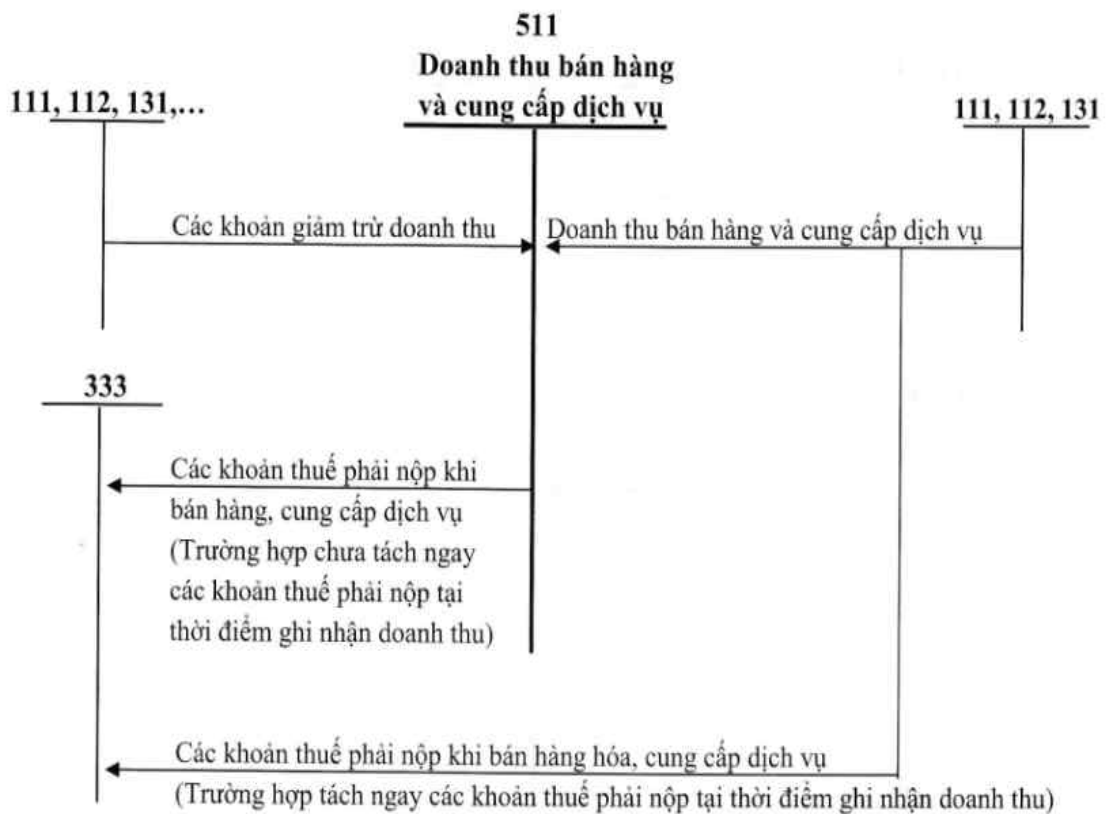
11. Bộ Tài Chính (2014), *Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp*.
12. Hà Thị Ngọc Hà (2016), *Kế toán Việt Nam trong điều kiện hội nhập TPP và AEC, Kỹ yếu hội thảo khoa học về kế toán, kiểm toán*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
13. Học viên Tài chính (2010), *Giáo trình Kế toán quản trị*, NXB Tài chính, Hà Nội.
14. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2008), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính, Hà Nội.
15. Nguyễn Quang Nghị (2010), *Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh xăng dầu tại các công ty xăng dầu miền Bắc thuộc Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex*.
16. Nguyễn Thanh Thủy (2015), *Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP kỹ thuật và xây dựng Minh Cường*
17. Nguyễn Ngọc Quang (2011), *Kế toán quản trị*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.
18. Phan Thị Sương (2014) “*Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí đáp ứng yêu cầu Chuẩn mực kế toán số 15 Hợp đồng xây dựng tại Công ty cổ phần xây lắp An Thịnh Phát*”
19. Phạm Quang (2002), *Phương hướng xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị và tổ chức vận dụng vào các doanh nghiệp Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, ĐH kinh tế quốc dân, Hà Nội.
20. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.
21. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật Kế toán Việt Nam*, NXB Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

22. Vũ Quốc Dương (2015), *Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh.*

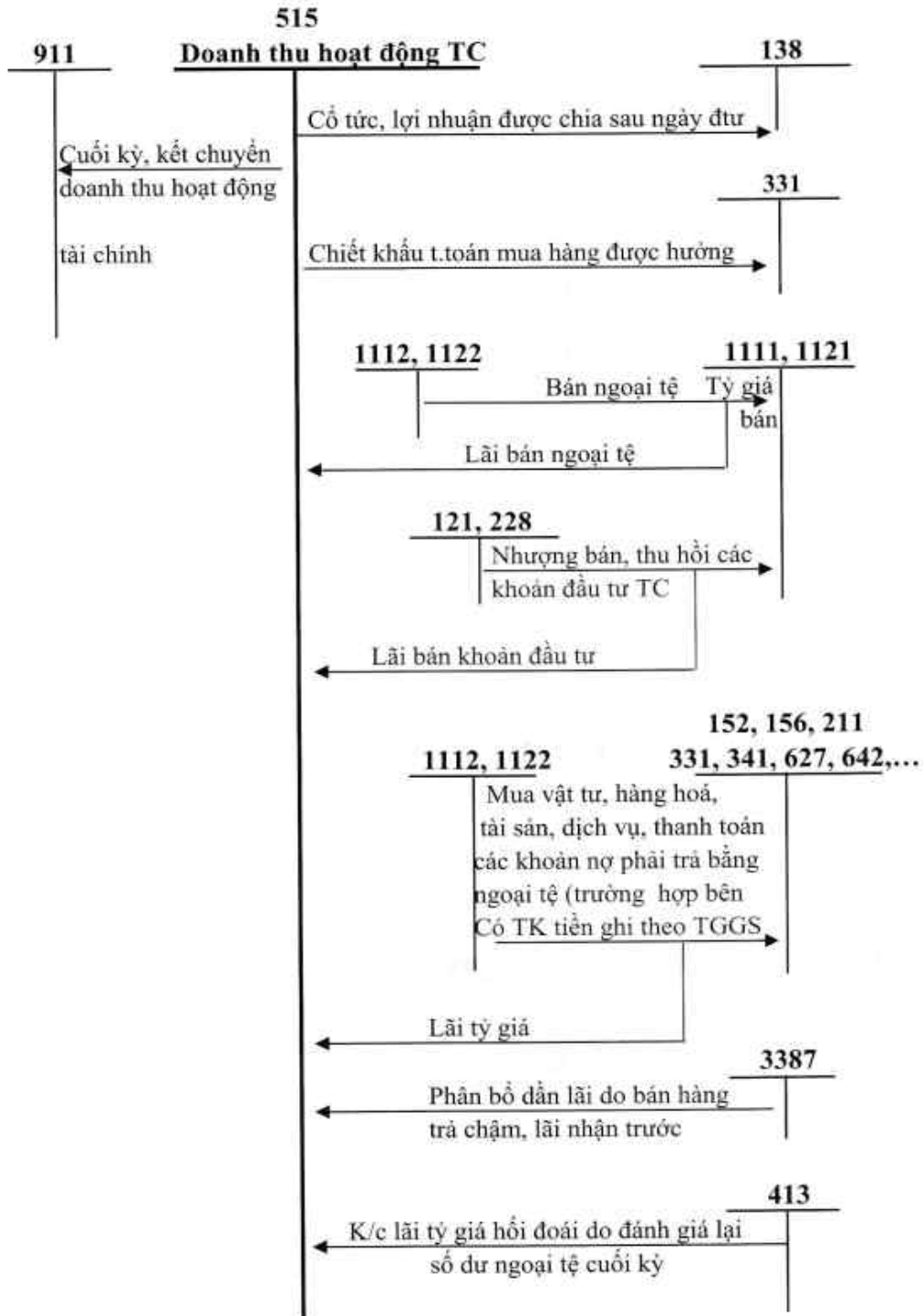
PHỤ LỤC

PHỤ LỤC SỐ 01
SƠ ĐỒ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

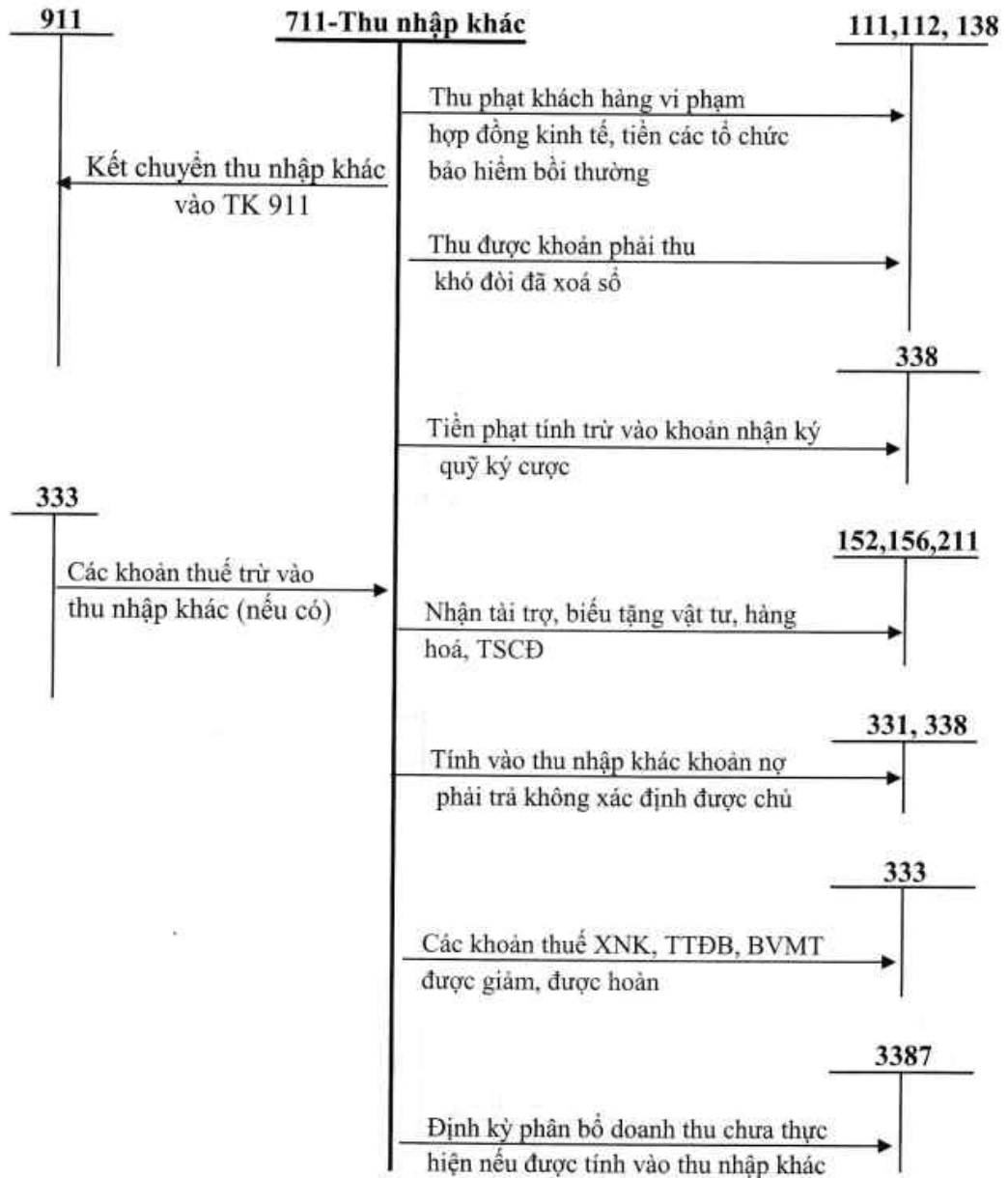
Sơ đồ 2.1: Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



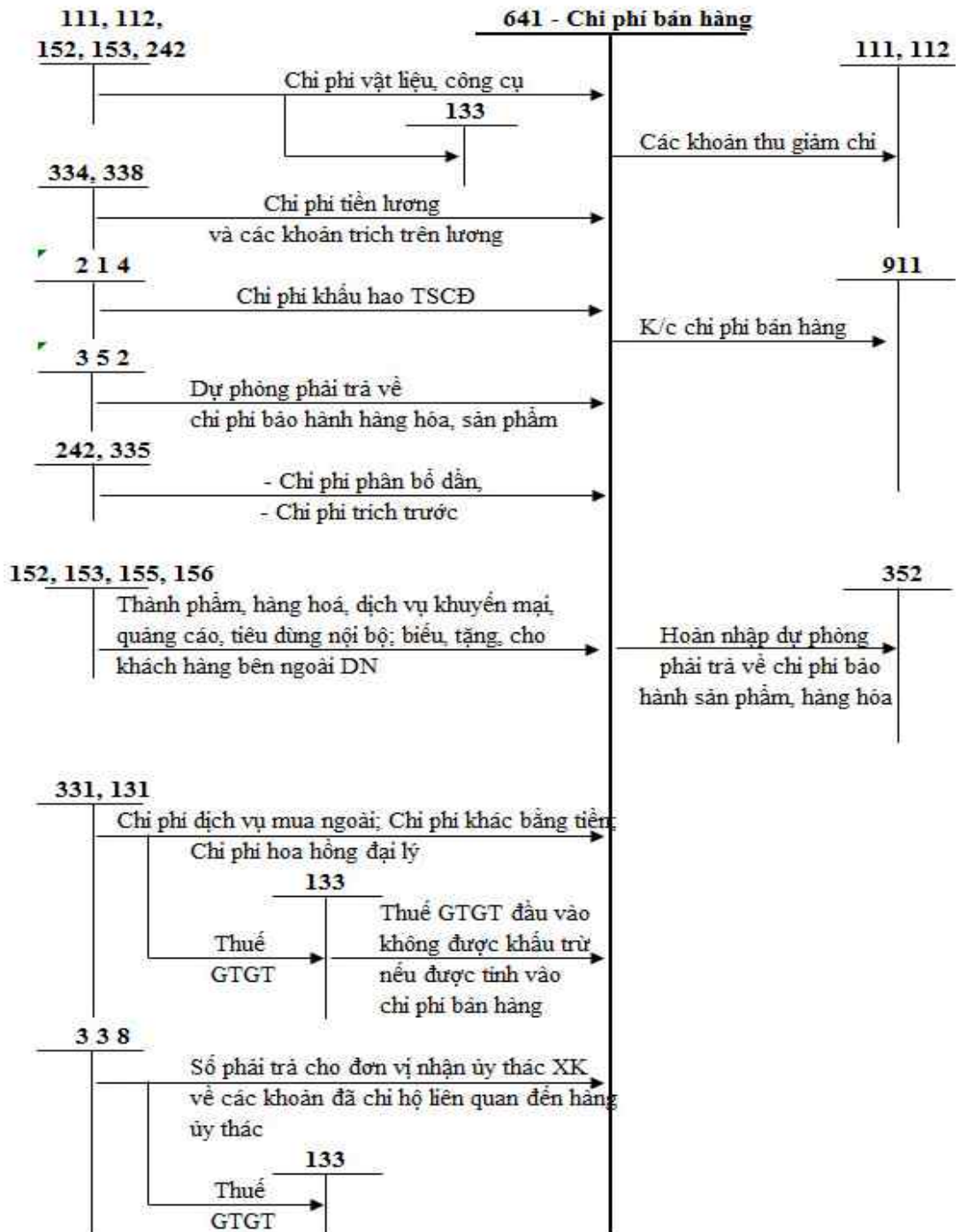
Sơ đồ 2.2: Phương pháp hạch toán doanh thu từ + hoạt động tài chính



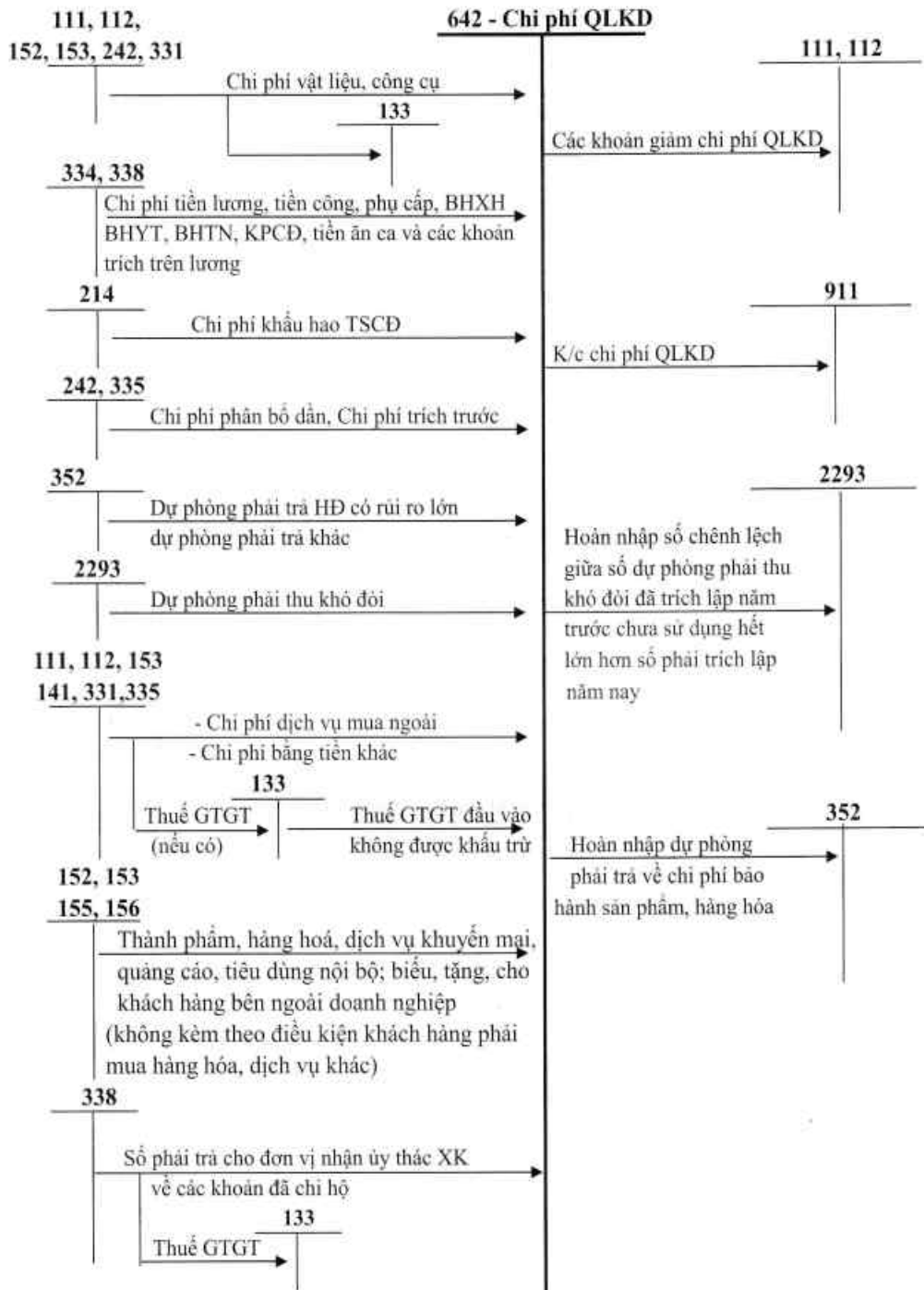
Sơ đồ 2.3: Phương pháp hạch toán các khoản thu nhập khác



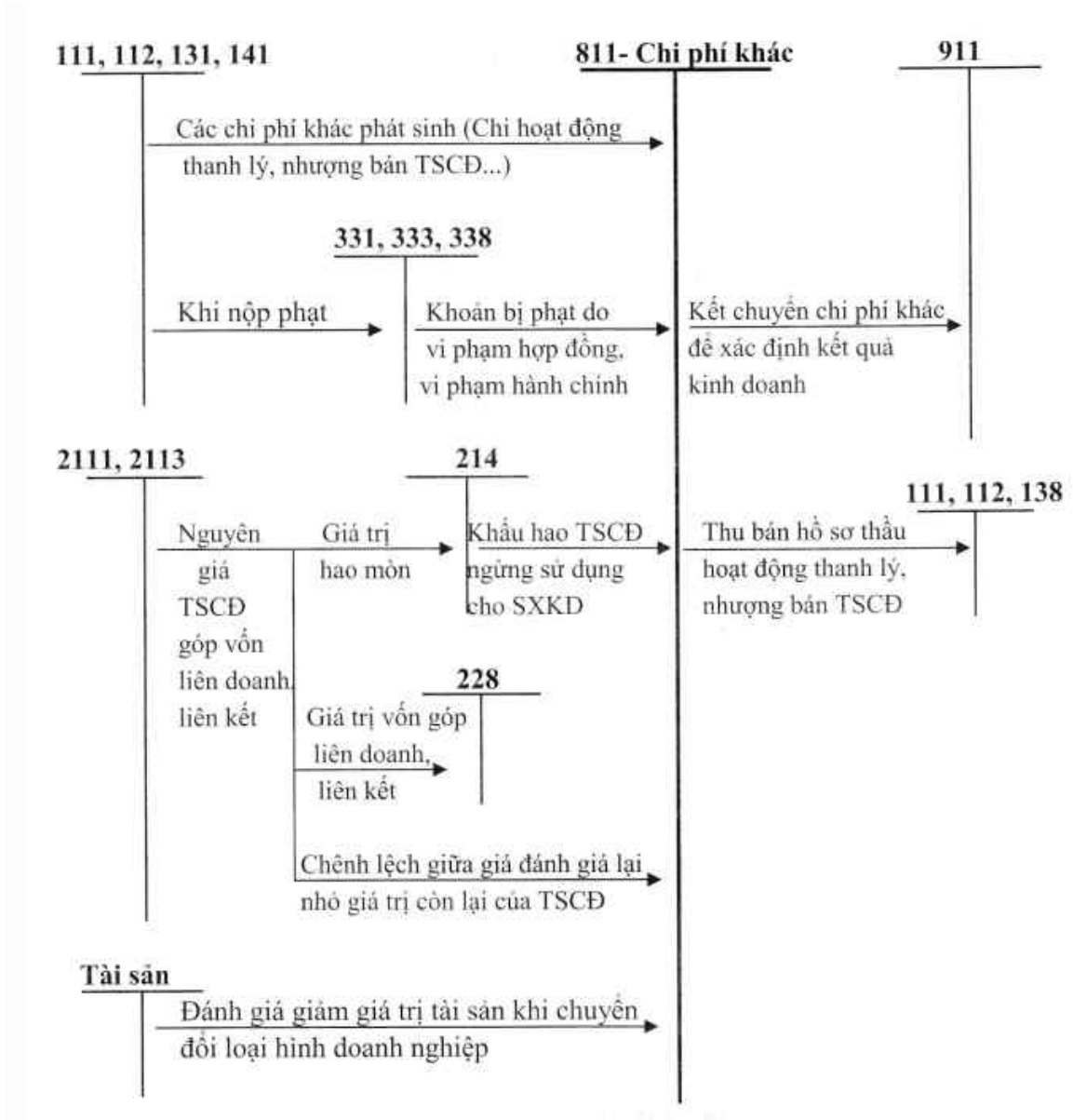
Sơ đồ 2.4: Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng



Sơ đồ 2.5: Phương pháp hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



Sơ đồ 2.6: Phương pháp hạch toán chi phí khác



Sơ đồ 2.7: Phương pháp hạch toán kết quả kinh doanh



PHỤ LỤC SỐ 02
DANH MỤC CHỨNG TỪ - SỔ SÁCH KẾ TOÁN

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Biểu mẫu 3.1: Tài khoản: 1541 - CF SXKD dở dang - Xây lắp

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 1541

Loại tiền: VNĐ

CTGS	Chứng từ		Họ tên/Đơn vị	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
				<i>Số dư đầu kỳ</i>		2,836,828,239	
24/10/2017	K0286	24/10/2017	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hà Thành	Khối lượng XLHT kỳ quyết toán - HĐ 87/2009 - Công ty Hà Thành	331	2,863,574,04 4	
31/10/2017	K0295	31/10/2017	Công ty CP XD số 5	Khối lượng KLHT hạng mục: Hàm, tường chắn và trạm bơm Hàm chui Đường sắt gói hồ sơ số 11 - HĐ 06/2010 - Vinaconex 5	331	1,075,016,32 1	

31/10/2017	K0296	31/10/2017	Công ty Cổ phần Xây dựng tự động hóa và truyền thông VINACON	Khối lượng XLHT hạng mục thiết bị, trạm bơm và điện chiếu sáng gói hồ sơ Tiểu dự án - Công ty Tự động hóa và truyền thông VINACON	331	2,720,602,139	
3/11/2017	K0304	03/11/2017	Công ty CP Xây dựng số 11	Khối lượng XLHT gói hồ sơ tiểu dự án TDA.50 - Công ty Vinaconex 11	331	27,624,240,000	
15/11/2017	K0333	15/11/2017	Công ty TNHH MTV đầu tư và phát triển nông nghiệp Hà Nội	Khối lượng XLHT kỳ 14.52 - HĐ 96/2008 - Công ty NNHN	331	1,148,844,437	
17/11/2017	K0336	16/11/2017	Công ty TNHH Cơ giới Quang Ninh	Khối lượng XLHT kỳ 7.328 HĐ 82/2011 - Cty Quang Ninh	331	1,329,328,101	
17/11/2017	K0341	17/11/2017	Công ty Cổ phần điện chiếu sáng Hải Phòng	Khối lượng XLHT kỳ quyết toán điện chiếu sáng gói tiểu dự án - Công ty điện CS Hải Phòng	331	3,887,021,573	
25/11/2017	K0354	25/11/2017	Công ty CP XD số 5	Khối lượng XLHT kỳ 7.240 - HĐ 81/2008/HĐ-XD ngày 10/04/2008 - Vinaconex 5	331	1,295,498,254	

30/11/2017	K0362	30/11/2017	Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 - Công ty CP	Khối lượng XLHT kỳ 10.104+105+106+107+108 - TCT XD CTGT 1	331	12,520,553,491	
01/12/2017	K0366	01/12/2017	Công ty CP Vinacone x 6	Khối lượng XLHT kỳ quyết toán gói hồ sơ số 6-HĐ 77/HĐ-XD ngày 08/03/2008	331	1,086,780,217	
01/12/2017	K0367	01/12/2017	Tổng công ty Thăng Long - CTCP	Khối lượng XLHT kỳ quyết toán gói hồ sơ số 8 - TCT Thăng Long	331	14,362,088,511	
06/12/2017	K0375	06/12/2017	Công ty TNHH Cơ giới Quang Ninh	Khối lượng xây lắp hoàn thành kỳ quyết toán gói 6 HĐ 173/2009 - Cty Quang Ninh	331	2,534,093,446	
12/12/2017	K0380	12/12/2017	Tổng công ty Vận tải Thủy - CTCP	Khối lượng XLHT kỳ quyết toán gói hồ sơ số 6 (km19+300 - Km20+00) - TCT VT Thủy	331	7,533,430,891	
14/12/2017	K0382	14/12/2017	Công ty Cổ phần thương mại công nghệ Bình Minh	Khối lượng XLHT hạng mục: San ủi, lấp tấm ốp giải phân cách giữa hai đường cao tốc - HĐ 132/2010/HĐ-XD ngày 11/08/2010 - Công ty TMCN Bình Minh	331	332,386,166	
20/12/2017	K0383	20/12/2017	Công ty TNHH Ngọc Minh	Khối lượng XLHT kỳ 10.90 - HĐ 129/2010/HĐ-XD ngày 03/08/2010 - Công ty TNHH Ngọc Minh	331	336,029,282	
22/12/2017	K0384	22/12/2017	Công ty TNHH Ngọc Minh	Khối lượng xây lắp hoàn thành gói 2 - HĐ 64/2008 - ngày 03/08/2010 - Công ty Ngọc Minh	331	1,979,949,674	

22/12/2017	K0386	22/12/2017	Công ty cổ phần kiến trúc và xây dựng Bắc Sơn	Khối lượng XLHT kỳ 10.110 - HĐ 49/2013 - Công ty kiến trúc XD Bắc Sơn	331	2,357,457,228	
22/12/2017	K0387	22/12/2017	Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 - Vinacone x	Khối lượng XLHT kỳ quyết toán gói 5 - HĐ 48/2008, PL 35/2017 - Công ty Vinaconex 16	331	1,628,483,489	
22/12/2017	K0389	22/12/2017	Công ty TNHH đầu tư và thương mại Tân Quang	Khối lượng XLHT kỳ 14.55 - Công ty Tân Quang	331	174,138,579	
23/12/2017	K0388	23/12/2017	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Khối lượng XLHT gói 6 - Lán trại - Công ty Vinaconex 2	331	513,074,909	
23/12/2017	K0391	23/12/2017	Đơn vị thi công	HT điều chỉnh phiếu chi 01.C345 ngày 24/12/2011	331		-4,828,000
23/23/2017	K0391	23/12/2017	Đơn vị thi công	HT điều chỉnh phiếu chi 01.C345 ngày 24/12/2011	331		-840,000
23/12/2017	K0391	23/12/2017	Đơn vị thi công	Trích giá vốn kinh phí khôi phục sửa chữa nắp hồ ga - Công ty Vinaconex 39, XL GTCC	6328		5,668,000
29/12/2017	K0409	29/12/2017	Công ty cổ phần xây dựng và cây xanh Hà Đô	Khối lượng XLHT gói tiêu dự án - HĐ 123/2008 ngày 27/12/2008 - CX Hà Đô	331	1,603,348,683	
29/12/2017	K0410	29/12/2017	Công ty CP xây dựng và cây xanh Hà Đô	Khối lượng XLHT kỳ 14.50 - HĐ 137/2008 ngày 06/05/2008 - công ty CX Hà Đô	331	298,272,800	

30/12/2017	K0415	30/12/2017	Công ty Công viên - Cây xanh Đà Nẵng	Khối lượng XLHT gói hồ sơ số 120/HĐ-XD ngày 28/08/2009 - Công ty công viên cây xanh - Đà Nẵng	331	1,129,202,726		
30/12/2017	K0425	30/12/2017	Ban quản lý dự án đường Láng - Hòa Lạc	Trong kỳ nhận hóa đơn giảm các khoản trích trước	3358		81,937,224,321	
30/12/2017	K0425	30/12/2017	Ban quản lý dự án đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển giá vốn xây lắp quý IV.2016	6321		11,233,018,879	
Tổng cộng							90,333,414,961	93,170,243,200
Lũy kế từ đầu năm							187,594,689,886	187,594,689,886
Số dư cuối kỳ								

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Biểu mẫu 3.2: Tài khoản: 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 421

Loại tiền: VNĐ

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			1,028,456,5 28
30/12/2017	KC QUY IV.07	30/12/2017	Kết chuyển lãi/lỗ hoạt động sản xuất kinh doanh	911	25,738,719	
			Tổng cộng		25,738,719	
			Lũy kế từ đầu năm		1,095,859,1 28	4,834,252,0 96
			Số dư cuối kỳ			1,002,717,8 09

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biên

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Biểu mẫu 3.3: Tài khoản: 5111 - Doanh thu bán các thành phẩm xây lắp

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 5111

Loại tiền: VND

CTGS	Chứng từ	Họ tên/Đơn vị	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
							<i>Số dư đầu kỳ</i>
31/10/2017	K0300	31/10/2017	Ban quản lý dự án Thăng Long	Khối lượng xây lắp hoàn thành gói hồ sơ số 7, 10, 13 - dự án mở rộng và hoàn thiện đường Láng - Hòa Lạc	131		34,831,501,818
30/11/2017	K0361	30/11/2017	Ban quản lý dự án Thăng Long	Khối lượng xây lắp hoàn thành gói hồ sơ số 5, 6, 7, 9, 10, 12, 11, 14, 15	131		6,408,648,965
30/12/2017	K0419	30/12/2017	Ban quản lý dự án Thăng Long	Khối lượng XLHT kỳ 10.109 + 10.110	131		4,789,195,455
30/12/2017	KC QUY IV.06	30/12/2017	Ban quản lý dự án đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển doanh thu hoạt động xây lắp	911	46,029,346,238	
	Tổng cộng					46,029,346,238	46,029,346,238
	Lũy kế từ đầu năm					239,699,879,783	239,699,879,783
	Số dư cuối kỳ						

Hà Nội, ngày 31 tháng 12

năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2016

Biểu mẫu 3.4: Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 515

Loại tiền: VNĐ

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
31/10/2017	K0302	31/10/2017	Hạch toán lãi tháng 10.2017 - Ngân hàng ACB	1121		8,159
31/10/2017	K0302	31/10/2017	Hạch toán lãi tháng 10.2017 - Ngân hàng SCB	1121		61,014,628
30/11/2017	K0365	30/11/2017	HT lãi ngân hàng tháng 11/2017 - SCB	1121		111,818,607
30/11/2017	K0365	30/11/2017	HT lãi ngân hàng tháng 11/2017 - ACB	1121		5,497
30/12/2017	K0420	30/12/2017	HT lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12.2017 - ACB	1121		4,252
30/12/2017	K0420	30/12/2017	HT lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12.2017 - SCB	1121		75,662,459
30/12/2017	KC QUY IV.06	30/12/2017	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	75,680,367	
30/12/2017	KC QUY IV.06	30/12/2017	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	172,833,235	

		Tổng cộng		248,513,602	248,513,602
		Lũy kế từ đầu năm		497,453,465	497,453,465
		Số dư cuối kỳ			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc****Tổng công ty CP Vinaconex****Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc****SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN****Quý IV-2017****Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính****Tên đối tượng: ACB - Ngân hàng TMCP Á Châu (TK 344 60 439)****Loại tiền: VNĐ**

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
31/10/2017	K0302	31/10/2017	Hạch toán lãi tháng 10.2017 - Ngân hàng ACB	1121		8,159
30/11/2017	K0365	30/11/2017	HT lãi ngân hàng tháng 11/2017 - ACB	1121		5,497
30/12/2017	K0420	30/12/2017	HT lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12.2017 - ACB	1121		4,252
30/12/2017	K0420	30/12/2017	HT lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12.2017 - SCB	1121		75,662,459

30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/20 17	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	75,680,367	
			Tổng cộng		75,680,367	75,680,367
			Lũy kế từ đầu năm		75,751,459	75,751,459
			Số dư cuối kỳ			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

**Tên đối tượng: NH SG - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Hai Bà Trưng (STK
043 010 3958 100 001)**

Loại tiền: VNĐ

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
31/10/2017	K0302	31/10/2017	Hạch toán lãi tháng 10.2017 - Ngân hàng SCB	1121		61,014,628
30/11/2017	K0365	30/11/2017	HT lãi ngân hàng tháng	1121		111,818,607

			11/2017 - SCB			
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	172,833,235	
			Tổng cộng		172,833,235	172,833,235
			Lũy kế từ đầu năm		421,702,006	421,702,006
			Số dư cuối kỳ			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Biểu mẫu 3.5: Tài khoản: 632 - Giá vốn bán hàng

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 632

Loại tiền: VNĐ

Chứng từ		Họ tên/Đơn vị	Diễn giải	TTK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
K0297	31/10/2017	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hà Thành	Trích giá vốn kinh phí chính lý, đóng gói hồ sơ số 11 - Hà Thành	3358	6,090,909	
K0298	31/10/2017	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 703	Trích giá vốn chính lý, đóng gói hồ sơ gói 11 - cty 703	3358	1,801,795	

K0299	31/10/2017	Công ty cổ phần đầu tư phát triển điện lực và hạ tầng Việt Nam - Pidi	Trích giá vốn chính lý, đóng gói hồ sơ số 11 - Công ty Pidi	3358	1,272,727	
K0301	31/10/2017	Công ty TNHH sản xuất và xây dựng Thi Sơn	Trích giá vốn biên soạn, chỉnh lý đóng gói G4, 6, 11 - Công ty Thi Sơn	3358	4,810,269	
K0320	10/11/2017	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hạ tầng Vinaconex	Trích giá vốn kinh phí chỉnh lý đóng gói hồ sơ - Vina34 gói 4,6	3358	11,356,968	
K0321	10/11/2017	Công ty cổ phần xây dựng số 5	Trích giá vốn Kinh phí chỉnh lý, đóng gói hồ sơ	3358	9,909,091	
K0323	11/11/2017	Công ty CP Xây dựng số 11	Trích giá vốn kinh phí biên soạn, chỉnh lý hồ sơ gói 6 - Vina 11	3358	1,555,415	
K0325	10/11/2017	Công ty CP ĐTPT Hạ Tầng	Giá vốn chi phí thí nghiệm - ĐTPT hạ tầng	1542	38,282,844	
K0326	10/11/2017	Công ty TNHH Cơ giới Quang Ninh	Trích giá vốn kinh phí biên soạn, chỉnh lý gói hồ sơ 6 - Quang Ninh	3358	2,920,590	
K0329	15/11/2017	Công ty TNHH MTV đầu tư và phát triển nông nghiệp Hà Nội	Trích giá vốn kinh phí biên soạn, chỉnh lý - gói hồ sơ số 14 - Cty NNHN	3358	7,250,909	
K0330	15/11/2017	Tổng công ty Thăng Long - CTCP	Trích giá vốn kinh phí biên soạn chỉnh lý hồ sơ gói 8 - Tổng Thăng Long	3358	65,592,727	

K0331	15/11/2017	Công ty TNHH đầu tư và thương mại Tân Quang	Trích giá vốn kinh phí biên soạn, chỉnh lý, đóng gói hồ sơ gói 14 - Cty Tân Quang	3358	1,927,273	
K0332	15/11/2017	Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Vĩnh An	Trích giá vốn kinh phí biên soạn, chỉnh lý đóng gói hồ sơ gói 14 - Vĩnh An	3358	1,418,182	
K0334	16/11/2017	Công ty XD 123 - CN Tổng công ty XD CTGT 1 - Công ty CP	Trích giá vốn kinh phí chỉnh lý, đóng gói hồ sơ gói BTN tạo nhám - cty 123	3358	9,288,074	
K0335	17/11/2017	Công ty CP ĐTPH Hạ Tầng	Trích giá vốn biên soạn, chỉnh lý hồ sơ gói 8	3358	22,898,182	
K0338	17/11/2017	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 703	Trích giá vốn kinh phí biên soạn chỉnh lý gói 6 - Cty 703	3358	943,580	
K0338	17/11/2017	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 703	Trích giá vốn kinh phí biên soạn chỉnh lý gói 8 - Cty 703	3358	1,411,818	
K0342	22/11/2017	Tổng công ty Vận tải Thủy - CTCP	Trích giá vốn kinh phí biên soạn, chỉnh lý hồ sơ gói 6	3358	15,902,491	
K0343	22/11/2017	Tổng công ty Vận tải Thủy - CTCP	Trích giá vốn sơn bù lại sau bù lún BTN - TCT VT thủy	1542	1,085,091	
K0344	22/11/2017	Công ty CP FECON	Trích giá vốn kinh phí chỉnh lý, đóng gói hồ sơ gói 11 - FECON	3358	2,272,727	

K0345	23/11/2017	Công ty TNHH Ngọc Minh	Trích giá vốn kinh phí sơn lại sau bù lún BTN	1542	11,855,804	
K0356	28/11/2017	Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 - Vinaconex	Trích giá vốn kinh phí biên soạn chỉnh lý, đóng gói hồ sơ số 16	3358	25,604,799	
K0357	28/11/2017	Tổng công ty XDCT Giao thông 8	Trích giá vốn kinh phí chỉnh lý, biên soạn hồ sơ gói 9	3358	26,330,907	
K0359	30/11/2017	Công ty cổ phần xây dựng số 9	Trích giá vốn kinh phí biên soạn, chỉnh lý hồ sơ gói 12 - Vinaconex 9	3358	19,014,545	
K0360	30/11/2017	Công ty cổ phần vinaconex 6	Trích giá vốn kinh phí biên soạn, chỉnh lý hồ sơ nộp lưu trữ Quốc Gia - Gói 6 - Vinaconex 6	3358	1,844,810	
K0379	12/12/2017	Tổng công ty Vận tải Thủy - CTCP	Trích giá vốn kinh phí bù lún vượt lún dư - TCT VT Thủy	1542	228,356,728	
K0395	22/12/2017	Công ty cổ phần xây dựng cây xanh Hà Đô	Trích giá vốn kinh phí biên soạn, chỉnh lý đóng gói hồ sơ gói 6 - CX Hà Đô	3358	1,797,273	
K0390	23/12/2017	Công ty Cổ phần thương mại công nghệ Bình Minh	Trích giá vốn kinh phí biên soạn, chỉnh lý hồ sơ gói hồ sơ số 14 - Cty Bình Minh	3358	4,091,818	

K0391	23/12/2017	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC	Trích giá vốn kinh phí khôi phục sửa chữa nắp hố ga - Công ty Vinaconex 39, XL GTCC	1541	5,668,000	
K0392	23/12/2017	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC	Trích giá vốn kinh phí sửa chữa mặt đường phục vụ công tác xác nhận hết bảo hành - Vina 39	1542	21,362,218	
K0393	23/12/2017	Công ty CP đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC	Trích giá vốn kinh phí sửa chữa phục vụ bàn giao vỉa hè - Vinaconex 39	1542	110,244,180	
K0394	23/12/2017	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	Trích giá vốn kinh phí chỉnh lý, đóng gói hồ sơ nộp lưu trữ quốc gia gói 6 - Vinaconex 2	3358	17,939,691	
K0403	27/12/2017	Công ty CP đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC	Trích giá vốn kinh phí sửa chữa vỉa hè đường GP - Vinaconex 39	1542	41,818,182	
K0404	27/12/2017	Công ty CP Vimeco	Trích giá vốn kinh phí biên soạn, chỉnh lý hồ sơ gói 11 - Vimeco	3358	118,545,455	
K0404	27/12/2017	Công ty CP Vimeco	Trích giá vốn kinh phí biên soạn, chỉnh lý hồ sơ gói 12 - Vimeco	3358	14,381,818	

K0416	30/12/2017	Công ty CP Giao thông Hà Nội	Trích giá vốn kinh phí biên soạn, chỉnh lý hồ sơ gói 4, 6, 12 - Công ty GTHN	3358	5,775,430	
K0418	30/12/2017	Công ty CP Phúc Châu An	Trích giá vốn kinh phí chỉnh lý đóng gói hồ sơ gói 11 - Phúc Châu An	3358	4,818,182	
K0425	30/12/2017	Ban quản lý dự án đường Láng - Hòa Lạc	HT điều chỉnh giá vốn - Lán trại VN2 gói 6 căn cứ thương thảo hợp đồng	3358	(126,986,481)	
K0425	30/12/2017	Ban quản lý dự án đường Láng - Hòa Lạc	Trích trước giá vốn hoạt động xây lắp tháng quý IV.2016	3358	33.275.840.062	
K0425	30/12/2017	Ban quản lý dự án đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển giá vốn xây lắp quý IV.2016	1541	11.233.018.879	
K0425	30/12/2017	Ban quản lý dự án đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển giá vốn hạng mục TLS (KL BQL thực hiện thay quang Tuyển)	1544	643,526,648	
KC QUY IV.06	30/12/2017	Ban quản lý dự án đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển giá vốn dịch vụ khác	911		867,441,502
KC QUY IV.06	30/12/2017	Ban quản lý dự án đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển giá vốn xây lắp	911		45,025,399,108
			Tổng cộng		45,892,840,610	45,892,840,610
			Lũy kế từ đầu năm		237.332.146.585	237,332,146,585
			Số dư cuối kỳ			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Biểu mẫu 3.6: Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 642

Loại tiền: VNĐ

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
07/10/2017	K0274	07/10/2017	Ngân hàng thu phí SMS banking tháng 10.2017 SĐT 09838111222	1121	7,700	
07/10/2017	K0274	07/10/2017	Ngân hàng thu phí SMS banking tháng 10.2017 SĐT 0905555225	1121	7,700	
12/10/2017	K0277	12/10/2017	Thanh toán hoàn tạm ứng chi phí mua lốp xe ô tô 29U - 8224	141	3,272,727	
17/10/2017	C0138	17/10/2017	Thanh toán chi phí thay thế linh kiện và sửa chữa xe ô tô 29M - 0341	1111	3,368,181	
07/11/2017	C0140	07/11/2017	Thanh toán cước viễn thông BQL tháng 9/2017	1111	1,646,171	
07/11/2017	C0141	07/11/2017	Thanh toán chi phí xăng xe ô tô 29M- 0341 tháng 10/2017	1111	7,251,091	
07/11/2017	C0142	07/11/2017	Thanh toán chi phí dịch vụ ăn uống	1111	8,140,000	

07/11/2017	K0312	07/11/2017	Ngân hàng thu phí SMS banking tháng 11.17 (SĐT 0983811222)	1121	7,700	
07/11/2017	K0312	07/11/2017	Ngân hàng thu phí SMS banking tháng 11.17 (SĐT 0905555225)	1121	7,700	
08/11/2017	C0143	08/11/2017	Thanh toán phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe ô tô 29U - 8224 từ 10/10/2017 đến 10/10/2018	1111	480,700	
08/11/2017	C0144	08/11/2017	Thanh toán phí công chứng tài liệu theo đề nghị của các phòng chuyên môn	1111	720,000	
08/11/2017	C0145	08/11/2017	Thanh toán phí gửi xe ô tô 29M-0341 tháng 10+11+12/2017	1111	2,454,545	
08/11/2017	K0316	08/11/2017	Trích chi phí thuê máy photocopy quý IV năm 2017	24237	6,000,000	
10/11/2017	C0146	10/11/2017	Thanh toán chi phí tiếp khách	1111	8,500,000	
10/11/2017	C0147	10/11/2017	Thanh toán chi phí xăng xe ô tô 29U -8224 tháng 10-2017	1111	4,726,546	
10/11/2017	K0318	10/11/2017	HT tiền lương tháng 10.2017	3342	169,761,402	
10/11/2017	K0318	10/11/2017	HT phụ cấp điện thoại	1121	1,200,000	

			tháng 10.2017			
10/11/2017	K0318	10/11/2017	Hạch toán trích 18% BHXH tháng 10.2017	3383	13,960,800	
10/11/2017	K0318	10/11/2017	Hạch toán trích 3% BHYT tháng 10.2017	3384	2,326,800	
10/11/2017	K0318	10/11/2017	Hạch toán trích 1% BHTN tháng 10.2017	3389	775,600	
10/11/2017	K0318	10/11/2017	Hạch toán trích 2% KPCĐ tháng 10.2017	3382	1,551,200	
10/11/2017	K0318	10/11/2017	Trích chi phí bổ sung do tăng lương cơ bản (Nguyễn Việt Dũng, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Văn Đám, Hoàng Minh Trung)	3383	1,771,000	
10/11/2017	K0318	10/11/2017	Phí chuyên lương tháng 10.2017	1121	51,000	
14/11/2017	C0150	14/11/2017	Ăn ca tháng 10.2017 phải trả cán bộ CNV	3342	13,455,000	
28/11/2017	C0151	28/11/2017	HT trích bổ sung quỹ lương quý IV/2017 cho CBCNV	3342	840,000	
28/11/2017	C0152	28/11/2017	Thanh toán tiền mua đồ dùng văn phòng tháng 10/2017	1111	593,694	
28/11/2017	C0153	28/11/2017	Thanh toán tiền photo, đóng quyền tài liệu tháng 10/2017	1111	2,189,200	

28/11/2017	C0154	28/11/2017	Thanh toán cước viễn thông tháng 10/2017	1111	1,562,507	
28/11/2017	C0155	28/11/2017	Thanh toán cước chuyển phát nhanh tháng 10/2017	1111	1,275,909	
28/11/2017	C0156	28/11/2017	Thanh toán tiền nước tinh khiết tháng 9+10+11/2017	1111	2,620,000	
05/12/2017	C0157	05/12/2017	Thanh toán chi phí xăng xe ô tô 29U - 8224 tháng 11/2017	1111	4,946,455	
07/12/2017	C0158	07/12/2017	Tiền ăn ca phải trả CB CNV tháng 11/2017	3342	13,454,000	
07/12/2017	K0377	07/12/2017	HT tiền lương tháng 11.2017	3342	169,781,809	
07/12/2017	K0377	07/12/2017	Phụ cấp điện thoại tháng 11.2017	1121	1,200,000	
07/12/2017	K0377	07/12/2017	Trích 18% BHXH tháng 11.2017	3383	14,200,200	
07/12/2017	K0377	07/12/2017	Trích 3% BHYT tháng 11.2017	3384	2,366,700	
07/12/2017	K0377	07/12/2017	Trích 1% BHTN tháng 11.2017	3389	788,900	
07/12/2017	K0377	07/12/2017	Trích 2%LCB KPCĐ tháng 11.2017	3382	1,577,800	
07/12/2017	K0377	07/12/2017	HT phí chuyển lương	1121	57,000	
09/12/2017	K0378	09/12/2017	Ngân hàng thu phí SMS tháng 12/2017SĐT 0905555225	1121	7,700	

09/12/2017	K0378	09/12/2017	Ngân hàng thu phí SMS tháng 12/2017 SĐT 0983811222	1121	7,700	
12/12/2017	C0159	12/12/2017	Thanh toán chi phí thay thế phụ tùng và sửa chữa xe ô tô 29M - 0341	1111	5,450,000	
12/12/2017	C0160	12/12/2017	Thanh toán chi phí xăng xe ô tô 29M - 0341 tháng 11/2017	1111	6,182,727	
25/12/2017	C0161	25/12/2017	Thanh toán chi phí tiếp khách	1111	2,950,000	
26/12/2017	C0162	26/12/2017	Thanh toán tiền mua lịch năm 2018 của TCT	1111	1,310,650	
27/12/2017	K0398	27/12/2017	Thanh toán kinh phí thuê nhân viên dọn vệ sinh tháng 9+10+11/2017 VP BQL tại Bắc An Khánh	1121	2,100,000	
27/12/2017	K0398	27/12/2017	Thanh toán phí dịch vụ bảo vệ tháng 9+10+11/2017 VP BQL tại Bắc An Khánh	1121	13,500,000	
27/12/2017	K0398	27/12/2017	Thanh toán tiền điện tháng 9+10+11/2017 VP BQL tại Bắc An Khánh	1121	29,795,406	
27/12/2017	K0398	27/12/2017	Thanh toán tiền nước tháng 9+10+11/2017 VP BQL tại Bắc An Khánh	1121	432,121	

27/12/2017	K0398	27/12/2017	Thanh toán phí môi trường tháng 9+10+11/2017 VP BQL tại Bắc An Khánh	1121	43,212	
27/12/2017	K0399	27/12/2017	Thanh toán hợp đồng số 3898/2017 cho Công ty Thái Sơn - Dịch vụ chữ ký số và dịch vụ khai báo bảo hiểm điện tử	1121	1,850,000	
27/12/2017	K0401	27/12/2017	Thanh toán cho công ty ANA phí bảo trì phần mềm kế toán doanh nghiệp từ 9/2016 đến 30/08/2017	1121	7,680,000	
27/12/2017	K0401	27/12/2017	Ngân hàng trả lại tiền do sai tên chi nhánh Ngân hàng	1121		7,680,000
28/12/2017	K0405	28/12/2017	Thanh toán phí bảo trì phần mềm kế toán doanh nghiệp từ 9/2016 đến 30/08/2017) - Ana	1121	7,680,000	
30/12/2017	C0167	30/12/2017	Thanh toán cước chuyển phát nhanh tháng 12/2017	1111	1,358,011	
30/12/2017	C0168	30/12/2017	Thanh toán cước phí chuyển phát nhanh tháng 11/2017	1111	1,620,909	

30/12/2017	C0169	30/12/2017	Thanh toán tiền phô tô + đóng quyển tháng 11/2017	1111	15,740,300	
30/12/2017	C0170	30/12/2017	Thanh toán tiền văn phòng phẩm	1111	2,127,400	
30/12/2017	C0171	30/12/2017	Thanh toán tiền phô tô + đóng quyển tháng 12/2016	1111	8,294,000	
30/12/2017	C0172	30/12/2017	Thanh toán tiền văn phòng phẩm	1111	7,793,400	
30/12/2017	C0173	30/12/2017	Thanh toán mua đồ dùng văn phòng của BQL tháng 11+12/2016	1111	1,154,410	
30/12/2017	C0174	30/12/2017	Thanh toán tiền lệ phí công chứng	1111	587,000	
30/12/2017	C0175	30/12/2017	Thanh toán tiền nước uống tinh khiết tháng 11, 12/2017	1111	1,920,000	
30/12/2017	C0176	30/12/2017	Thanh toán tiền đồ mực, sửa máy tính, máy in	1111	5,230,000	
30/12/2017	C0177	30/12/2017	Thanh toán cước viễn thông tháng 11/2017	1111	1,850,504	
30/12/2017	C0178	30/12/2017	Hạch toán Tiền ăn ca tháng 12/2017	3342	13,455,000	
30/12/2017	C0179	30/12/2017	Thanh toán chi phí hoạt động xe ô tô 29U- 8224 tháng 12.2017	1111	4,740,182	

30/12/2017	C0180	30/12/2017	Thanh toán chi phí hoạt động xe ô tô 29M-0341 tháng 12.2017	1111	7,945,636	
30/12/2017	C0181	30/12/2017	Thanh toán chi phí ăn uống	1111	7,236,364	
30/12/2017	C0182	30/12/2017	Thanh toán dịch vụ ăn uống	1111	6,490,545	
30/12/2017	C0184	30/12/2017	Hạch toán tiền bổ sung quỹ lương cho CBCNV nhân dịp Tết dương lịch 2018	3342	173,125,000	
30/12/2017	C0185	30/12/2017	Hạch toán lương bổ sung tháng 11,12/2017 của Phạm Văn Hưng	3342	9,159,026	
30/12/2017	K0414	30/12/2017	HT tiền lương tháng 12.2017	3342	169,189,040	
30/12/2017	K0414	30/12/2017	Trích trước phụ cấp điện thoại tháng 12.2017	3358	1,200,000	
30/12/2017	K0414	30/12/2016	HT 18% BHXH tháng 12.2017	3383	11,766,437	
30/12/2017	K0414	30/12/2017	HT 3% BHYT tháng 12.2017	3384	2,366,700	
30/12/2017	K0414	30/12/2017	HT 1% BHTN tháng 12.2017	3389	788,900	
30/12/2017	K0414	30/12/2017	HT 2% Kinh phí công đoàn tháng 12.2017	3382	1,577,800	
30/12/2017	K0414	30/12/2017	Trích trước phí chuyển lương tháng 12.2017	3358	51,000	
30/12/2017	K0422	30/12/2017	Trích trước tiền cước điện	3358	1,730,259	

			thoại tháng 12.2017			
30/12/2017	K0422	30/12/2017	Trích trước quỹ lương 2017 chi dịp tết Âm Lịch	3358	259,688,000	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		951,544,27 7
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		43,964,000
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		55,818,837
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		593,694
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		46,727,677
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		47,546,063
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		5,230,000
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		9,530,000
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		33,316,909
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		4,491,120
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		29,795,406
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		5,015,333
30/12/2017	KC	30/12/2017	Kết chuyển chi	911		6,789,441

	QY IV.17		phí QLDN			
30/12/2017	KC QY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		3,254,410
30/12/2017	KC QY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		1,275,909
30/12/2017	KC QY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		13,500,000
			Tổng cộng		1,266,073,0 76	1,266,073,0 76
			Lũy kế từ đầu năm		4,307,701,8 21	4,307,701,8 21
			Số dư cuối kỳ			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc****Tổng công ty CP Vinaconex****Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc****SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN****Quý IV-2017****Tài khoản: 64201 - Tiền lương, tiền công****Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64201****Loại tiền: VNĐ**

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
10/11/2017	K0318	10/11/2017	HT tiền lương tháng 10.2017	3342	169,761,402	
28/11/2017	C0151	28/11/2017	HT trích bổ sung quỹ lương quý	3342	840,000	

07/12/2017	K0377	07/12/2017	IV/2017 cho CBCNV HT tiền lương tháng 11.2017	3342	169,781,809	
30/12/2017	C0184	30/12/2017	Hạch toán tiền bổ sung quỹ lương cho CBCNV nhân dịp Tết dương lịch 2018	3342	173,125,000	
30/12/2017	C0185	30/12/2017	Hạch toán lương bổ sung tháng 11,12/2017 của Phạm Văn Hưng	3342	9,159,026	
30/12/2017	K0414	30/12/2017	HT tiền lương tháng 12.2017	3342	169,189,040	
30/12/2017	K0422	30/12/2017	Trích trước quỹ lương 2017 chi dịp tết Âm Lịch	3358	259,688,000	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		951,544,277
			Tổng cộng		951,544,277	951,544,277
			Lũy kế từ đầu năm		3,145,932,75	3,145,932,75
			Số dư cuối kỳ		5	5

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 64202 - Phụ cấp có tính chất lương

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64202

Loại tiền: VNĐ

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
10/11/2017	K0318	10/11/2017	HT phụ cấp điện thoại tháng 10.2017	1121	1,200,000	
14/11/2017	C0150	14/11/2017	Ăn ca tháng 10.2017 phải trả cán bộ CNV	3342	13,455,000	
07/12/2017	C0158	07/12/2017	Tiền ăn ca phải trả CB CNV tháng 11/2017	3342	13,454,000	
07/12/2017	K0377	07/12/2017	Phụ cấp điện thoại tháng 11.2017	1121	1,200,000	
30/12/2017	C0178	30/12/2017	Hạch toán Tiền ăn ca tháng 12/2017	3342	13,455,000	
30/12/2017	K0414	30/12/2017	Trích trước phụ cấp điện thoại tháng 12.2017	3358	1,200,000	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		43,964,000

			Tổng cộng		43,964,000	43,964,000
			Lũy kế từ đầu năm		207,381,000	207,381,000
			Số dư cuối kỳ			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc****Tổng công ty CP Vinaconex****Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc****SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN****Quý IV-2017****Tài khoản: 64203 - BHXH, BHYT, KPCĐ****Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64203****Loại tiền: VNĐ**

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
10/11/2017	K0318	10/11/2017	Hạch toán trích 18% BHXH tháng 10.2017	3383	13,960,800	
10/11/2017	K0318	10/11/2017	Hạch toán trích 3% BHYT tháng 10.2017	3384	2,326,800	
10/11/2017	K0318	10/11/2017	Hạch toán trích 1% BHTN tháng 10.2017	3389	775,600	
10/11/2017	K0318	10/11/2017	Hạch toán	3382	1,551,200	

			trích 2% KPCĐ tháng 10.2017			
10/11/2017	K0318	10/11/2017	Trích chi phí bổ sung do tăng lương cơ bản (Nguyễn Việt Dũng, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Văn Đảm, Hoàng Minh Trung)	3383	1,771,000	
07/12/2017	K0377	07/12/2017	Trích 18% BHXH tháng 11.2017	3383	14,200,200	
07/12/2017	K0377	07/12/2017	Trích 3% BHYT tháng 11.2017	3384	2,366,700	
07/12/2017	K0377	07/12/2017	Trích 1% BHTN tháng 11.2017	3389	788,900	
07/12/2017	K0377	07/12/2017	Trích 2%LCB KPCĐ tháng 11.2017	3382	1,577,800	
30/12/2017	K0414	30/12/2017	HT 18% BHXH tháng 12.2017	3383	11,766,437	
30/12/2017	K0414	30/12/2017	HT 3% BHYT tháng 12.2017	3384	2,366,700	
30/12/2017	K0414	30/12/2017	HT 1% BHTN tháng 12.2017	3389	788,900	

30/12/2017	K0414	30/12/2017	HT 2% Kinh phí công đoàn tháng 12.2017	3382	1,577,800	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		55,818,837
			Tổng cộng		55,818,837	55,818,837
			Lũy kế từ đầu năm		246,134,587	246,134,587
			Số dư cuối kỳ			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Quý IV-2017

Tài khoản: 64204 - CF mua sắm TB, CCDC, đồ dùng VP

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64204

Loại tiền: VNĐ

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
28/11/2017	C0152	28/11/2017	Thanh toán tiền mua đồ dùng văn phòng tháng 10/2017	1111	593,694	
30/12/2017	KC QUY	30/12/2017	Kết chuyển chi phí	911		593,694

	IV.17		QLDN			
			Tổng cộng		593,694	593,694
			Lũy kế từ đầu năm		3,233,240	3,233,240
			Số dư cuối kỳ			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm
2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 64205 - Văn phòng phẩm, sách báo, photô

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64205

Loại tiền: VND

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
12/10/2017	K0277	12/10/2017	Thanh toán hoàn tạm ứng chi phí mua lốp xe ô tô 29U - 8224	141	3,272,727	
08/11/2017	K0316	08/11/2017	Trích chi phí thuê máy photô quý IV năm 2017	24237	6,000,000	
28/11/2017	C0153	28/11/2017	Thanh toán tiền photo, đóng quyền tài liệu tháng 10/2017	1111	2,189,200	

26/12/2017	C0162	26/12/2017	Thanh toán tiền mua lịch năm 2018 của TCT	1111	1,310,650	
30/12/2017	C0169	30/12/2017	Thanh toán tiền phô tô + đóng quyền tháng 11/2017	1111	15,740,300	
30/12/2017	C0170	30/12/2017	Thanh toán tiền văn phòng phẩm	1111	2,127,400	
30/12/2017	C0171	30/12/2017	Thanh toán tiền phô tô + đóng quyền tháng 12/2017	1111	8,294,000	
30/12/2017	C0172	30/12/2017	Thanh toán tiền văn phòng phẩm	1111	7,793,400	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		46,727,677
			Tổng cộng		46,727,677	46,727,677
			Lũy kế từ đầu năm		144,617,986	144,617,986
			Số dư cuối kỳ			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm
2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 64206 - CF hoạt động xe ô tô

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64206

Loại tiền: VND

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
17/10/2017	C0138	17/10/2017	Thanh toán chi phí thay thế linh kiện và sửa chữa xe ô tô 29M - 0341	1111	3,368,181	
07/11/2017	C0141	07/11/2017	Thanh toán chi phí xăng xe ô tô 29M-0341 tháng 10/2017	1111	7,251,091	
08/11/2017	C0143	08/11/2017	Thanh toán phí bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe ô tô 29U -8224 từ 10/10/201	1111	480,700	

			6 đến 10/10/201 7			
08/11/2017	C0145	08/11/2017	Thanh toán phí gửi xe ô tô 29M-0341 tháng 10+11+12/ 2017	1111	2,454,545	
10/11/2017	C0147	10/11/2017	Thanh toán chi phí xăng xe ô tô 29U -8224 tháng 10- 2017	1111	4,726,546	
05/12/2017	C0157	05/12/2017	Thanh toán chi phí xăng xe ô tô 29U - 8224 tháng 11/2017	1111	4,946,455	
12/12/2017	C0159	12/12/2017	Thanh toán chi phí thay thế phụ tùng và sửa chữa xe ô tô 29M - 0341	1111	5,450,000	
12/12/2017	C0160	12/12/2017	Thanh toán chi phí xăng xe ô tô 29M - 0341 tháng 11/2017	1111	6,182,727	

30/12/2017	C0179	30/12/2017	Thanh toán chi phí hoạt động xe ô tô 29U-8224 tháng 12.2017	1111	4,740,182	
30/12/2017	C0180	30/12/2017	Thanh toán chi phí hoạt động xe ô tô 29M-0341 tháng 12.2017	1111	7,945,636	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		47,546,063
			Tổng cộng		47,546,063	47,546,063
			Lũy kế từ đầu năm		153,822,670	153,822,670
			Số dư cuối kỳ			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex
Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 64207 - Công tác phí

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64207

Loại tiền: VNĐ

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
			Tổng cộng			
			Lũy kế từ đầu năm		4,360,909	4,360,909
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex
Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 64209 - Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64209

Loại tiền: VNĐ

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
30/12/2017	C0176	30/12/2017	Thanh toán tiền đồ mực, sửa máy tính, máy in	1111	5,230,000	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		5,230,000

			Tổng cộng		5,230,000	5,230,000
			Lũy kế từ đầu năm		15,770,000	15,770,000
			Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 64210 - Chi phí họp, hội nghị

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64210

Loại tiền: VND

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
			Tổng cộng			
			Lũy kế từ đầu năm		6,345,000	6,345,000
			Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex
Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 64211 - Chi phục vụ công tác chuyên môn

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64211

Loại tiền: VNĐ

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
27/12/2017	K0399	27/12/2017	Thanh toán hợp đồng số 3898/2017 cho Công ty Thái Sơn - Dịch vụ chữ ký số và dịch vụ khai báo bảo hiểm điện tử	1121	1,850,000	
27/12/2017	K0401	27/12/2017	Thanh toán cho công ty ANA phí bảo trì phần mềm kế toán doanh nghiệp từ 9/2016 đến 30/08/2017	1121	7,680,000	
27/12/2017	K0401	27/12/2017	Ngân hàng trả lại tiền do sai tên chi nhánh Ngân hàng	1121		7,680,000
28/12/2017	K0405	28/12/2017	Thanh toán phí bảo trì phần mềm kế toán doanh nghiệp từ 9/2016 đến 30/08/2017) - Ana	1121	7,680,000	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		9,530,000
			Tổng cộng		17,210,000	17,210,000
			Lũy kế từ đầu năm		17,210,000	17,210,000
			Số dư cuối kỳ			

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 64212 - Chi phí tiếp khách

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64212

Loại tiền: VND

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
07/11/2017	C0142	07/11/2017	Thanh toán chi phí dịch vụ ăn uống	1111	8,140,000	
10/11/2017	C0146	10/11/2017	Thanh toán chi phí tiếp khách	1111	8,500,000	
25/12/2017	C0161	25/12/2017	Thanh toán chi phí tiếp khách	1111	2,950,000	
30/12/2017	C0181	30/12/2017	Thanh toán chi phí ăn uống	1111	7,236,364	
30/12/2017	C0182	30/12/2017	Thanh toán dịch vụ ăn uống	1111	6,490,545	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		33,316,909
			Tổng cộng		33,316,909	33,316,909
			Lũy kế từ đầu năm		132,142,865	132,142,865
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 64213 - Các khoản phí và lệ phí

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64213

Loại tiền: VND

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
07/10/2017	K0274	07/10/2017	Ngân hàng thu phí SMS banking tháng 10.2017 SĐT 09838111222	1121	7,700	
07/10/2017	K0274	07/10/2017	Ngân hàng thu phí SMS banking tháng 10.2017 SĐT 0905555225	1121	7,700	
07/11/2017	K0312	07/11/2017	Ngân hàng thu phí SMS banking tháng 11.17 (SĐT 0983811222)	1121	7,700	
07/11/2017	K0312	07/11/2017	Ngân hàng thu phí SMS banking tháng 11.17 (SĐT 0905555225)	1121	7,700	
08/11/2017	C0144	08/11/2017	Thanh toán phí công chứng tài liệu theo đề nghị của các phòng chuyên môn	1111	720,000	
10/11/2017	K0318	10/11/2017	Phí chuyển lương tháng 10.2017	1121	51,000	
07/12/2017	K0377	07/12/2017	HT phí chuyển	1121	57,000	

			lương			
09/12/2017	K0378	09/12/2017	Ngân hàng thu phí SMS tháng 12/2017 SĐT 0905555225	1121	7,700	
09/12/2017	K0378	09/12/2017	Ngân hàng thu phí SMS tháng 12/2017 SĐT 0983811222	1121	7,700	
30/12/2017	C0167	30/12/2017	Thanh toán cước chuyển phát nhanh tháng 12/2017	1111	1,358,01 1	
30/12/2017	C0168	30/12/2017	Thanh toán cước phí chuyển phát nhanh tháng 11/2017	1111	1,620,90 9	
30/12/2017	C0174	30/12/2017	Thanh toán tiền lệ phí công chứng	1111	587,000	
30/12/2017	K0414	30/12/2017	Trích trước phí chuyển lương tháng 12.2017	3358	51,000	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		4,491,12 0
			Tổng cộng		4,491,12 0	4,491,12 0
			Lũy kế từ đầu năm		9,341,72 2	9,341,72 2
			Số dư cuối kỳ			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 64214 - Tiền điện

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64214

Loại tiền: VND

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
27/12/2017	K0398	27/12/2017	Thanh toán tiền điện tháng 9+10+11/2017	1121	29,795,406	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	VP BQL tại Bắc An Khánh Kết chuyển chi phí QLDN	911		29,795,406
			Tổng cộng		29,795,406	29,795,406
			Lũy kế từ đầu năm		100,899,143	100,899,143
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 64215 - Tiền nước

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64215

Loại tiền: VNĐ

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
28/11/2017	C0156	28/11/2017	Thanh toán tiền nước tinh khiết tháng 9+10+11/2017	1111	2,620,000	
27/12/2017	K0398	27/12/2017	Thanh toán tiền nước tháng 9+10+11/2017 VP BQL tại Bắc An Khánh	1121	432,121	
27/12/2017	K0398	27/12/2017	Thanh toán phí môi trường tháng 9+10+11/2017VP	1121	43,212	
30/12/2017	C0175	30/12/2017	BQL tại Bắc An Khánh Thanh toán tiền nước uống tinh khiết tháng 11, 12/2017	1111	1,920,000	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		5,015,333

			Tổng cộng		5,015,333	5,015,333
			Lũy kế từ đầu năm		22,074,458	22,074,458
			Số dư cuối kỳ			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm
2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex
Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 64216 - Điện thoại, Internet

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64216

Loại tiền: VND

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
07/11/2017	C0140	07/11/2017	Thanh toán cước viễn thông BQL tháng 9/2017	1111	1,646,171	
28/11/2017	C0154	28/11/2017	Thanh toán cước viễn thông tháng 10/2017	1111	1,562,507	
30/12/2017	C0177	30/12/2017	Thanh toán cước viễn thông tháng 11/2016	1111	1,850,504	
30/12/2017	K0422	30/12/2017	Trích trước tiền cước điện thoại tháng 12.2017	3358	1,730,259	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		6,789,441
			Tổng cộng		6,789,441	6,789,441
			Lũy kế từ đầu năm		21,421,088	21,421,088

			Số dư cuối kỳ		
--	--	--	---------------	--	--

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm
2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 64217 - Chi phí vệ sinh VP

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64217

Loại tiền: VNĐ

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
27/12/2017	K0398	27/12/2017	Thanh toán kinh phí thuê nhân viên dọn vệ sinh tháng 9+10+11/2017 VP BQL tại Bắc An Khánh	1121	2,100,000	
30/12/2017	C0173	30/12/2017	Thanh toán mua đồ dùng văn phòng của BQL tháng 11+12/2017	1111	1,154,410	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		3,254,410
			Tổng cộng		3,254,410	3,254,410
			Lũy kế từ đầu năm		6,303,489	6,303,489
			Số dư cuối kỳ			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm
2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 64218 - Các chi phí khác

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64218

Loại tiền: VNĐ

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
28/11/2017	C0155	28/11/2017	Thanh toán cước chuyển phát nhanh tháng 10/2017	1111	1,275,909	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		1,275,909
			Tổng cộng		1,275,909	1,275,909
			Lũy kế từ đầu năm		1,275,909	1,275,909
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex
Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Tài khoản: 64223 - Chi phí thuê văn phòng

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 64223

Loại tiền: VNĐ

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
27/12/2017	K0398	27/12/2017	Thanh toán phí dịch vụ bảo vệ tháng 9+10+11/2017 VP BQL tại Bắc An Khánh	1121	13,500,000	
30/12/2017	KC QUY IV.17	30/12/2017	Kết chuyển chi phí QLDN	911		13,500,000
			Tổng cộng		13,500,000	13,500,000
			Lũy kế từ đầu năm		69,435,000	69,435,000
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex
Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ TỔNG HỢP TÀI KHOẢN
Quý IV-2017
Tài khoản: 642

SHTK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp			1,266,073,076	1,266,073,076		
64201	Tiền lương, tiền công			951,544,277	951,544,277		
64202	Phụ cấp cố tính chất lương			43,964,000	43,964,000		
64203	BHXH, BHYT, KPCĐ			55,818,837	55,818,837		
64204	CF mua sắm TB, CCDC, đồ dùng VP			593,694	593,694		
64205	Văn phòng phẩm, sách báo, phôtô			46,727,677	46,727,677		
64206	CF hoạt động xe ô tô			47,546,063	47,546,063		
64207	Công tác phí						
64209	Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị			5,230,000	5,230,000		
64210	Chi phí họp, hội nghị						
64211	Chi phục vụ công tác chuyên môn			17,210,000	17,210,000		
64212	Chi phí tiếp khách			33,316,909	33,316,909		
64213	Các khoản phí và lệ phí			4,491,120	4,491,120		
64214	Tiền điện			29,795,406	29,795,406		
64215	Tiền nước			5,015,333	5,015,333		
64216	Điện thoại, Internet			6,789,441	6,789,441		
64217	Chi phí vệ sinh VP			3,254,410	3,254,410		
64218	Các chi phí khác			1,275,909	1,275,909		
64223	Chi phí thuê văn phòng			13,500,000	13,500,000		

Tổng công ty CP Vinaconex
Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Biểu mẫu 3.7: Tài khoản: 711 - Thu nhập khác

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 711

Loại tiền: VNĐ

CTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	Có
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
			Tổng cộng			
			Lũy kế từ đầu năm		4,730,000	4,730,000
			<i>Số dư cuối kỳ</i>			

*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm
2017*

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Tổng công ty CP Vinaconex

Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Quý IV-2017

Biểu mẫu 3.8: Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Tên đối tượng: - Toàn bộ tài khoản: 911

Loại tiền: VNĐ

Chứng từ		Họ tên/Đơn vị	Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
			<i>Số dư đầu kỳ</i>			
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí QLDN	64201	951,544,277	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí QLDN	64202	43,964,000	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí QLDN	64203	55,818,837	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí QLDN	64204	593,694	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí QLDN	64205	46,727,677	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí QLDN	64206	47,546,063	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí QLDN	64209	5,230,000	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí	64211	9,530,000	

			QLDN			
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí QLDN	64212	33,316,909	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí QLDN	64213	4,491,120	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí QLDN	64214	29,795,406	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí QLDN	64215	5,015,333	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí QLDN	64216	6,789,441	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí QLDN	64217	3,254,410	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí QLDN	64218	1,275,909	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển chi phí QLDN	64223	13,500,000	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển giá vốn dịch vụ khác	6328	867,441,502	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển giá vốn xây lắp	6321	45,025,399,108	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		75,680,36'
KC QUY	30/12/2017	BQL DA đường	Kết chuyển	515		172,833,23'

IV.07		Láng - Hòa Lạc	doanh thu hoạt động tài chính				
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển doanh thu hoạt động xây lắp	5111		46,029,346,238	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển doanh thu khác	5112		847,635,127	
KC QUY IV.07	30/12/2017	BQL DA đường Láng - Hòa Lạc	Kết chuyển lãi/lỗ hoạt động sản xuất kinh doanh	4212		25,738,719	
		Tổng cộng				47,151,233,686	47,151,233,686
		Lũy kế từ đầu năm				243,726,943,525	243,726,943,525
		Số dư cuối kỳ					

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2017

KT Kế toán trưởng

Biểu mẫu 4.1: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Tên dự án: Mã dự án:

Tên gói thầu:

Hợp đồng số: ngày tháng năm 20... Phụ lục bổ sung hợp đồng số: ngày tháng năm

Chủ đầu tư:

Nhà thầu:

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:

Điểm báo nghiệm thu số: ngày tháng năm

Đơn vị đóng:


STT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thanh toán		Thành bản (đồng)				Ghi chú	
			Theo hợp đồng	Thực hiện			Theo hợp đồng	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Theo hợp đồng	Thực hiện				
				Lấy kê đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lấy kê đến hết kỳ này				Lấy kê đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lấy kê đến hết kỳ này		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	

1. Giá trị hợp đồng;
 2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước;
 3. Số tiền để thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước;
 4. Lấy kê giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này;
 5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng;
 6. Giá trị để nghiệm thanh toán kỳ này;
 Số tiền bằng chữ: (là số tiền để nghiệm thanh toán kỳ này).
 7. Lấy kê giá trị thanh toán.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Biểu mẫu 4.2: Hóa đơn - Chứng từ kế toán khác
HD GTGT số 0000030 và HD GTGT số 0000471



TỔNG CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
 Trụ sở chính: Tòa nhà VINACONEX, 34 Lê Lợi, Phường Lê Lợi, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
 Điện thoại: 04 62849234 * Fax: 04 62849208 * Web: www.vinacorex.com.vn
 MST: 0100105616

Mã số HGTGT/M01
 Ký hiệu: AA/7TP
 Số: **0000030**

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 1: Lưu
 Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Họ tên người mua hàng: _____
 Tên đơn vị: ban quản lý dự án Trường Long
 Địa chỉ: Tổ 15, Lĩnh Nam - Quận Hoàng Mai - TP. Hà Nội
 Số tài khoản: _____
 Hình thức thanh toán: CK MST: 0104053207

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	<u>Pha lỏng xây kíp - bán thời các gói 50kg (chất lượng hàng kém) - 10 gói, vật liệu và hoàn thiện đường lát gạch lát</u>				<u>42.976.646.486 đ</u>
Tổng tiền hàng:					<u>42.976.646.486 đ</u>
Thuế suất GTGT: <u>10%</u> Tiền thuế GTGT:					<u>4.297.664.649 đ</u>
Tổng cộng tiền thanh toán:					<u>47.274.311.135 đ</u>

Số tiền viết bằng chữ: ba mươi bảy tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm một nghìn, một trăm ba mươi bốn đồng


Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

thư 2
 Nguyễn Hồng Nhung

Người lập hóa đơn
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Thu Hà
 PHÓ PHÒNG TÀI CHÍNH - TỔNG HỢP
Nguyễn Việt Dũng

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ, tên)


Nguyễn Việt Dũng
 GIÁM ĐỐC



TỔNG CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tòa nhà VINACONEX, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
 Điện thoại: 04 62849234 * Fax: 04 62849208 * Web: www.vinaconex.com.vn
 MST: 0100105616

**HÓA ĐƠN
 GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 1: Lưu
 Ngày 30 tháng 10 năm 2017.

Mẫu số: 01GTKT001
 Ký hiệu: AA/17P
 Số: 0000471

Họ tên người mua hàng:
 Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Vipaco
 Địa chỉ: Số 34 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
 Số tài khoản:
 Hình thức thanh toán: CK MST: 04 01 95 2 2 99

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Kính phủ nhà chứa tủ lưu trữ chứng cứ bị án mở ứng và lưu trữ lưu trữ lưu trữ				589.239.919

Cộng tiền hàng: 589.239.919
 Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 58.923.992
 Tổng cộng tiền thanh toán: 648.163.911

Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi tám triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, chín trăm mười một đồng.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)
 Người lập hóa đơn (Ký, ghi rõ họ, tên)
 Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)
 Phó Phòng Tài Chính - Tổng Hợp
 Giám Đốc



Tổng công ty CP Vinaconex
Ban QLDA ĐTXD MR đường Láng - Hòa Lạc

Số: KC QUY IV.06

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 12 năm 2017

Đối tượng: Ban quản lý dự án đường Láng - Hòa Lạc

Địa chỉ:

Đơn vị: Đồng

TK Nợ	Mã DT	Số tiền VND	TK Có	Mã DT	Diễn giải
911		951.544.277	64201		Kết chuyển chi phí QLDN
911		43.964.000	64202		Kết chuyển chi phí QLDN
911		55.818.837	64203		Kết chuyển chi phí QLDN
911		593.694	64204		Kết chuyển chi phí QLDN
911		46.727.677	64205		Kết chuyển chi phí QLDN
911		47.546.063	64206		Kết chuyển chi phí QLDN
911		5.230.000	64209		Kết chuyển chi phí QLDN
911		9.530.000	64211		Kết chuyển chi phí QLDN
911		33.316.909	64212		Kết chuyển chi phí QLDN
911		4.491.120	64213		Kết chuyển chi phí QLDN
911		29.795.406	64214		Kết chuyển chi phí QLDN
911		5.015.333	64215		Kết chuyển chi phí QLDN
911		6.789.441	64216		Kết chuyển chi phí QLDN
911		3.254.410	64217		Kết chuyển chi phí QLDN
911		1.275.909	64218		Kết chuyển chi phí QLDN
911		13.500.000	64223		Kết chuyển chi phí QLDN
515	ACB	75.680.367	911		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
515	NH SG	172.833.235	911		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
5111		46.029.346.238	911		Kết chuyển doanh thu hoạt động xây lắp
5112		847.635.127	911		Kết chuyển doanh thu khác
911		867.441.502	6328		Kết chuyển giá vốn dịch vụ khác
911		45.025.399.108	6321		Kết chuyển giá vốn xây lắp
4212		25.738.719	911		Kết chuyển lãi/lỗ hoạt động sản xuất kinh doanh
Cộng		94.302.467.372			

Viết bằng chữ: Chín mươi bốn tỷ ba trăm lẻ hai triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng

Ngày 30 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

KT Kế toán trưởng
(Ký tên)

Giám đốc
(Ký tên)